**Tuần 1**  *Ngày soạn: 17/8/2017*

*Ngày dạy: ......../8/2017*

**CHƯƠNG I: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA CÁC ĐA THỨC**

**Tiết 1: §1. NHÂN ĐƠN THỨC VỚI ĐA THỨC**

I. **Mục tiêu**

1, Kiến thức

- Nhớ được quy tắc nhân đơn thức với đa thức

2, Kĩ năng

- Thực hiện được thành thạo phép nhân đơn thức với đa thức

- Biết suy luận từ những kiến thức cũ

3, Thái độ

- Yêu thích môn học, cẩn thận chính xác***.***

4.Định hướng hình thành năng lực,phẩm chất

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **Chuẩn bị**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Bài tập tình huống.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên như chuẩn bị tài liệu, TBDH ..

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**: (không kiểm tra)

**3. Tiến trình bài học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **A : Hoạt động khởi động** | |
| ***+Giao nhiệm vụ***  - GV: Cho HS hoạt động nhóm  - HS: Nhận nhiêm vụ    - GV: chốt lại ở các nhóm vào bài mới  GV: cho 2 HS đọc mục tiêu bài học | **a**.Diện tích của hình chữ nhật AMND là a.k  Diện tích của hình chữ nhật MBCN là b.k  **b.**Diện tích hình chữ nhật ABCD theo hai cách là  C1: a.k + b.k  C2: k. (a+b)  **c**. k.(a+b) = a.k + b.k |
| **B: Hoạt động hình thành kiến thức** | |
| ***+. Giao nhiệm vụ hoạt động chung cả lớp1.2***  - GV:Cho HSđọc nội dung 1.2  - HS: Nhận nhiệm vụ  GV? Muốn nhân một đơn thức với một đa thức ta làm như thế nào?  HS trả lời  ***+. Thực hiện nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 3***  HS: làm mục 3  GV: Hướng dẫn hs thực hiện  +. ***Thảo luận, trao đổi, báo cáo***  - GV: Gọi 4HS lên bảng trình bày | 3.  a,(-3x3).( x2 + 5x- )  = -3x3 . x2 + (-3x3).5x+ (-3x3). (- )  = - 3x5- 15x4 + x3  b,5 p.(4p2 + 7p -3)  = 20p3+ 35p2 -15p)  c, (4y2-5y+ 7).3y  = 12y3- 15y2 + 21y  d.(2x3- x2 +).6x2 y3  = 12x5y3- 2x4 + 3xy2 |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| +. Giao nhiệm vụ cho HS hoạt động bài 1 câu a,b nhóm sau đó gọi HS lên bảng trình bầy  +. Thực hiện nhiệm vụ bài 2 cau a (mẫu để HS về làm tương tự) | Bài 1/6  a,x3( 3x2 –x-)  = 3x5 - x4 - x3  b.(5xy –x2+ y) xy2  = 2x2y3 - x3 y2 + xy3  Bài 2/6  a,x(x+y)+ y(x-y)  = x2+ xy + xy – y2  = x2+ 2xy – y2  Thay x= -8 và y=7 vào biểu thức trên ta có  (-8)2 + 2.(-8).7 - 72  = 64 - 112-49  = - 97 |
| **D,E Hoạt động : Vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | |
| GV: cho HS về nhà làm bài 1c,2b,3, sgk trang 6  Phần D,E Không bắt buộc nhưng khuyến khích các e về nhà làm |  |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhận xét**:

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn:18/8/2017*

*Ngày dạy: 2 /8 /2017*

**Tiết 2,3 §2. NHÂN ĐA THỨC VỚI ĐA THỨC**

**I/ MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức:**

-Học sinh biếtđược quy tắc nhân đa thức với đa thức

**2. Kỹ năng:**

-Thực hiện được quy tắc nhân đa thức với đa thức

**3. Thái độ:**

* Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.
* Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4. Định hướng hình thành năng lực, phẩm chất**

- Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

- Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

**II/ CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Hình chữ nhật, Bài tập tình huống.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên như chuẩn bị tài liệu, miếng bìa hình chữ nhật

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Phát biểu được quy tắc nhân đơn thức với đa thức và làm bài 3a/6

- HS lên bảng trả lời

- HS+GV nhận xét

**3. Tiến trình bài học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung chính** |
| **A. Hoạt đông khởi động** | |
| 1.Bước 1: Giao nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 1a  HS nhận nhiệm vụ.  Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ  -HS thảo luận nhóm  Bước 3: T:hảo luận, trao đổi, báo cáo   * Gv quan sát giúp đỡ các nhóm HS gặp khó khăn. * Đại diện các nhóm HS trả lời.   2.GV cho HS hoạt đông cặp đôi mục2   * Gv quan sát giúp đỡ các nhóm HS gặp khó khăn. * Đại diện cạp đôi lên bảng trình bày   GV cho các nhóm khác nhận xét | **1**  a.Diện tích mỗi hình là:ac,ad,bc,bd  b. Có thể tínhdiện tích mặt dưới của hình hộp quà đó bằng những cách là  - Cộng(4) hình nhỏ  - Cộng(2) hình nhỏ  -Tính trực tiếp cả hình lớn  ......................................  2.a(c+d) = ac+ad  b. (c+d) = bc+bd  (a+ b)(c+d) = a(c+d)+ b. (c+d)  = ac+ad+ bc+bd |
| 1. **Hoạt động hình thành kiến thức** | |
| GV giao nhiệm vụ cho Hs hoạt động chung cả lớp mục 1,2  Bước 1: Giao nhiệm vụ   * GV cho HS nghiên cứu mục * HS nhận nhiệm vụ.   Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ  - HS Đọc  Bước 3:GV? Muốn nhân một đa thức với một đa thức ta làm như thế nào?  Tích của hai đa thức sẽ được kết quả là gì  2. GV cho HS hoạt động chung cả lớpmục 2  Muốn nhân đa thức với đa thức ta có thể trình bày như thế nào?  Quy tắc trình bày như thế nào? | c.a.(xy-2)(xy+5)  = x2y2+ 5xy-2xy-10  b.(xy-2)(x3-3x+ 6)  =x4y- x2y + 2xy -2 x3+6x-12  2. |
| **C.Hoạt động luyện tập** | |
| 1.GV cho HS hoạt động cặp đôi bài 1  Bước 1: Giao nhiệm vụ  GV cho HS làm  HS nhận nhiệm vụ  Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ  -HS hoạt động cá nhân mục 2a; 2b  mục 2c hoạt động nhóm  Bước 3:T:hảo luận, trao đổi, báo cáo   * GV quan sát giúp đỡ HS nếu   cần.   * HS thảo luận báo cáo kết quả.   Bước 4: Phương án KTĐG  GV cho HS các nhóm nhận xét  GV nhận xét chốt kiến thức.  Baì 2 GV gọi HS lên bảng làm câu a,b  Bài 3 GV cho hS thi giữa các nhóm bằng hình thức Gv treo bảng phụ và các nhóm lên điền nhóm nào đúng và nhanh sẽ chiến thắng  **Bài 4** GV cho HS làm thêm bài tập 4 thực hiện nhân hai đa thức theo cột dọc  HS hoạt động cặp đôi  Thảo luận, trao đổi, báo cáo  Bài 5:GV cho HS lên bảng làm bài  GV cho hoạt đông nhóm  T:hảo luận, trao đổi, báo cáo   * GV quan sát giúp đỡ HS nếu   cần. | Bài 1/10  a.(x2+2x+1)(x+1)  =x3 +x2+ 2x2+2x+x+1  = x3 +3x2+3x  b,(x3-x2+2x-1)(5-x)  =5 x3-x4-5x2+x3+10x-2x2-5+x  = 6x3-x4-7x2+11x-5  Suy ra: ,(x3-x2+2x-1)(x-5)  = -6x3+x4+7x2-11x+5  Bài 2/10  a.(x2y2-xy+3y)(x-3y)  =x3y2-3x2y3-x2y+xy2+3xy-9y2  b.(x2+xy+y2)(x-y)  =x3-x2y+x2y-xy2+xy2-y3  =x3-y3  Baì 3/10  Kết quả:  -999  -1  7  1,828125  Bài tập: Thực hiện phép tính theo cột dọc  X2 - 2x + 1  2x -3  -3x2 +6x -3  2x3 - 4x2 + 2x  2x3 -7x2 + 2x - 3  Bài tập :Chứng minh giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào giá tri của biến:  ( x -5) . ( 2x +3) -2x ( x - 3 ) + x + 7  = 2x2 + 3x - 10x - 15 -2x2 + 6x +x + 7  = - 8  Vậy giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào giá tri của biến: |
| **D,EHoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng** | |
| GV yêu cầu HS về làm bài tập 2cd+3+4 SGK và làm bài 2,3SGK | |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhân xét:**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Duyệt 21/8/2017

**Tuần 2+3**

Ngày soạn: 22/8 /2017

Ngày dạy: ......../9/2017

**Tiết 4+5: §3. NHỮNG HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ**

**I/MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

-Học sinh hiểu và nhớ thuộc lòng tất cả bằng công thừc và phát biểu thành lời về bình phương của tổng bìng phương của 1 hiệu và hiệu 2 bình phương

**2. Kỹ năng:**

-Học sinh biết áp dụng công thức để tính nhẩm tính nhanh một cách hợp lý giá trị của biểu thức đại số

**3. Thái độ:**

- Yêu thích môn học

- Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.

* Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4. Định hướng hình thành năng lực phẩm chất.**

- Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

- Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Bảng phụ bài2/13 và bài 4/16, Bài tập tình huống.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên như chuẩn bị tài liệu, TBDH ..

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định lớp** 8A: 8B

**2. KiÓm tra bµi cò:**

**+** Phát biểu qui tắc nhân đa thức với đa thức.

Làm bài Tính (a+b)(a+b)=> lấy kết quả này vào mục A

- HS lên bảng trả lời

- GV nhận xét

**3. Kế hoạch bài học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **A,B Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức** | |
| 1.a  \* Giao nhiệm vụ thực hiện ý 2 mục 1a hoạt động nhóm  HS nhận nhiệm vụ.  Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  HS thảo luận   * GV quan sát giúp đỡ HS nếu   cần.  GV chốt lại và chuyển muc b  \*Giao nhiệm vụ thực hiện mục 1b hoạt động chung cả lớp  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - GV? Phát biểu bằng lời sau đó gọi HS  \* Giao nhiệm vụ thực hiện mục c hoạt động nhóm  HS HĐ cá nhân  - HS thảo luận nhóm  -GV quan sát giúp đỡ HS nếu  cần.  GV chốt lại và chuyển muc  2.GV cho HS hoạt động cặp đôi ý a  -HS HĐ cá nhân  - HS thảo luận cặp đôi   * GV quan sát giúp đỡ HS nếu   cần.   * GV cho 2 nhóm lên bảng điền bảng phụ   b. GV cho HS HĐ chung cả lớp mục b  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - GV? Phát biểu bằng lời sau đó gọi HS phát biểu  C .GV cho HĐ nhóm mục 2c  -HS HĐ cá nhân  - HS thảo luận nhóm  - GV quan sát giúp đỡ HS nếu  cần.  3. a. GV cho HS HDD nhóm nhanh muc 3a  b. GV cho HS HĐ chung cả lớp mục b  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - GV? Phát biểu bằng lời sau đó gọi HS phát biểu  c. GV cho HĐ nhóm mục 3c  -HS HĐ cá nhân  - HS thảo luận nhóm  - GV quan sát giúp đỡ HS nếu  cần hoặc cho lên bảng trình bày | 1a.  a,b > 0: CT được minh hoạ  a b   |  |  | | --- | --- | | a2 | b | | ab | b2 |   Diện tích HCN là  C1:(a+b)(a+b)  C2: a2 + 2ab +b2.  Vậy ta có:  (a+b)(a+b) = a2 + 2ab +b2.  b. Với A, B là các biểu thức :   |  | | --- | | (A +B)2 = A2 +2AB+ B2 |   c.  (2a+1)2 = (2a)2 + 2.2a + 1=4a2+4a+1  X2+ 4x+ 4=(x+2)2  4012 = (400+1)2  2. a.Thực hiện phép tính  2 = a2 - 2ab + b2  (a-b)(a-b)= a2 - 2ab + b2  b.Với A, B là các biểu thức ta có:  ( A - B )2 = A2 - 2AB + B2  c.  (2x-y)2= (2x)2- 2.2xy+y2  =4x2-4xy+y2+  9992=(1000-1)2 = 10002- 2.1000 + 1=  1000000-2000+1= 9998001  3.  a.Với a, b là 2 số tuỳ ý ta có  (a + b) (a - b) = ...........= a2 - b2  b.Với A, B là các biểu thức tuỳ ý  A2 - B2 = (A + B) (A - B)  c. Tính  \*. (x - 2y) (x + 2y) = x2 - 4y2  \* Tính nhanh  56. 64 = (60 - 4) (60 + 4)  = 602 - 42 = 3600 -16 = 3584  77. 83 = (80 - 3) (80 + 3)  = 802 - 32 = 6400 -9 = 6391 |
| **D.E.Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng** | |
| GV yêu cầu HS về nhà làm bài tập 3c,d.5,6 SGK.  Phần D,E Không bắt buộc nhưng khuyến khích các e về nhà làm | |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh,nhận xét:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Duyệt 28/8/2017

**Tuần 3**  Ngày soạn: 22/8 /2017

Ngày dạy : /9/2017

**Tiết 6 §4. NHỮNG HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ (tiếp)**

**I/ MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

Học sinh hiểu và nhớ thuộc lòng tất cả bằng công thức và phát biểu thành lời về lập phương của tổng lập phương của 1 hiệu.

**2. Kỹ năng:**

Học sinh biết áp dụng các hằng đẳng thức trên để giải toán

**3. Thái độ:**

* Hoạt động tích cực và làm theo các yêu cầu của giáo viên.
* Chủ động trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4.-Định hướng hình thành năng lực**

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Bảng phụ, Bài tập tình huống.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên như chuẩn bị tài liệu, TBDH, Thuộc ba hằng đẳng thức 1,2,3

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức**

**2.Kiểm tra bài cũ:** - GV: Dùng bảng phụ

Hãy dấu (x) vào ô thích hợp:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công thức** | **Đúng** | **Sai** |
| 1  2  3  4  5 | a2 - b2 = (a + b) (a - b)  a2 - b2 = - (b + a) (b - a)  a2 - b2 = (a - b)2  (a + b)2 = a2 + b2  (a + b)2 = 2ab + a2 + b2 |  |  |

- HS lên bảng trả lời

- GVgọiHS nhận xét

**3. Kế hoạch bài học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **A.B.HĐKhởi động và hình thành kiến thức** | |
| 1.  \*Giao nhiệm vụ thực hiện mục 1a hoạt động nhóm  -HS nhận nhiệm vụ.Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  -HS thảo luận  -GV quan sát giúp đỡ HS nếu cần.  -GV chốt lại và chuyển muc b hoạt động chung cả lớp  \* Giao nhiệm vụ :Hoạt động chung cả lớp mục b  -HS hoạt động cá nhân mục 1b  -GV?Cho HS lên bảng viết công thức?  -GV?Phát biểu bằng lời hằng đẳng thức lập phương của một tổng?  \* Giao nhiệm vụ :Hoạt động cặp đôi mục c  -HS hoạt động cá nhân mục 1c  -HS thảo luận cặp đôi  -GV quan sát giúp đỡ HS nếu cần  -HS báo cáo  -GV chốt lại  2.  \*a.GV phát cho mỗi nhóm một bảng phụ đã ghi sẵn phép tính ở hai cách sau đó HS hoạt động nhóm điền bảng phụ rồi lên bảng dán  GV gọi nhận xét => chốt  \*b Hoạt đọng chung cả lớp mục b  -HS hoạt động cá nhân mục 1b  -GV?Cho HS lên bảng viết công thức?  -GV?Phát biểu bằng lời hằng đẳng thức lập phương của một hiệu  \*c. Giao nhiệm vụ thực hiện mục 2c hoạt động nhóm  -HS nhận nhiệm vụ.Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  -HS thảo luận  -GV quan sát giúp đỡ HS nếu cần.  -GV chốt lại bằng hình thức gọi một HS lên bảng trình bày | 1. a  (a+ b)(a+ b)2= (a+ b)(a2+ b2 + 2ab)  (a + b )3 = a3 + 3a2b + 3ab2 + b3  b.  Với A, B là các biểu thức  (A+B)3= A3+3A2B+3AB2+B3  Lập phương của 1 tổng 2 biểu thức bằng …  c)(2x+y)3=(2x)3+3(2x)2y+3.2xy2+y3  = 8x3 + 12 x2y + 6xy2 + y3  2.  a.  (a + (- b ))3 ( a, b tuỳ ý )  = a3 - 3a2b + 3ab2 - b3  (a - b )3=(a-b)(a-b)2= a3 -3a2b + 3ab2 -b3  b.  Với A, B là các biểu thức ta có:  (A - B )3 = A3 - 3A2 B + 3AB2 - B3  c. (x-3y)3 =x3-3x2.3y+3x.(3y)2-(3y)3  = x3 - 9x2y + 27xy2 - 27y3 |
| **C.Hoạt động luyện tập** | |
| Bài 1/17 GV cho Hs trong nhóm tự kiểm tra lẫn nhau .Sau đó GV gọi 2 HS trả lời  Bài 2/17  GV cho HS thảo luận nhóm bài 2  HS trao đổi và giải thích=>GV chốt  Bài 3 GV gọi HS lên bảng làm câu a,b  GV gọi HS nhận xét bổ sung=>GV chốt  Bài 4/17  GV gọi HS lên bảng làm câu a,mẫu  GV gọi HS nhận xét bổ sung=>GV chốt | Bài 1/17  Bài 2/17  Chọn ĐA: A.C.  HS nhận xét:  + (A - B)2 = (B - A)2  + (A - B)3  = - (B - A)3  Bài 3/17  a.(2y-1)3=(2y)3-3(2y)2.1+3.2y.12- 13  =8y3-12y2+6y-1  b.(3x2+2y)3 =(3x2)3+3(3x2)2.2y+3.3x2.(2y)2+(2y)3  = 27x6 + 54x4y + 36x2 y2 - 8y3  Bài 4/17  -x3+ 3x2-3x+1  = (1-x)3 |
| **D.E.Hoạt động : Vận dụng và tìm tòi mở rộng** | |
| GV yêu cầu HS về nhà làm bài tập 3c;4b SGK/t18 Làm thêm D.E/19 |  |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh,nhận xét:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Duyệt 04/9/2017

**Tuần 4**

Ngày soạn: 29 /8 /2017

Ngày dạy :......./9/2017

**Tiết 7,8 §5. NHỮNG HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ (tiếp)**

**I/ MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- H/s nắm được các HĐT : Tổng của 2 lập phương, hiệu của 2 lập phương, phân biệt được sự khác nhau giữa các khái niệm " Tổng 2 lập phương", " Hiệu 2 lập phương" với khái niệm " lập phương của 1 tổng" " lập phương của 1 hiệu".

**2. Kỹ năng:**

- HS biết vận dụng các HĐT " Tổng 2 lập phương, hiệu 2 lập phương" vào giải BT

-Củng cố kiến thức về bảy hằng đẳng thức đáng nhớ

**3. Thái độ:**

* Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.
* Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4.-Định hướng hình thành năng lực**

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

-Bảng phụ, Bài tập tình huống.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên như chuẩn bị tài liệu, TBDH ..

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức 8ª: 8b:**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Viết các HĐT lập phương của 1 tổng, lập phương của 1 hiệu và phát biểu thành lời?

Tính (x-2y)3 =x3-3x2.2y+3x.(2y)2-(2y)3

= x3 - 6x2y + 12xy2 - 8y3

GV cho HS nhận xét.

GV nhận xét cho điểm.

**3. Tiến trình bài học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **A.B.Hoạt động khởi độngvà HTKT** | |
| 1  \*a: Giao nhiệm vụ thực hiện cặp đôi mục 1a  -HS hoạt động cá nhân-cặp đôi  -HS báo cáo => GV chốt  \*b. Giao nhiệm vụ hoạt động chung cả lớp mục 1b  -HS hoạt động cá nhân  -HS hoạt động chung cả lớp  ?GV? Viết CT tổng hai lập phương?  GV? Phát biểu bằng lờ sau đó gọi HS phát biểu?  \*c. Giao nhiệm vụ hoạt động chung cả lớp mục 1c  -HS hoạt động cá nhân  -HS hoạt động chung cả lớp-Gv choHS lên bảng trình bày  2.  \*a: Giao nhiệm vụ thực hiện cặp đôi mục 2a  -HS hoạt động cá nhân-cặp đôi  -HS báo cáo => GV chốt  b. Giao nhiệm vụ hoạt động chung cả lớp mục 2b  -HS hoạt động cá nhân  -HS hoạt động chung cả lớp  ?GV? Viết CT hiệu hai lập phương?  GV? Phát biểu bằng lời sau đó gọi HS phát biểu?  + Hiệu 2 lập phương của 2 số thì bằng tích của 2 số đó với bình phương thiếu của một tổng 2 số đó.  + Hiệu 2 lập phương của 2 biểu thức thì bằng tích của hiệu 2 biểu thức đó với bình phương thiếu của tổng 2 biểu thức đó  c. Giao nhiệm vụ hoạt động chung cả lớp mục 2c  -HS hoạt động cá nhân  -HS hoạt động chung cả lớp-Gv choHS lên bảng trình bàybài 1 còn bài 2 gọi HS đứng tại chỗ trả lời | 1  a.Thực hiện phép tính sau với a,b là hai số tuỳ ý: (a + b) (a2 - ab + b2) = a3 + b3  b.Với a,b là các biểu thức tuỳ ý ta cũng có  A3 + B3 = (A + B) ( A2 - AB + B2)  c).\* Viết 8x3 + 27 dưới dạng tích  8x3 + 27= (2x + 3) (4x2 - 6x + 9)  \*Viết (x + 3) (x2 -3x + 9) dưới dạng tổng  Có: (x + 3) (x2 -3x + 9) = x3 + 27= x3 + 33  2.  a.Tính: (a - b) (a2 + ab + b2) với a,b tuỳ ý  Có: (a-b) (a2 + ab+ b2) = a3 - b3  b.Với A,B là các biểu thức ta cũng có  A3 - B3 = (A - B) ( A2 + AB + B2)  **c.Áp dụng**  \*Viết 8x3 -27y3 dưới dạng tích  8x3-(3y)3=(2x)3-(3y)3=(2x - 3y)(4x2 + 6xy + 9y2)  .\* Ô thứ hai đúng còn lại sai  **GV chú ý HS**  A3 + B3 = (A + B) ( A2 - AB + B2)  A3 - B3 = (A - B) ( A2 + AB + B2)  + Cùng dấu (A + B) Hoặc (A - B)  + Tổng 2 lập phương ứng với bình phương thiếu của hiệu.  + Hiệu 2 lập phương ứng với bình phương thiếu của tổng |
| **C.Hoạt động luyện tập** | |
| Bài 1/T20 GV cho các nhóm lên thi viết bẩy hắng đẳng thức đáng nhớ lần lượt mỗi em viết 1 lần ( bạn sau có thể sửa bài cho bạn trước) nhóm nào đúng và nhanh nhát sẽ chiến thắng  Sau đó gọi HS phát biểu bằng lời  Bài 2/t20  GV cho HS hoạt đông nhóm  Sau đó đại diện lên trình bày  Bài 3/T20.Chứng minh rằng  Giao nhiệm vụ HĐ nhom bài 3  HS Thảo luận, trao đổi, báo cáo  HS thảo luận và báo cáo kết quả.  GV quan sát giúp đỡ HS khi cần  GV cho các nhóm nhận xét.  GV cho HS làm thêm bài sau  GV choHS làm Sau đó gọi HS lên bảng chữa | Bài 2/ t20  a.(x-3)(x2+3x+9)-(54+x3)  =x3-27-54-x3  =-81  b.(3x+y)(9x2-3xy+y2)-(3x-y)(9x2+3xy+y2)  =27x3+y3-27x3+y3  =2y3 Bài 3/20  \* HSCM theo cách đặt thừa số chung như sau  VD: (a + b)3 - 3ab (a + b)  = (a + b) [(a + b)2 - 3ab)]  = (a + b) [a2 + 2ab + b2 - 3ab]  = (a + b)(a2 - ab + b2) = a3 + b3  Tính  a3 + b3=(-7)3-3.12.(-7)=-343+252=-91  Bài tập: Tính nhanh  a)342+662+ 68.66 = 342+ 662 + 2.34.66  = (34 + 66)2 = 1002 = 10.000  b)742 +242 - 48.74 = 742 + 242 - 2.24.74  = (74 - 24)2  = 502 = 2.500 |
| **D.E: Vận dụng và tìm tòi mở rộng** | |
| GV yêu cầu HS về làm bài tập 3b;4,5/C/T20 và bài 1;2 DE/t21 |  |

Rút kinh nghiệm, điều chỉnh,nhận xét:

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................Duyệt 04/9/2017

**Tuần 5** *Ngày soạn: 3/9/2017*

*Ngày dạy:......../9/2017*

**Tiết 9+10: PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶT NHÂN TỬ CHUNG VÀ DÙNG HẰNG ĐẲNG THỨC.**

**I/ MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được thế nào là phân tích đa thức thành nhân tử.
2. Kỹ năng: Biết cách tìm nhân tử chung và đặt nhân tử chung. Vận dụng được các hằng đẳng thức đã học vào việc phân tích đa thức thành nhân tử.
3. Thái độ. Thấy được vai trò quan trọng của môn toán.
4. Phẩm chất: Rèn tính cẩn thận, chính xác.
5. Năng lực: Phát triển năng lực tính toán…

**II**. **CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

-Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, chia nhóm,hoàn tất một nhiệm vụ

- Phương pháp: Dạy học theo nhóm, giải quyết vấn đề; hợp tác ,nghiên cứu điển hình

- Đồ dùng dạy học : SHDH; phấn màu, bài tập tình huống.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên như chuẩn bị tài liệu, TBDH ..

**III. TỔ CHỨC CAC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức 8ª: 8b:**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Viết các HĐT đáng nhớ và phát biểu thành lời?

GV cho HS nhận xét.

**3. Tiến trình bài học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Hình thức HĐ** | **Nội dung** |
| A.B. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức | A.1.HS đọc VD sau đó hoạt động cặp đôi và chốt nhóm  A.2  HS hoạt động cặp đôi sau đó chốt nhóm | 1.GV Cho HS hạt động nhóm mục 1a   1. 3x2 – 6x = 3x.x – 3x.2 = 3x(x – 2)   b.GV choHS hoạtđộng chung cảlớp 1b  ? Thế nào là phân tích đa thức thành nhân tử  Từ đó đưa VD để hình thành KN phân tích đa thức thành nhan tử bằng PP đặt nhân tử chung  c.2x3– x = x.2x2– x = x( 2x2-1)  3x2y2 + 12x2y – 15xy2=3xy.xy + 3xy.4x – 3xy.5y  = 3xy(xy+4x – 5y)  5x2(x-1) – 15x(x-1) =5x.x(x-1) – 5x.3(x-1)  = 5x.(x-1)(x-3)  3x(x-2y) + 6y(2y-x) = 3.x(x-2y)- 3.2y.(x-2y)  = 3.(x-2y)(x-2y)  GV chốt chung cả lớp phương pháp PTĐTTNH bằng cách đặt nhân tử chung.  2.  a. X2-6x+9 = (x-3)2; 4x2– 36 = (2x)2– 62  = (2x-6)(2x+6)  8 – x3 = 23-x3 = (2-x)(22+2x+x2)  b.GV chốt phương pháp dung HĐT  c.A = (2n+3)2 – 9 = (2n+3)2-32 =(2n+3-3)(2n+3+3)  = 2n.(2n+6) = 2n.2(n+3)= 4.n(n+3) |
| C. Hoạt động luyện tập  D.E. Hoạt động tìm tòi và mở rộng | C.1.Hoạt động cá nhân sua đó chốt nhóm  C.2  Hoạt động chung cả lớp làm câu a), sau đó hoạt động cá nhân rồi chốt nhóm. | GV cho HS hoạt động cá nhân sau đó lên bảng trình bày  a. 5x – 15y = 5.(x-3y)  b.  c. 14x2y2-21xy2+28x2y = 7xy(2xy – 3y + 4x)  d.  Các câu còn lại làm bằng phương pháp dung hằng đẳng thức. Lưu ý học sinh cần phân tích tối đa  2. Tìm x biết  a) x2(x+1)+2x(x+1)=0  x(x+1)(x+2) = 0  suy ra x = 0 hoặc x+1 = 0 hoặc x +2 = 0  x =0 hoặc x = -1 hoặc x = -2.  b) Làm tương tự câu a  c)    Suy ra x =  d)    3(DE). x+3y = xy +3    (x-xy) +(3y-3) = 0  x(1-y)-3(1-y) = 0  (1-y)(x-3) = 0  Suy ra x =3; y = 1.  Các phần còn lại yêu cầu học sinh về nhà làm |

***Rút kinh nghiệm và nhận xét***.

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Duyệt 18/9/2017

**Tuần 6** *Ngày soạn: 4/9/2017*

*Ngày dạy:..../9/2017*

**Tiết 11+12: PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG PHƯƠNG PHÁP NHÓM CÁC HẠNG TỬ VÀ PHỐI HỢP NHIỀU PHƯƠNG PHÁP**

1. **MỤC TIÊU**
2. Kiến thức: Biết nhóm các hạng tử một cách linh hoạt thích hợp để PTĐTTNT
3. Kỹ năng: Vận dụng được linh hoạt các phương pháp PTĐTTNT đã học vào việc giải các loại toán PTĐTTNT.
4. Thài độ: Yêu thích môn học.
5. Phẩm chất: Rèn tính cẩn thận, chính xác.
6. Năng lực: Phát triển năng lực tính toán…

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

-Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, chia nhóm,hoàn tất một nhiệm vụ

- Phương pháp: Dạy học theo nhóm, giải quyết vấn đề,nghiên cứu điển hình

- Đồ dùng dạy học : SHDH; phấn màu, bài tập tình huống.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học theo sự hướng dẫn của giáo viên như chuẩn bị tài liệu, TBDH ..

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ônr định tổ chức**

**2. Kiểm tyra bài cũ.**

- Phân tích đa thức thành nhân tử là gì?

Phân tích đa thức sau thành nhân tử x2y + 6xy2

**3. Tiến trình bài học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động*** | ***Hình thức hoạt động*** | ***Nội dung*** |
| A.B. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức. | A.B.1.a  Học sinh thực hiện cặp đôi  A.B.1.b  Học sinh thực hiện Hđchung cả lớp  A.B.c.  A.B.2  Học sinh thực hiện hoạt động nhóm | Học sinh thực hiện cặp đôi thực hiện các hoạt động như tài liệu học vào phiếu. Sau đó thảo luận nhóm và chốt kết quả.  -Lưu ý học sinh phần …đầu tiên ta cần làm gì ( phân tích mỗi nhóm đó thành tích các nhân tử); sau đó bước tiếp theo ta lại đặt nhân tử chung để phân tích.  X2-2x +xy-2y = (x2-2x) + (xy-2y) = x(x-2)+y(x-2)=(x-2)(x+y)  Tương tự cách 2.  Phát phiếu học tập yêu cầu học sinh làm việc nhóm ví dụ:  PTĐTTNH: X2+4x+4-9  Thử nhóm giống ví dụ trên có được không.  Có nhận xét gì về tổng ba hạng tử đầu, viết tổng đó về dạng em nhận xét.  Viết biểu thức đã cho về dạng A2 –B2 rồi viết về dạng tích các nhân tử  X2+4x+4-9 ( x+2)2-32=(x+2-3)(x+2+3)= (x-1)(x+5)  b.Yêu cầu cá nhân đọc , nhóm đọc.  Yêu cầu học sinh trả lời: Khi nhóm các hạng tử để PTĐTTNT thì ta nhóm như thế nào.  c.Yêu cầu làm việc cá nhân làm hai ví dụ PTĐTTNH như bài yêu cầu.  Lưu ý xem xét các cách làm khác nhau của học sinh ở VD đầu, sau đó nhận xét cách làm dễ hơn và phải phân tích tối đa nhân tử x2-1  Ở VD 2 lưu ý phải đảo vị trí 2 hạng tử cuối cho nhau để đưa về hiệu 2 bình phương.   * Ai đúng?   Cho học sinh thảo luận nhóm, đưa ra phương án đúng là bạn Mai.  GV chốt chung cả lớp những lưu ý khi PTĐTTNT trong phần 1.  a)HS làm việc nhóm, trao đổi đưa ra đáp án: Phương pháp dung hằng đẳng thức và đặt nhân tử chung.  Hs làm việc nhóm, xem gợi ý để làm ví dụ 2: x2-2x -3  b)Yêu cầu cá nhân đọc nội dung, cả lớp cùng theo dõi.  Trả lời câu hỏi: Khi PTĐTTNT ta dung các phương pháp nào. Ta nên sử dụng các phương pháp này như thế nào. |
|  |  | c) Áp dụng :  2x3y-2xy3-4xy2-2xy = 2xy(x2-y2-2y-1) = 2xy[x2-(y2+2y+1)]  = 2xy[x2-(y+1)2]= 2xy(x-y-1)(x+y+1) |
| C.Hoạt động luyện tập.  D.E. hoạt động vận dụng và tìm toì mở rông | C.1 Học sinh thực hiện hoạt động nhóm | 1. Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân sau đó chốt nhóm.  Yêu cầu một số lên bảng chữa chi tiết.  2. Yêu cầu nhóm thảo luận nêu cách tính nhanh.  Câu a đặt nhân tử chung đưa về tích các nhân tử rồi tính.  Câu b Tách tích 80.35 = 2.40.35 sau đó dung phương pháp nhóm và hằng đẳng thức để phân tích thành nhân tử rồi tính.  HS làm việc cá nhân rồi chốt nhóm.  3. Phương pháp: Phân tích vế trái thành tích các nhân tử rồi tìm x.  Yêu cầu một số cá nhân lên bảng làm.  4. Hoạt động nhóm, tìm cách làm, sau đó cá nhân làm .  Yêu cầu lên bảng chữa chung cả lớp.  D.E. Giao cho cá nhân về nhà làm. |

***Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhận xét.***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… Duyệt 25/9/2017

**Tuần 7**  Ngày soạn ../9/2017

Ngày dạy......./10/2017

**Tiết 13,14: CHIA ĐƠN THỨC CHO ĐƠN THỨC.**

**CHIA ĐA THỨC CHO ĐA THỨC.**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Hiểu được khái niệm đa thức A chia hết cho đa thức b. Nhận biết được khi nào đơn thức A chia hết cho đơn thức B; khi nào đa thức chia hết cho đơn thức.
2. Kỹ năng: Vận dụng được qui tắc chia đơn thức cho đơn thức; đa thức cho đơn thức.
3. Thái độ: Yêu thích môn học.
4. Phẩm chất: Rèn tính cẩn thận, chính xác.
5. Năng lực: Phát triển năng lực tính toán…

**II. CHUẨN BỊ**

**GV:**-Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, chia nhóm,hoàn tất một nhiệm vụ

- Phương pháp: Dạy học theo nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình

- Đồ dùng dạy học : SHDH; phấn màu, bài tập tình huống.

**HS:**SHD ,đồ dùng học tập

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra** (Các nhóm trình bày vào bảng nhóm)

Nêu các pp phân tích đa thức thành nhân tử ?

Tính nhanh: 872 + 732 - 272 - 132

**3. Tiến trình bài học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động | Hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học | Hoạt động của thầy và trò | Điều chỉnh. |
| A.Hoạt động khởi động. | Hoạt động cá nhân, sau đó chốt nhóm | HS thực hiện chia hai lũy thừa cùng cơ số.  Lưu ý 1.c) (-y)6:y5 = y6:y5 = y với y khác 0  ( Vì lũy thừa bậc chẵn của hai số đối nhau là bằng nhau)  2. HS thực hiện nhân các đơn thức và nhân đơn thức với đa thức.  2x3.3x = 6x4; 5xy2.(-3x3y) =-15x4y3  7xy2.(  ) = x3y5+21x3y2+7xy2 |  |
| B. Hoạt động hình thành kiến thức | Hoạt động chung cả lớp  Hoạt động nhóm  Hoạt động cá nhân  GV chốt chung cả lớp  Hoạt động cặp đôi làm 2.c  Hoạt động nhóm  Hoạt động chung cả lớp  Hoạt động cặp đôi | 1HS đọc phần 1. Cả lớp theo dõi.  GV đặt câu hỏi:  -Khi nào đơn thức A chia hết cho đơn thức B?  -Theo kết quả phần A.2. thì: đơn thức 6x4  chia hết cho đơn thức nào? Tương tự với đơn thức -15x4y3  HS thảo luận trả lời 2 câu hổi trong tài liệu học:  -Các biến trong đơn thức chia đều có trong đơn thức bị chia với số mũ không lớn hơn.  HS đọc phần 2.b)  \*Qui tắc chia đơn thức cho đơn thức:  \*Vận dụng:  HS làm theo mẫu và chôt chung cả nhóm.  GV chốt nhóm, đề nghi các thành viên trong nhóm đi kiểm tra các nhóm khác và báo cáo.  Nhóm trưởng điều hành các thành viên lấy các ví dụ.  Lưu ý các nhóm khác nhau sẽ có nhiều kết quả khác nhau. GV chốt cho các nhóm và yêu cầu các em cần lưu ý điều kiện để đơn thức A chia hết cho đơn thức B là gì? Tại sao các đơn thức chia hết thì đa thức lại chia hết.  \*Qui tắc chia đa thức cho đơn thức.  Nêu qui tắc chia đa thức cho đơn thức.  Thực hiện ví dụ phần B.3.c  GV chốt chung cả lớp. |  |
| C. Hoạt động luyện tập. | Hoạt động cá nhân sau đó hoạt động nhóm.  HS thảo luận nhóm trả lời câu 3. | C.1.a) A không chia hết cho B vì số mũ của y trong B lớn hơn trong A.  b) A chia hết cho B  c) A không chia hết cho B vì hai hạng tử cuối của A là 7x -1 không chia hết cho 3x2  d)Tương tự tự A cũng chia hết cho B.  C.2. Yêu cầu học sinh lên bảng chữa, lớp nhận xét và chôt.  Bạn Bình làm đúng.  2g) 3x2y2-6x2y+12xy = 3xy(xy-2x+4)  Nên (x2y2-6x2y+12xy ):3xy = xy-2x+4 |  |
| D.E Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rông | Gaio cá nhân | Hs về nhà làm bài. |  |

***Rút kinh nghiệm và nhận xét.***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Duyệt 02/10/2017

**Tuần 8** Ngày soạn : 28/9/2017

Ngày dạy: ......./9/2017

Tiết 15+16: **CHIA ĐA THỨC MỘT BIẾN ĐÃ SẮP XẾP**

1. **Mục tiêu.**
2. Kiến thức:Hiểu được thế nào là phép chia hết, thế nào là phép chia dư.
3. Kỹ năng: Thực hiện được phép chia đa thức một biến đã sắp xếp.Vận dụng được hằng đẳng thức để thực hiện phép chia đa thức.
4. Thài độ: Yêu thích môn học.
5. Phẩm chất: Rèn tính cẩn thận, chính xác.
6. Năng lực: Phát triển năng lực tính toán…
7. **Chuẩn bị:**

1.GV: Bảng phụ phần A.1.c; A.2.c

-Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, chia nhóm,hoàn tất một nhiệm vụ

- Phương pháp: Dạy học theo nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình

2.HS: Xem trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ.**

+ Phát biểu quy tắc chia 1 đa thức A cho 1 đơn thức B ( Trong trường hợp mỗi hạng tử của đa thức A chia hết cho B)

**-**Làm bài tập 45 SBT

**3. Tiến trình bài học:**.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Các hoạt động*** | ***Hình thức hoạt động*** | ***Hoạt động của thầy và trò*** | ***Điều chỉnh*** |
| A.B. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức. | Hoạt động cá nhân sau đó chốt nhóm.  HS làm việc nhóm  Làm việc chung cả lớp  GV chốt  Hoạt động cá nhân sau đó chốt nhóm  HS hoạt động cặp đôi  Hoạt động chung cả lớp  Hoạt động cá nhân | HS làm việc cá nhân làm 3 VD đầu: Nhân đa thức với đa thức và chia hai số theo cột dọc.  (3x2-2x-3).(x2-4x+2)= 3x4-14x3+11x2+8x-6  (9x2+6x+4).(3x-2) = 27x3-8  962:26 = 37  Các nhóm cùng thảo luận đưa ra kết quả làm của mình sau đó chốt với giáo viên và chốt với các nhóm khác.  Yêu cầu các nhóm làm ra bảng phụ phần c.  (x3-x2-7x+2):(x-3) theo các bước tương tự ví dụ trước. GV quan sát hỗ trợ điều chỉnh các nhóm.  GV yêu cầu các nhóm treo sản phẩm của mình lên bảng, các nhóm cùng theo dõi nhận xét kết quả của nhóm bạn.  x3- x2- 7x+ 2 x-3  x3-3x2 x2+2x-1  2x2-7x+2  2x2-6x  -x+2  -x+3  -1  Tương tự các nhóm làm vd tiếp theo.  2.a. HS hoạt động cặp đôi. Lưu ý cách viết các hạng tử của đa thức khi khuyết bậc.  GV kiểm tra các nhóm, hõ trợ và chốt kiến thức.  2.b. Các bước chia hai đa thức đã sắp xếp.  HS theo dõi tài lieu, nêu các bước chia  GV yêu cầu hs đọc phần chú ý.  Yêu cầu hs làm phần 2.c  3x4+x3 -6x-4 x2+1  3x4 +3x2 3x2+x-3  x3 -3x2-6x-4  x3 +x  -3x2-7x-4  -3x2 -3  -7x-1  3x4+x3 -6x-4 =( x2+1)( 3x2+x-3) -7x-1  Yêu cầu các nhóm chốt và báo cáo. |  |
| C. Hoạt động luyện tập | HS làm việc cá nhân sau đó hoạt động chung cả lớp. | Yêu cầu học sinh làm sau đó lên bảng chữa bài, lớp nhận xét. GV chốt.  3. a) (4x2+4xy+y2):(2x+y)= (2x+y)2:(2x+y)  = 2x+y  b) (27x3+1): (3x+1)=(3x+1)(9x2-3x+1)  = 9x2-3x+1  Tương tự các câu còn lại. |  |
| D.E. Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng |  | GV giao hs về nhà làm và hoàn thành |  |

***Rút kinh nghiệm, nhận xét, rút kinh nghiệm***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Duyệt 09/10/2017

**Tuần 9** Ngày soạn: 29/9/2017

Ngày dạy...../10/2017

Tiết 17+18: **ÔN TẬP CHƯƠNG I**

1. **Mục tiêu.**
2. Kiến thức:Hệ thống được các kiến thức cơ bản trong chương: nhân, chia đơn thức, đa thức; bảy hằng đẳng thức đáng nhớ; phân tích đa thức thành nhân tử.
3. Kỹ năng: Giải được một số bài tập cơ bản của chương
4. Thái độ. Thêm yêu thích và đam mê môn toán.
5. Phẩm chất: Rèn tính cẩn thận, chính xác.
6. Năng lực: Phát triển năng lực tính toán…
7. **Chuẩn bị**

1.GV : Bảng phụ

-Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, chia nhóm, giao nhiệm vụ.

- Phương pháp: Dạy học theo nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình.

2.HS: Trả lời trước các câu hỏi trong tài liệu học trang 40.

. **III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn đinh**

**2. Kiểm tra bài cũ**

+ Phát biểu quy tắc chia 1 đa thức A cho 1 đơn thức B ( Trong trường hợp mỗi hạng tử của đa thức A chia hết cho B)

**-**Làm bài tập45 SBT

**3. Tiến trình bài học:**.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các hoạt động** | ***Hình thức hoạt động*** | **Hoạt động của thầy và trò** | **Điều chỉnh** |
| C. Hoạt động luyện tập | Hoạt động nhóm  Hoạt động cá nhân  Hoạt động cá nhân sau đó chốt nhóm bài 1  Hoạt động nhóm  Hoạt động cặp đôi  Hoạt động cá nhan sau đó hoạt động chung cả lớp.  Hoạt động cá nhân sau đó hoạt động nhóm  Hoạt động cá nhân sau đó hoạt động chung cả lớp.  Hoạt động nhóm  Hoạt động chung cả lớp  Hoạt động cá nhân | Lần lượt các thành viên trong nhóm trả lời các câu hỏi sau đó chốt nhóm  GV đi chốt cho các nhóm  Cá nhân đọc sơ đồ tư duy, nắm được các phần kiến thức trọng tâm của chương  Bài 1.   1. 3x2(5x2-7x+4)= 15x4-21x3+12x2 2. xy2(2x2y-5xy+y)=2x3y3-5x2y3+xy3 3. (2x2-5x)(3x2-2x+1)   = 6x4-4x3+2x2-15x3+10x2-5x  =6x4-19x3+12x2-5x   1. (x-3y)(2xy+y2+x)   = 2x2y+xy2+x2-6xy2-3y3-3xy  GV chốt nhóm đầu, sau đó yêu cầu các thành viên đi hỗ trợ các nhóm khác chốt.  Bài 2: Hs làm việc nhóm, cùng thảo luận đưa ra phương pháp làm và cùng tiến hành làm.  A = x2+9y2-6xy =( x-3y)2  Thay x =19; y =3 có A = (19-3.3)2=102=100  Vậy tại x =19; y =3 biểu thức có giá trị là 100.  B = x3-6x2y+12xy2-8y3= ( x-2y)3  Thay x =12; y = -4 có B = ( 12 -2.(-4))3=203= 8000  GV chốt các nhóm và chôt chung cả lớp.  Bài 3. Rút gọn biểu thức.   1. 3(x-y)2-2(x+y)2-(x-y)(x+y)   =3(x2-2xy+y2)-2(x2+2xy+y2)-(x2-y2)  =3x2-6xy+3y2-2x2-4xy-2y2-x2+y2  =2y2-10xy   1. 2(2x+5)2-3(4x+1)(1-4x)   = 2( 4x2+20x+25) -3(-16x2+1)  = 8x2+40x+50+48 x2-3  =56x2+40x+47  Các nhóm chốt sau khi hoàn thành cặp đôi.  GV kiểm tra và chốt.  Bài 4. Phân tích đa thức thành nhân tử.  a)x2-9+(x-3)2=(x-3)(x+3)+(x+3)2=(x+3)(x-3+x+3)  = 2x(x+3)  b)x3-4x2+4x-xy2=x(x2-4x+4-y2)  =x[(x-2)2-y2]=x(x-2-y)(x-2+y)  c)x3-4x2+12x-27=(x3-33) -4x(x-3)  =(x-3)(x2+3x+9)-4x(x-3)=(x-3)(x2+3x+9-4x)  =(x-3)(x2-x+9)  d)3x2-7x-10 = 3x2-7x-3-7=x(x2-1)-7(x+1)  =x(x-1)(x+1)-7(x+1)=(x+1)(x2-x-7)  e)5x3-5x2y-10x2+10xy=5x(x2-xy-2x+2y)  =5x[(x(x-y)-2(x-y)]=5x(x-y)(x-2)  f)3x2-6xy+3y2-12z2=3(x2-2xy+y2-4z2)  =3[(x-y)2-(2z)2]=3(x-y-2z)(x-y+2z)  Sau khi học sinh làm xong, yêu cầu 4 hs lên bảng trình bày chi tiết. Lớp nhận xét, GV chốt các phương pháp PTĐTTNT và những lưu ý.  Bài 5. Làm tính chia.   1. 6x3 -7x2 – x + 2 2x+1   6x3+3x2 3x2-5x+2  -10x2-x+2  -10x2-5x  4x+2  4x+2  0   1. 2x4-10x3-x2+15x-3 2x2-3   2x4 -3x2 x2-5x+1  -10x3+2x2+15x-3  -10x3 +15x  2x2 -3  2x2 -3  0   1. x2-y2+6y-9 = (x-y)2-32= (x-y-3)(x-y+3)   Do đó (x2-y2+6y-9 ):( x-y+3)=x-y-3  GV chốt nhóm và chốt chung cả các bước hiện phép chia, cách thực hiện phép chia cho phù hợp và nhanh đối với từng loại đa thức.  Bài 6:  ? Nêu phương pháp làm của từng câu  ? Thực hiện làm  a) x(4x2-1)=0  Suy ra x = 0 hoặc 4x2-1=0  Ta có 4x2-1=04x2 =1 x2 =x =  Vậy x =  b)  Vậy x=-1/9  c)  Vậy x=1 hoặc x =-1  d)  Vậy x =-1 hoặc x =7/2    GV yêu cầu 4 hs lên bảng trình bày, dưới lớp theo dõi, nhận xét.  GV chốt phương pháp tìm x trong các trường hợp khác nhau .  Bài 7:  Nêu phương pháp làm từng câu. Sau đó cả nhóm cùng làm.  a)x2-4xy+4y2+3= (x-2y)2+3  Vì (x-2y)20 với mọi x;y  Nên (x-2y)2+3luôn dương với mọi x;y.  Vậy biểu thức x2-4xy+4y2+3> 0 với mọi x;y  b)2x-2x2-1= -( 2x2-2x+1) = -2(x2-x+1/2)  =-[(x2-2.x.1/2+1/4)+(1/2-1/4)]  =- [(x-1/2)2+1/2]  Vì (x-1/2)2+1/2> 0 với mọi x  Nên - [(x-1/2)2+1/2]< 0 với mọi x.  Vậy biểu thức 2x-2x2-1 < 0 với mọi x  GV cùng hs chốt các nhóm    Bài 8.  ? Nêu cách làm bài.  Hs thảo luận đưa ra cách làm  ? Cả lớp cùng thực hiện phép chia  Để phép chia hết thì 2n-3làƯ(34)=  Từ đó lập bảng tìm n  Cá nhân làm bài, sau đó chốt. |  |
| D.E. hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng. | Giao cá nhân về nhà làm. | Nhắc nhở HS ôn tập tiết sau kiểm tra giữa kì |  |

***Rút kinh nghiệm và nhận xét***………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Duyệt 16/10/2017

**Tuần 10** Ngày soạn: 16 /10/2017

Ngày dạy: /10/2017

**Tiết 19+20: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**A. Mục tiêu**

+Kiến thức:Kiểm tra mức độ nhận thức về các hằng đẳng thức đáng nhớ,phân tích đa thức thành nhân tử,nhân chia các đơn thức,đa thức.

+Kĩ năng: Vận dụng các hằng đẳng thức đáng nhớ,các phép phân tích đa thức thành nhân tử để nhân chia đa thức,tìm x,chứng minh đẳng thức..

+ Thái độ:Yêu thích môn học,ham học hỏi.

**B. Chuẩn bị**

GV: đề kiểm tra có ma trận , đáp án, thang điểm

HS: Ôn tập chương I

**C.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

Kiểm tra - đánh giá

**D. Tiến trình lên lớp**

***1.Ôn định tổ chức***

***2.* Ma trận đề**

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I - TOÁN 8

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ  Chủ đề | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | | | Tổng |
| Thấp | | Cao | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Chủ đề 1: Phép nhân, chia đa thức | Nhận biết được phép nhân, chia đa thức | | Hiểu và nhân được đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức, nhân hai đa thức đă sắp xếp. | | - Vận dụng được điều kiện để đa thức A chia hết cho đa thức B vào giải toán | |  | |  |
| Số câu | 2 |  | 3 |  |  | 1 |  |  | 6 |
| Số điểm | 0,4 |  | 0,6 |  |  | 1 |  |  | 2,0 |
| Tỉ lệ % | 4% |  | 6% |  |  | 10% |  |  | 20% |
| Chủ đề 2: Hằng đẳng thức | Nhận biết được 7 hằng đẳng thức đáng nhớ. | | Hiểu được 7 hằng đẳng thức đáng nhớ. | | Vận dụng được các hằng đẳng thức trong một số dạng toán: tính nhanh, tìm x, chứng minh… | | Sử dụng hằng đẳng thức để tìm GTLN hoặc GTNN của một đa thức. | |  |
| Số câu | 3 |  | 1 |  | 1 |  |  | 1 | 6 |
| Số điểm | 0,6 |  | 0,2 |  | 0.2 |  |  | 1 | 2,0 |
| Tỉ lệ % | 6% |  | 2% |  | 2% |  |  | 10% | 20% |
| Chủ đề 3: Phân tích đa thức thành nhân tử |  | | - Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung, dùng hằng đẳng thức nhóm hạng tử. | | - Biết phân tích đa thức thành nhân tử bằng phối hợp nhiều phương pháp.  - Vận dụng phân tích đa thức thành nhân tử để giải toán…. | |  |  |  |
| Số câu |  |  | 3 |  | 2 | 2 |  |  | 7 |
| Số điểm |  |  | 0,6 |  | 0,4 | 1 |  |  | 2,0 |
| Tỉ lệ % |  |  | 6% |  | 4% | 10% |  |  | 20% |
| Chủ đề 4: Hình thang, hình bình hành, hình chữ nhật. | Nhận biết được các hình tứ giác đặc biệt, các hình tứ giác có trục đx | | Tính được độ dài, góc của hình tứ giác đặc biệt. | | Có kĩ năng chứng minh tứ giác là, HBH,… | | Vận dung tc | |  |
|  | 6 |  | 4 |  |  | 1 |  | 1 | 12 |
|  | 1,2 |  | 0,8 |  |  | 1 |  | 1 | 4,0 |
|  | 12% |  | 8% |  |  | 10% |  | 10% | 40% |
| Tổng số câu | 11 |  | 11 |  | 3 |  |  |  | 25 |
|  |  |  |  |  | 3 |  | 2 | 5 |
| Tổng số điểm | 2,2 |  | 2,2 |  | 0,6 | 3,0 |  | 2,0 | 10 |
| Tỉ lệ % | 22% | | 22% | | 36% | | 20% | | 100% |

3. Đề bài:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - TOÁN 8

NĂM HỌC 2017-2018

I/ TRẮC NGHIỆM(5 ĐIỂM)

Câu 1. Thực hiện phép nhân . Kết quả là:

A. . B. .

C.  D.  .

Câu 2. Đơn thức nào chia hết cho đơn thức ?

A.  B.  C.  D. .

Câu 3. Chia đa thức cho đa thức . Đa thức thương là:

A.  B.  C.  D. Một kết quả khác.

Câu 4. Chia đa thức  cho đa thức , ta được :

A. Thương là dư  B. Thương là dư 

C. Thương là dư  D. Thương là dư 

Câu 5. Kết quả phép nhân  là:

A. . B. 

C.  D. 

Câu 6. Khai triển được kết quả là :

A.  B.  C.  D. 

Câu 7. Thu gọn  được kết quả là :

A.  B.  C.  D. 

Câu 8. Cho đẳng thức . Điền vào chỗ trống số nào để được đẳng thức đúng?

A.  B.  C.  D. .

Câu 9: Rút gọn biểu thức  ta được kết quả là :

A.  B.  C.  D. .

Câu 10. Phân tích tổng  thành tích bằng:

A.  B.  C.  D. .

Câu 11. Kết quả rút gọn của biểu thức ( 2x + y )2 - (2x - y )2 là :

A. 2y2 B. 4xy C. 4x2 D. 8xy

Câu 12. Kết quả phân tích đa thức  thành tích là:

A.  B.  C.  D. .

Câu 13. Viết  thành tích, ta có kết quả là: .

A.  B. 

C.  D. .

Câu 14. Tìm x, biết  = 0. Ta được:

A.  B.  C.  D. .

Câu 15. Tìm x biết : 5x2 = 13 x

A. x = 0 B. x =  C. x =0 ; x =  D. x =0 ; x = 

Câu 16: Đường tròn là hình .

A. Không có trục đối xứng B. Có một trục đối xứng . C. Có hai trục đối xứngD. Có vô số trục đối xứng .

Câu 17. Cho tam giác MNP cân tại M và có các phân giác ND,PE ( Hình 1 ) . Tứ giác NEDP là hình thang cân vì có :

A. ENP = NPD B. ND = PE

C. NE = PD

D. ED//NP ( do  ) và ENP = NPD

Câu 18. Cho hình bình hành MNPQ ( Hình 3 ) . Tía phân giác của góc Q cắt MN tại E ; tia phân giác của góc N cắt PQ tại F . Tứ giác QENF là hình bình hành vì có :

A. QF //NE B. QF = NE

C. EQF = FNE

D. QF //NE và QE //NF ( do MQE=PNF

và MQ // PN )

Câu 19: Một tứ giác là hình chữ nhật nếu nó là :

A. Tứ giác có 2 đường chéo bằng nhau . B. Hình bình hành có một góc vuông .

C. Hình thang có một góc vuông . C. Hình thang có hai góc vuông .

Câu 20. Đường thẳng là hình :

A. Không có trục đối xứng . B. Có một trục đối xứng .

C. Có hai trục đối xứng . D. Có vô số trục đối xứng .

Câu 21. Trong các hình sau hình nào không có trục đối xứng ?

A. Hình thang cân B. Hình bình hành

C. Hình chữ nhật D. Hình tam giác cân

Câu 22. Cho hình thang cân ABCD có góc D = 600 . Tính A ?

A

B

C

D

A. B = 900

B. B = 600

C. B = 800

D. B = 1200

Câu 23. Tính các góc của tứ giác MNPQ biết M : N : P : Q = 1 : 3 : 4 : 4

A. 250 , 750 , 1000 , 1000 B. 300 , 900 , 1200 , 1200

 C. 200 , 600 , 800 , 800 D. 280 , 840 , 1120 , 1120

Câu 24. Chu vi của hình bình hành ABCD bằng 16 cm ,

chu vi tam giác ABD bằng 14 cm ( Hình 9 ) . Độ

dài BD bằng :

A. 1 cm

B. 2 cm

C. 6 cm

D. 9 cm

**Câu 25.** Cho hình vẽ 6. Độ dài đường trung bình MN của hình thang là :

A. 22 b. 22,5 c. 11 d. 10

II/TỰ LUẬN(5ĐIỂM)

Bài 1(1 điểm): Tìm a để  chia hết cho đa thức x-1

Bài 2(1 điểm): Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a. 2xy + 2x; b. x2 – y2 +5x – 5y.

Bài 3(2 điểm): Cho tam giác ABC. Gọi M và N lần lượt là trung điểm của AB và AC.

a. Hỏi tứ giác BMNC là hình gì? Vì sao?

b. Trên tia đối của tia NM xác định điểm E sao cho NE = NM. Hỏi tứ giác AECM là hình gì? Vì sao?

Bài 1(1 điểm): Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức: 

Duyệt 23/10/2017

**CHƯƠNG II. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**

***TIẾT 21. BÀI 1. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ***

**I. Mục tiêu:**

1. Kiến thức : HS nắm vững định nghĩa phân thức đại số . Hiểu rõ hai phân thức bằng nhau .

2. Kĩ năng : Vận dụng định nghĩa để nhận biết hai phân thức bằng nhau, viết các phân thức bằng nhau

3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận

4. Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giao tiếp, ...

- Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, chấp hành kỉ luật

**II. Chuẩn bị**:

1. Giáo viên:

- Bảng phụ nhóm

2. Học sinh:

- Các kiến thức đã học về phân số bằng nhau, khái niệm đa thức

- Đồ dung học tập, SHD

**III. Tiến trình dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò, PP và KT dạy học được sử dụng*** | | ***Nội dung chính*** |
| **A. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức** | | |
| Gv yêu cầu học sinh *hoạt động nhóm* phần 1 sau khi đã hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi:  (?) Chỉ ra A và B trong các biểu thức đã cho  (?) Thế nào là phân thức đại số?  (?) Lấy ví dụ về phân thức đại số ? (mỗi thành viên trong nhóm lấy 1 ví dụ lưu lại vào bảng phụ nhóm)  (?) Mỗi đa thức, mỗi số thực có phải là phân thức không? Vì sao?  - GV quan sát các nhóm, kiểm tra những nhóm làm xong, giao nhiệm vụ mới  - GV có thể trình bày kết quả của một hai nhóm trên bảng và cho học sinh nhận xét  - Gv chốt nội dung phần 1  - HS hoạt động cá nhân mục 2a/45 và trả lời câu hỏi của giáo viên  *(PP vấn đáp):*  (?) Hai phân thức và  được gọi là bằng nhau khi nào?  (?) Hai phân thức  và  có bằng nhau không? Vì sao?  - Học sinh hoạt động nhóm mục 2b  - Gv kiểm tra kết quả các nhóm  - Gv chốt nội dung toàn bài | 1. Phân thức đại số:  - TQ:  (A, B là các đa thức, B đa thức 0)  - VD:    - Nhận xét: Mỗi số thực, mỗi đa thức đều là một phân thức đại số  2. Hai phân thức bằng nhau:  a.  b.  - Không thể nói  vì:  3x2y.2y2 x. 3xy  -  vì  x.(3x+6) =3.(x2+2x) = 3x2+6x | |
| **C. Hoạt động luyện tập** | | |
| - Hs hoạt động cá nhân bài 1  - Gv quan sát, giúp đỡ học sinh yếu kém, gợi ý sử dụng hằng đẳng thức ở câu c, e  - Có thể gọi học sinh lên chữa bài  - Hs *hoạt động nhóm*  - Gv yêu cầu đại diện một nhóm trình bày kết quả  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Hs *hoạt động nhóm*  - Một số nhóm báo cáo kết quả và chia sẻ cách làm của nhóm mình  - Gv yêu cầu các nhóm còn lại nêu ý kiến  - Gv chốt | Bài 1:  a.  vì  x2y3. 35xy=5. 7x3y4= 35 x3y4  b.  vì:  (x3-4x).5 = (10-5x).(-x2-2x) = 5x3-20x  c.  vì:  (x+2)(x2-1) = (x+2)(x+1)(x-1)  d.  vì:  (x2-x-2)(x-1)=(x+1)(x2-3x+2)  = x3-2x2-x+2  e.  vì:  (x+2)(x2-2x+4) = x3+8  Bài 2:  vì  (x2-2x-3).x=(x2+x)(x-3) = x3-2x2-3x  vì:  (x-3)(x2-x) = x(x2-4x+3) =x3-4x2+3x  Vậy  Bài 3:  Đa thức cần tìm là :  x2+4x | |
| **D. Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | | |
| - Yêu cầu học sinh tìm hiểu đọc kĩ nội dung phần 1  - HS về nhà làm bài 2/ 46 | | |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

**TIẾT 22. BÀI 2. TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN THỨC**

**I. Mục tiêu:**

1. Kiến thức:

- HS nắm vững t/c cơ bản của phân thức làm cơ sở cho việc rút gọn phân thức.

- Hiểu được qui tắc đổi dấu được suy ra từ t/c cơ bản của PT ( Nhân cả tử và mẫu với -1).

2. Kỹ năng:

- HS thực hiện đúng việc đổi dấu 1 nhân tử nào đó của phân thức bằng cách đổi dấu 1 nhân tử nào đó cho việc rút gọn phân thức sau này.

3. Thái độ: Yêu thích bộ môn

4. Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giao tiếp, ...

- Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, giáo dục tính cẩn thận,,,

**II. Chuẩn bị**:

1.Giáo viên: Kế hoạch bài học, TBDH.

2.Học sinh: SHD, nghiên cứu bài trước khi lên lớp, đồ dùng học tập.

Ôn lại tính chất cơ bản của phân số

**III. Tiến trình dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò, PP và KT*** | ***Nội dung chính*** |
| **A. Hoạt động khởi động** | |
| - Hs hoạt động nhóm phần A.  - Các nhóm trình bày kết quả trên bảng  - Gv yêu cầu các nhóm nhận xét lẫn nhau  - Tuyên dương nhóm làm đúng  (?) So sánh tính chất cơ bản của phân thức với tính chất cơ bản của phân số? | 1.    2. a.  b.  vì: x. 3(x+2) = 3.x(x+2)  c.  vì 3x2y.2y2=6xy3.x = 6x2y3 |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức** | |
| - HS hoạt động nhóm mục 1a:  (?) Nêu tính chất cơ bản của phân thức?  - Gv yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi mục 1b: giải thích vì sao các cặp phân thức bằng nhau  - Đại diện cặp đôi trả lời  - Học sinh đọc kĩ nội dung mục 2a và hoạt động cặp đôi mục 2b  - GV kiểm tra kết quả  - Các cặp đôi trong nhóm kiểm tra chéo lẫn nhau | 1a. Tính chất cơ bản của phân thức:  b.    (Chia cả tử và mẫu của phân thức cho x-1)    (Nhân cả tử và mẫu của phân thức với -1)  2. Quy tắc đổi dấu:  a. Quy tắc  b. Điền vào chỗ chấm: |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| - Hs hoạt động nhóm, chọn câu đúng  - Đại diện một nhóm báo cáo kết quả  - Gv có thể yêu cầu học sinh giải thích thêm  - Hs hoạt động cặp đôi điền vào chỗ chấm  - Gv chữa đại diện mỗi nhóm một cặp đôi  - Các cặp đôi khác trong nhóm kiểm tra chéo lẫn nhau  - Hs hoạt động cá nhân  - Một hai học sinh chia sẻ cách làm với cả lớp  - Gv định hướng cho học sinh trung bình yếu biết cách làm  - Một vài học sinh chữa bài trên bảng  - Gv chốt lại | Bài 1:  a. Đúng b. Sai  c. Đúng d. Sai  Bài 2:  a. -5(x+1) b. x  Bài 3:  a.  b.  c.  d. |
| **D. Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | |
| - Hs về nhà làm bài tập 1, 2,3/49  - Tìm hiểu thông tin về việc áp dụng phân thức đại số trong giải các bài toán về chuyển động đều | |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

Duyệt ..../...../201....

**Tuần 11 +12 Ngày dạy:26/10/2017**

**Ngày dạy: /10/2017**

**TIẾT 23+24: BÀI 3. RÚT GỌN PHÂN THỨC**

**I. Mục tiêu :**

**- Kiến thức**:

+ KS nắm vững qui tắc rút gọn phân thức.

+ Hiểu được qui tắc đổi dấu ( Nhân cả tử và mẫu với -1) để áp dụng vào rút gọn.

**- Kỹ năng**:

+ HS thực hiện việc rút gọn phân thức bẳng cách phân tich tử thức và mẫu thức thành nhân tử, làm xuất hiện nhân tử chung.

**- Thái độ** : Rèn tư duy lôgic sáng tạo

**II. Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giao tiếp, ...

- Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, chấp hành kỉ luật

**III. Chuẩn bị**:

1. Giáo viên:

- Bảng nhóm, ĐDDH

2. Học sinh:

- Ôn tập quy tắc rút gọn phân số

-Chuẩn bị trước phần A. Hoạt động khởi động/51

**III.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

+ Phương pháp:Dạy học nhóm,Đặt và giải quyết vấn đề,LT-TH

+ Kĩ thuật:Khăn phủ bàn,chia sẻ nhóm đôi,đặt câu hỏi,động não

**IV. Tiến trình dạy học:**

***1.Tổ chức lớp:***

Kiểm tra sĩ số, vệ sinh, trang phục

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lớp*** | ***Sĩ số*** | ***Vắng*** | ***Có Phép*** | ***Không có phép*** |
| 8A | 42 |  |  |  |

***2.Kiểm tra bài cũ:***

***3. Tổ chức các hoạt động dạy học***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò, PP và KT dạy học được sử dụng*** | ***Nội dung chính*** |
| **A. Hoạt động khởi động** | |
| - GV sử dụng *PP trò chơi: nhóm nào nhanh hơn* thực hiện yêu cầu SHD  - Các nhóm trình bày kết quả trên bảng  - Gv yêu cầu các nhóm nhận xét theo vòng tròn  - Động viên nhóm làm nhanh và đúng | 1. Điền vào ô trống:    2.   |  |  | | --- | --- | | Phân thức | Nhân tử chung của cả tử và mẫu | |  | 13x | |  | bc | |  | ax | |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức** | |
| - Gv yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi mục 1 vào phiếu học tập theo mẫu:  - Gv hỗ trợ các cặp đôi làm chưa tốt,  kiểm tra các cặp đôi làm xong trước  - Yêu cầu các cặp đôi trong nhóm kiểm tra chéo lẫn nhau  - Gv có thể chọn bài của một hai cặp đôi điển hình chiếu lên màn chiếu  - Gv chốt kết quả  - Hoạt động chung cả lớp*(PP vấn đáp)*  (?) Em hiểu thế nào là rút gọn phân thức?  (?) Muốn rút gọn phân thức ta có thể làm thế nào?  - Hs *hoạt động nhóm* mục 2b.  Hai nhóm trình bày kết quả trên bảng  - Nhóm khác nhận xét  - Gv chữa bài  - Gv yêu cầu Hs chia sẻ khi làm ý 3 cần chú ý điều gì?  - Gv chốt nội dung bài | |  | | --- | | ***PHIẾU HỌC TẬP***  ***Điền vào dấu ...***  1. Cho phân thức:  + Nhân tử chung của cả tử và mẫu là:.......  +  + So sánh:  - Tử và mẫu của phân thức tìm được có hệ số ...... so với tử và mẫu của phân thức đã cho  - Số mũ của các biến của phân thức tìm được ...... so với số mũ của các biến tương ứng trong phân thức đã cho  2. |   2b. Rút gọn: |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| - Hs hoạt động cá nhân bài 1, 2,/ 53  *(KT động não)*  - Gv có thể gọi một vài học sinh lên bảng chữa bài  - GV quan sát, giúp đỡ học sinh yếu kém  - HS hoạt động cặp đôi bài 3  - *Hoạt động nhóm*bài 4, 5  - GV kiểm tra kết quả các nhóm  - Gv chú ý cách đổi dấu cho học sinh nếu học sinh gặp khó khăn | Bài 1:  Bài 2: Rút gọn:    Bài 3: Rút gọn:    Bài 4.    Bài 5. |
| **D. Hoạt động vận dụng vàtìm tòi, mở rộng** | |
| - Giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh  - Học sinh về nhà làm bài tập 1,2,3/54 | |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tuần 12 +13 Ngày soạn:2/11/2017**

**Ngày dạy: /11/2017**

**TIẾT 25+26: BÀI 4. QUY ĐỒNG MẪU THỨC NHIỀU PHÂN THỨC**

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức: HS biết cách quy đồng mẫu của nhiều phân thức.

- Kĩ năng: Vận dụng thành thạo và linh hoạt quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân thức vào làm bài tập

- Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

- Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ,năng lực sáng tạo

- Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, chấp hành kỉ luật

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Bảng phụ nhóm, thước kẻ

- Học sinh: Ôn lại cách qui đồng mẫu các phân số .

**III.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

+ Phương pháp:Dạy học nhóm,Đặt và giải quyết vấn đề,LT-TH,Phương pháp nghiên cứu điển hình

+ Kĩ thuật:Khăn phủ bàn,chia nhóm ,đặt câu hỏi,động não

**IV. Tiến trình dạy học:**

***1.Tổ chức lớp:***

Kiểm tra sĩ số, vệ sinh, trang phục

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lớp*** | ***Sĩ số*** | ***Vắng*** | ***Có Phép*** | ***Không có phép*** |
| 8A | 42 |  |  |  |

***2.Kiểm tra bài cũ:***

***3. Tổ chức các hoạt động dạy học***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***PP-KT***  ***HTTC*** | ***Hoạt động của thầy,trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** | ***NL-PC*** |
| ***A.B.Hoạt độngkhởi động,hình thành kiến thức*** | | | |
| 1.  KT:GNV  Đặt câu hỏi,chia nhóm  PP:Đặt và giải quyết vấn đề  Thuyết trình  2.a  KT:  Động não  PP:Vấn đáp-gợi mở  2.b  KT: DHN  Hoàn tất nhiệm vụ  PP:hợp tác theo nhóm nhỏ,  nghiên cứu trường hợp điển hình  KT-ĐG  3.a  KT:  Động não  PP:Vấn đáp-gợi mở | - Gv yêu cầu học sinh *hoạt động nhóm* mục 1 thực hiện các yêu cầu trong SHD  - Đại diện một nhóm trình bày miệng trả lời câu hỏi: Để làm tính cộng và tính trừ phân số có mẫu khác nhau trước hết ta phải làm gì?  - Đại diện một nhóm lên bảng biến đổi hai phân thức đã cho thành 2 phân thức có cùng mẫu thức  - Các nhóm khác nhận xét  - Gv chốt nội dung  - Hoạt động chung cả lớp mục 2a  - Hs trả lời các câu hỏi của giáo viên sau khi đọc xong:  (?) Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức là gì?  (?) Mẫu thức chung là gì?  - Hs hoạt động cá nhân mục 2b sau đó *hoạt động nhóm* vào phiếu học tập dưới dạng điền vào chỗ chấm  - Thi làm nhanh giữa các nhóm  - Hai nhóm nhanh nhất trình bày kết quả trên bảng  - Các nhóm khác nhận xét  - Động viên nhóm làm nhanh và đúng  - Gv khắc sâu các bước quy đồng mẫu thức của mục 3a qua bài tập trên  - Áp dụng: Học sinh hoạt động cặp đôi bài tập mục 3b  - Gv hỗ trợ các cặp đôi gặp khó khan  - Các cặp đôi trong nhóm chấm chéo, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau  - Gv chốt nội dung bài | 1.    2.a  2b.   |  | | --- | | PHIẾU HỌC TẬP  Điền vào chỗ chấm:  a. Tìm MTC của  - Phân tích các mẫu thức thành nhân tử:  4x2-8x+4 =......  6x2-6x=.....  ⇒ MTC: .......  b. Quy đồng mẫu thức |   3.a  3b. Quy đồng: | 1.PC:Tự lập  Tự học,tự hoàn thiện  NL:GQVĐ, năng lực sáng tạo  2.a  PC:  Chăm học  NL : Sử dụng ngôn ngữ  2.b  NL:Suy luận logic  NL:Sáng tạo  Hợp tác,  Tự quản  3.a  PC:  Chăm học  3.b  NL : Sử dụng ngôn ngữ  Tự đánh giá  PC:tự tin |
| ***C.Hoạt động luyện tập*** | | | |
| *KT động não,đặt câu hỏi*  KT:Chia sẻ nhóm đôi  PP:Nêu và giải quyết vấn đề | HS hoạt động cá nhân  - Gv gọi 2 hs lên bảng chữa bài  - Hoạt động cặp đôi bài 2, bài 3  - Gv kiểm tra kết quả các cặp đôi  - Hs *hoạt động nhóm* bài 4, bài 5  - GV kiểm tra các nhóm làm xong trước và yêu cầu các nhóm chia sẻ lẫn nhau | Bài 1:  b. =  ==  Bài 2:  b.  và  x2 - 2.4x +42 = (x - 4)2  3x2 -12x = 3x(x - 4) => MTC: 3x(x - 4)2  ==  =  Bài 3 :  a.  và  Ta có:2x + 4 = 2 (x + 2)  x2 - 4 = ( x - 2 )(x + 2)  MTC: 2(x - 2)(x + 2)  Vậy: =  =  b) và  x2 + 4x + 4 = (x + 2)2;3x + 6 = 3(x + 2)  MTC: 3(x + 2)2  Vậy: =  =  Bài 5:Quy đồng:  a); ; -2  x3 - 1 = (x -1)(x2 + x + 1)  Vậy MTC: (x -1)(x2 + x + 1)  =  =  -2 =  b); ;  2x - 4 = 2 (x - 2)  6- 3x = 3 ( 2-x)= -3(x-2)  MTC: 6 ( x - 2)( x + 2)  => =  =  == | Hợp tác,  Tự quản  NL:quan sát  Tự hoàn thiện  Sáng tạo  Hợp tác,  Tự quản  Tự đánh giá  PC:tự tin |
| ***D.E.Hoạt động vận dụng,tìm tòi,mở rộng*** | | | |
| KT:GNV | Yêu cầu HS tìm hiểu bài 1.2 và làm them bài3  -Làm thêm bài 2;1.2 SBT trang 24 | | Tự học,tự hoàn thiện |

***Rút kinh nghiệm và nhận xét***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………............................

**Tuần 13 +14 Ngày soạn:5/11/2017**

**Ngày dạy: /11/2017**

**Tiết 27+28: Bài 5. PHÉP CỘNG CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**

**I. Mục tiêu:**

1. Kiến thức: HS hiểu quy tắc phép cộng hai phân thức cùng mẫu

2. Kĩ năng: + Hs biết vận dụng để thực hiện phép cộng phân thức đại số.

+ Rèn luyện kĩ năng trình bày lời giải

3.Thái độ: Nhanh nhẹn, chính xác trong tính toán

4. Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giao tiếp, ...

- Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, cẩn thận...

**II. Chuẩn bị**:

1. Giáo viên:

- Bảng phụ nhóm

2. Học sinh:

- Ôn lại quy tắc cộng phân số cùng mẫu và khác mẫu

**III.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

+ Phương pháp:Dạy học nhóm,Đặt và giải quyết vấn đề,LT-TH,Phương pháp nghiên cứu điển hình

+ Kĩ thuật:Chia nhóm ,đặt câu hỏi,động não

**IV. Tiến trình dạy học:**

***1.Tổ chức lớp:***

Kiểm tra sĩ số, vệ sinh, trang phục

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lớp*** | ***Sĩ số*** | ***Vắng*** | ***Có Phép*** | ***Không có phép*** |
| 8A | 42 |  |  |  |

***2.Kiểm tra bài cũ:***

***3. Tổ chức các hoạt động dạy học***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***PP và KT dạy học được sử dụng*** | ***Hoạt động của thầy và trò*** | ***Nội dung chính*** | ***NL-PC*** |
|  | **A. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức** | |  |
| *1.*  PP:Đặt và giải quyết vấn đề  Thuyết trình  *2.a*  *KT động*  *não* ,  GNV  Đặt câu hỏi,chia nhóm  PP:Đặt và giải quyết vấn đề, hợp tác theo nhóm nhỏ,  2.b  PP:Nghiên cứu trường hợp điển hình Hoàn tất nhiệm vụ  2c  KT:  Động não  PP:Vấn đáp-gợi mở | - Gv yêu cầu học sinh *hoạt động nhóm* mục A.B.1  - Các nhóm thảo luận  - GV kiểm tra kết quả các nhóm  - Học sinh hoạt động cặp đôi mục 2a  - Gv kiểm tra đại điện các cặp đôi xong trước  - Các cặp đôi trong nhóm chấm chéo lẫn nhau  - Đại diện hai cặp đôi lên trình bày  - Gv cho học sinh nhận xét và chữa  - Hs *hoạt động nhóm* mục 2b trả lời các câu hỏi:  (?) Quy tắc cộng hai phân thức có mẫu khác nhau?  (?) Điền vào chỗ chấm:  - Đại diện một nhóm trình bày trên bảng  - Các nhóm khác nhận xét  - Gv chốt  - Học sinh hoạt động cá nhân tìm hiểu tính chất của phép cộng phân thức và ví dụ minh họa  - Một học sinh lên bảng trình bày ví dụ | 1. a. Làm tính cộng:    b.  2.  a. Cộng hai phân thức cùng mẫu:  =    b. Cộng hai phân thức cùng mẫu:  Bảng phụ nhóm    \*) =  ==  c. Tính chất của phép cộng phân thức:  - Tính chất:  - Ví dụ: (SHD) | 1.PC:Tự lập  Tự học,tự hoàn thiện  NL:GQVĐ,  Sử dụng ngôn ngữ  2.a  PC: Tự hoàn thiện  NL : năng lực sáng tạo 2.b  PC : Yêu thương qua hợp tác nhóm  NL:Suy luận logic,Sáng tạo  Hợp tác,  Tự quản  2.c  PC:  Chăm học  NL : Sử dụng ngôn ngữ  Tự đánh giá  PC:tự tin |
|  | **C. Hoạt động luyện tập** | |  |
| PP:H*oạt động nhóm*  *KT:Trình bày,đặt câu hỏi* | - Hs *hoạt động nhóm*  - Đại diện các nhóm đi chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau  - Hs hoạt động cặp đôi  - Đại diện cặp đôi trình bày  - Hs hoạt động cá nhân  - Gv gọi học sinh trình bày trên bảng  - Học sinh dưới lớp nhận xét  - Tìm cách làm khác  - Hoạt động nhóm câu c, d  GV: giải thích các khái niệm: Năng xuất làm việc, khối lượng công việc & thời gian hoàn thành  *(KT đặt câu hỏi)*  + Thời gian xúc 5000m3 đầu tiên là ?  + Phần việc còn lại là?  + Thời gian làm nốt công việc còn lại là?  + Thời gian hoàn thành công việc là?  + Với x = 250m3/ngày thì thời gian hoàn thành công việc là? | Bài 1:  a)  b)  c)  Bài 2:  Bài 3.  a.    b.    Bài 4 :  c) =  =  d)x2+  =  Bài 5 :  + Thời gian xúc 5000m3 đầu tiên là ( ngày)  + Phần việc còn lại là:  11600 - 5000 = 6600m3  + Thời gian làm nốt công việc còn lại là:( ngày)  + Thời gian hoàn thành công việc là:  + ( ngày)  + Với x = 250m3/ngày thì thời gian hoàn thành công việc là:  ( ngày) | NL: Sáng tạo,quan sát  Hợp tác,  Tự quản  Tự đánh giá  PC:tự tin |
|  | **D. Hoạt động vận dụngvà tìm tòi, mở rộng** | |  |
| PP:Khám phá  KT:Giao nhiệm vụ | - Bài 1: Học sinh tìm lỗi sai: công hai phân thức khác mẫu: tử cộng tử, mẫu cộng mẫu.  - Bài 2: Bài tập chuyển động thực tế, thời gian= quãng đường : vận tốc  - Học sinh tự viết hai phân thức rồi cộng hai phân thức đó | | NL:Sáng tạo  PC: Tự giác |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tuần 14+15 Ngày soạn:10/11/2017**

**Ngày dạy: / /2017**

**Tiết 29+30: Bài 6. PHÉP TRỪ CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức:

+ Hs hiểu được quy tắc phép trừ phân thức

- Kĩ năng: Rèn kĩ năng thực hiện phép trừ.

- Thái độ: Cẩn thận chính xác trong tính toán

- Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:

+ Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ...

+ Phẩm chất: hình thành phẩm chất chăm học, tự tin,trách nhiệm.

**II. Chuẩn bị**:

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy

2. Học sinh:

- Ôn tập quy tắc trừ hai phân số

- Chuẩn bị trước mục A.B.1.a

**III.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

+ Phương pháp:Dạy học nhóm,Đặt và giải quyết vấn đề,LT-TH,Phương pháp nghiên cứu điển hình ,tương tự.

+ Kĩ thuật:Chia nhóm ,đặt câu hỏi,động não.

**IV. Tiến trình dạy học:**

***1.Tổ chức lớp:***

Kiểm tra sĩ số, vệ sinh, trang phục

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lớp*** | ***Sĩ số*** | ***Vắng*** | ***Có Phép*** | ***Không có phép*** |
| 8A | 42 |  |  |  |

***2.Kiểm tra bài cũ: Phát biểu quy tắc cộng hai phân thức cùng mẫu, khác mẫu***

***3. Tổ chức các hoạt động dạy học***

**III. Tiến trình dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò, PP và KT dạy học được sử dụng*** | ***Nội dung chính*** |
| **A. Hoạt động khởi độngvà hình thành kiến thức** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,khai thác tri thức từ kiến thức cũ,dạy học theo nhóm nhỏ  **Kĩ thuật**: Động não,giao nhiệm vụ,đặt câu hỏi  **Năng lực**:Tự chủ,tự học,tính toán, ngôn ngữ.  **Phảm chất**: Chăm làm, đoàn kết trách nhiệm.  - Mục tiêu: Ôn tập phép trừ hai phân số đã học, trên cơ sở đó xây dựng quy tắc trừ hai phân thức  - Sử dụng KT hỏi và trả lời  - Hs hoạt động cặp đôi, một người hỏi một người trả lời sau đó đổi vai cho nhau  - Đại diện cặp đôi báo cáo  - Gv cho hs nhận xét  - Mục tiêu:Hs hiểu được quy tắc phép trừ phân thức.  - Sử dụng PP vấn đáp  (?) Quy tắc trừ hai phân thức cùng mẫu?  (?) Quy tắc trừ hai phân thức khác mẫu?  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng trừ hai phân thức  - PP dạy học theo nhóm  - Các nhóm trình bày kết quả trên bảng  - Nhận xét chéo nhau giữa các nhóm  - Gv chữa và chốt | 1. a.    2. Quy tắc trừ hai phân thức:    3. Áp dụng:  a.    b.  =  =  c.      =  =  == |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,hoạt động nhóm,khai thác kiến thức từ vd cho sẵn.  **Kĩ thuật**: Động não,giao nhiệm vụ,đặt câu hỏi,trình bày.  **Năng lực**:Giao tiếp hợp tác,tự chủ,giải quyết vấn đề và sáng tạo,tính toán, ngôn ngữ.  **Phảm chất**: Chăm học ,chăm làm,đoàn kết trách nhiệm.  - HS hoạt động nhóm trả lời miệng bài 1  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả  - HS hoạt động nhóm vào phiếu học tập  - Một nhóm trình bày kết quả  - Các nhóm khác nhận xét  - Gv chữa bài  - HS hoạt động cá nhân  - Gv gọi một vài học sinh chữa bài  - HS hoạt động cặp đôi cau a bài 5 và câu a bài 6  - Gv kiểm tra các cặp đôi làm xong trước  - Các cặp đôi trong nhóm kiểm tra chéo lẫn nhau  - Gv cho hs chữa bài trên bảng | Bài 1:  a. Sai b. Sai  c. Đúng d. Đúng  Bài 2:    Bài 3:  Bài 4:  Bài 5:  a.    Bài 6:  a. |
| **D. Hoạt động vận dụng vàtìm tòi, mở rộng** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,  **Kĩ thuật**: Động não,Giao nhiệm vụ. **Năng lực**:Tìm hiểu xã hội,tự chủ tự học,giải quyết vấn đề và sáng tạo,tính toán, ngôn ngữ.  **Phảm chất**: Chăm học ,chăm làm,trung thực,tự giác.  - Hs về nhà làm bài tập 1,2,3/66  - Tự lấy ví dụ về hai phân thức và thực hiện phép trừ hai phân thức này |  |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tuần 15 Ngày soạn:13/11/2017**

**Ngày dạy: / /2017**

**Tiết 31. Bài 7.**

**PHÉP NHÂN CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức: HS hiểu đư­ợc quy tắc và biết các tính chất của phép nhân phân thức

- Kĩ năng:

+ Vận dụng được qui tắc phép nhân 2 phân thức 

+ Vận dụng được các tính chất của phép nhân các phân thức

- Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác.

4. Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giao tiếp, ...

- Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, chấp hành kỉ luật...

**II. Chuẩn bị**:

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy

2. Học sinh:

- Ôn tập quy tắc nhân hai phân số; các tính chất của phép nhân phân số

- Đọc trước bài

**III.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

+ Phương pháp:Dạy học nhóm,Đặt và giải quyết vấn đề,Phương pháp nghiên cứu điển hình ,tương tự.

+ Kĩ thuật:Chia nhóm ,đặt câu hỏi,động não.

**IV. Tiến trình dạy học:**

***1.Tổ chức lớp:***

Kiểm tra sĩ số, vệ sinh, trang phục

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lớp*** | ***Sĩ số*** | ***Vắng*** | ***Có Phép*** | ***Không có phép*** |
| 8A | 42 |  |  |  |

***2.Kiểm tra bài cũ: Phát biểu quy tắc cộng hai phân thức cùng mẫu, khác mẫu***

***3. Tổ chức các hoạt động dạy học***

**III. Tiến trình dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò, PP và KT dạy học được sử dụng*** | ***Nội dung chính*** |
| **A. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,khai thác tri thức từ kiến thức cũ,dạy học theo nhóm,chung cả lớp.  **Kĩ thuật**: Động não,giao nhiệm vụ,đặt câu hỏi,trình bày.  **Năng lực**:Tự chủ,tự học,tính toán, ngôn ngữ.  **Phảm chất**: Chăm làm, đoàn kết trách nhiệm.  - MT: Ôn tập quy tắc và rèn kĩ năng nhân hai phân số  - Học sinh hoạt động cặp đôi thực hiện phép nhân vào phiếu học tập  - Một người hỏi một người trả lời sau đó đổi vai cho nhau:  + Quy tắc nhân hai phân số  +Tương tự phát biểu quy tắc nhân hai phân thức  - GV kiểm tra một vài cặp đôi xong trước  - Các cặp đôi trong nhóm kiểm tra chéo lẫn nhau  - MT: Học sinh hiểu quy tắc nhân hai phân thức và áp dụng vào nhân các phân thức  - Hs hoạt động cá nhân (KT động não)  - Gv gọi một vài học sinh lên chữa bài  và nêu cách làm  - HS dưới lớp nhận xét  - Gv chốt  - Mục tiêu: HS biết các tính chất của phép nhân phân thức, rèn kĩ năng áp dụng các tính chất này để tính nhanh  - HS hoạt động nhóm | 1. a    2. Nhân hai phân thức:  \*) TQ:  \*) VD:    3. Chú ý:  - Các tính chất của phép nhân:  a) Giao hoán :    b) Kết hợp:    c) Phân phối đối với phép cộng    - VD: |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,hoạt động nhóm  **Kĩ thuật**: Động não,giao nhiệm vụ,đặt câu hỏi,trình bày.  **Năng lực**:Giao tiếp hợp tác,tự chủ,giải quyết vấn đề và sáng tạo,tính toán, ngôn ngữ.  **Phảm chất**: Chăm học ,chăm làm,đoàn kết trách nhiệm.  - Hs hoạt động cá nhân làm bài vào vở  - Hs hoạt động cặp đôi  - Đại diện cặp đôi lên bảng chữa  - Hs hoạt động nhóm  -Hai nhóm nhanh nhất trình bày kết quả trên bảng  - Đại diện nhóm lên thuyết trình cách làm  - Các nhóm khác nhận xét và chữa  - Hs trả lời nhanh | Bài 1:    Bài 2:  a.    b.  Bài 3:  a. Cách 1:    b. Cách 2:    Bài 4:  Dãy phân thức cần điền: |
| **D. Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,  **Kĩ thuật**: Động não,Giao nhiệm vụ. **Năng lực**:Tự chủ tự học,giải quyết vấn đề và sáng tạo,tính toán, ngôn ngữ.  **Phảm chất**: Chăm học ,chăm làm,trung thực,tự giác.  - Hs làm bài 1,2,3/69  - Đa thức chính là phân thức  có mẫu =1  - Ôn lại cách tính thể tích hình hộp chữ nhật |  |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

Tuần 16 **Ngày soạn:14/11/2017**

**Ngày dạy: / /2017**

**Tiết 32. Bài 8.**

**PHÉP CHIA CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ**

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức: HS nhận biết được phân thức nghịch đảo và hiểu rằng chỉ có phân thức khác 0 mới có phân thức nghịch đảo. Hiểu và áp dụng được quy tắc chia phân thức đại số. Nắm vững thứ tự thực hiện các phép tính khi có một dãy những phép chia và phép nhân

- Kĩ năng: Rèn kĩ năng thực hiện phép chia

- Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác

- Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:

+ Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giao tiếp, ...

+ Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, chấp hành kỉ luật

**II. Chuẩn bị**:

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập

2. Học sinh:

- Ôn tập khái niệm số nghịch đảo và quy tắc chia hai phân số

- Chuẩn bị trước phần 1a/70 SHD

**III.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

+ Phương pháp:Dạy học nhóm,vấn đáp gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề, phương pháp nghiên cứu điển hình ,tương tự.

+ Kĩ thuật:Chia nhóm,đặt câu hỏi,động não.

**IV. Tiến trình dạy học:**

***1.Tổ chức lớp:***  Kiểm tra sĩ số, vệ sinh, trang phục

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lớp*** | ***Sĩ số*** | ***Vắng*** | ***Có Phép*** | ***Không có phép*** |
| 8 |  |  |  |  |

***2.Kiểm tra bài cũ: Phát biểu quy tắc nhân các phân thức .***

***3. Tổ chức các hoạt động dạy học***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò, PP và KT dạy học được sử dụng*** | ***Nội dung chính*** |
| **A. B. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,khai thác tri thức từ kiến thức cũ, HĐ cặp đôi,nhóm  **Kĩ thuật**: Động não,giao nhiệm vụ,đặt câu hỏi,trình bày,hoàn tất nhiệm vụ.  **Phát triển năng lực:T**ự học, tính toán  **Phẩm chất**: Chăm làm, đoàn kết trách nhiệm.  - Học sinh hoạt động cá nhân mục 1a,b sau đó trả lời các câu hỏi của giáo viên:  (?) Kết quả phép nhân?  (?) Thế nào là hai phân thức nghịch đảo của nhau?  - Hs hoạt động cặp đôi mục 2b vào phiếu học tập dưới dạng điền vào chỗ chấm  - Sau đó các cặp đôi chia sẻ lẫn nhau trong nhóm  - Gv kiểm tra kết quả các nhóm  - Rèn kĩ năng tìm phân thức nghịch đảo và áp dụng quy tắc thực hiện phép chia phân thức, phát triển năng lực tư duy, tự chủ, tính toán  - Sử dụng KT “Hoàn tất một nhiệm vụ”  - Hs hoạt động cá nhân mục 2 tìm hiểu quy tắc chia đa thức và thực hiện phép tính đã cho  - Đại diện 2 học sinh lên bảng trình bày  - Hs dưới lớp nhận xét  - Gv chốt | 1.Phân thức nghịch đảo:  a.    b. Nếu  là phân thức khác 0 thì .= 1 do đó ta có:  là phân thức nghịch đảo của phân thức ;  là phân thức nghịch đảo của phân thức  1c.   |  | | --- | | PHIẾU HỌC TẬP  Điền vào chỗ chấm  i)  có PT nghịch đảo là .......  ii).............có PT nghịch đảo là  iii)  có PT nghịch đảo là ........  iv) .......... có PT nghịch đảo là . |   2. Phép chia:  - TQ:  với   0  - VD:  a.    b. |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,hoạt động nhóm  **Kĩ thuật**: Động não,giao nhiệm vụ,đặt câu hỏi,trình bày,hoàn tất nhiệm vụ.  **Năng lực**:Giao tiếp hợp tác,tự chủ,giải quyết vấn đề và sáng tạo,tính toán, ngôn ngữ.  **Phảm chất**: Chăm học ,chăm làm,đoàn kết trách nhiệm.  - Học sinh hoạt động cá nhân bài 1  - Hs lên bảng chữa  - Hoạt động cặp đôi bài 2, bài 3  - Đại diện một vài cặp đôi lên bảng chữa bài  - Gv chữa và nhận xét  - Hoạt động nhóm bài 4  - Động viên nhóm làm nhanh và đúng | Bài 1:    Bài 2:      Bài 3:    Bài 4:  Dãy phép chia cần điền vào chỗ chấm là: |
| **D.E. Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | |
| **Phương pháp**: Gợi mở,  **Kĩ thuật**: Động não,Giao nhiệm vụ.  **Năng lực**:Tự chủ tự học,giải quyết vấn đề và sáng tạo,tính toán.  **Phảm chất**: Chăm học ,chăm làm,trung thực,tự giác.  - Học sinh về nhà làm bài 1, bài 2/72  - Tự viết hai phân thức rồi thực hiện phép chia hai phân thức | |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

Tuần 16 **+17 Ngày soạn:15/11/2017**

**Ngày dạy: / /2017**

**Tiết 33+34. Bài 9.**

**BIẾN ĐỔI CÁC BIỂU THỨC HỮU TỈ.**

**GIÁ TRỊ CỦA PHÂN THỨC.**

**I. Mục tiêu:**

- Kiến thức:

+ HS có khái niệm về biểu thức hữu tỉ, biết rằng mỗi phân thức và mỗi đa thức đều là những biểu thức hữu tỉ.

+ HS hiểu rằng biến đổi biểu thức hữu tỉ đó là việc thực hiện các phép toán cộng, trừ, nhân chia các phân thức đại số

- Kĩ năng:

+ Rèn kĩ năng biến đổi biểu thức hữu tỉ.

+ Biết cách tìm điều kiện của biến để giá trị phân thức được xác định.

- Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác

- Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:

+ Năng lực: Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực tính toán,...

+ Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, chấp hành kỉ luật, hình thành phẩm chất chăm học, chăm làm....

**II. Chuẩn bị**:

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy,phiếu học tập.

2. Học sinh:

- Ôn tập khái niệm đa thức,phân thức

- chuẩn bị trước phần 1a/74

**III.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

+ Phương pháp:Dạy học nhóm,vấn đáp gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề, phương pháp nghiên cứu điển hình ,tương tự.

+ Kĩ thuật:Chia nhóm,đặt câu hỏi,động não.

**III. Tiến trình dạy học:**

***1.Tổ chức lớp:***  Kiểm tra sĩ số, vệ sinh, trang phục

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lớp*** | ***Sĩ số*** | ***Vắng*** | ***Có Phép*** | ***Không có phép*** |
| 8 |  |  |  |  |

***2.Kiểm tra bài cũ: Phát biểu quy tắc nhân các phân thức .***

***3. Tổ chức các hoạt động dạy học***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò, PP và KT dạy học được sử dụng*** | ***Nội dung chính*** |
| **A.B. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,hoạt động nhóm  **Kĩ thuật**: Động não,giao nhiệm vụ,đặt câu hỏi,trình bày.  **Giúp HS có khái niệm về biểu thức hữu tỉ, hình thành năng lực tự học và năng lực giải quyết vấn đề**  **Phẩm chất**: Chăm học ,chăm làm,đoàn kết yêu thương.  - Học sinh hoạt động cá nhân bài 1  - Hs lên bảng chữa  - Học sinh hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi sau:  (?) Tìm các phân thức đại số trong ví dụ:  (?) Thế nào là biểu thức đại số?  (?) Tìm các biểu thức đại số trong ví dụ trên  - Đại diện một nhóm báo cáo  - các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Gv chữa bài  - Hs hoạt động cá nhân tìm hiểu các VD về biến đổi một biểu thức hữu tỉ thành một phân thức  - Hình thành kĩ năng biến đổi biểu thức hữu tỉ.  **- Sử dụng PP nêu và giải quyết vấn đề**  - GV gọi một hai hs chữa bài  - GV quan sát và giúp đỡ học sinh yếu kém  - **Hình thành năng lực tính toán và biến đổi biểu thức**  - Sử dụng PP vấn đáp  - Học sinh hoạt động cá nhân sau đó trả lời câu hỏi của Gv:  (?) Giá trị của phân thức được xác định khi nào?  (?) Muốn tính giá trị của một phân thức ta có thể làm thế nào?  - Áp dụng đốivới bài toán cụ thể  - Gv chốt nội dung toàn bài | 1. Biểu thức hữu tỉ:  a.  - Các biểu thức: 0; ; ; 2x2 - x + , (6x + 1)(x - 2);  là các phân thức  - Biểu thức 4x + gồm phép cộng hai phân thức  - Biểu thức gồm phép cộng và phép chia được thực hiện trên các phân thức  \* Các biểu thức 0; ; ; 2x2 - x + , (6x + 1)(x - 2); ; 4x + ;  là những biểu thức hữu tỷ.  2. Biến đổi một biểu thức hữu tỉ thành một phân thức:  a. VD 1:  A =  =  b. VD 2:  B = =  3.Giá trị của phân thức:  - VD 1:  + Giá trị của phân thức  được xác định với ĐK: x(x - 3) 0  và  Vậy PT xđ được khi x  + Ta có:  =  Giá trị phân thức đã cho tại x = 2004 là:    - VD 2:  i) x2 + x = (x + 1)x  ii) Tại x = 1.000.000 PT có giá trị là  iii) x = -1 không thỏa mãn ĐKXĐ  Vậy với x=-1 phân thức đã cho không  xác định |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| **Phương pháp**: Vấn đáp,gợi mở,hoạt động nhóm.  **Kĩ thuật**: Động não,giao nhiệm vụ,đặt câu hỏi,trình bày.  **Năng lực**:Giao tiếp hợp tác,tự chủ,giải quyết vấn đề và sáng tạo,tính toán, ngôn ngữ.  **Phảm chất**: Chăm học ,chăm làm,đoàn kết trách nhiệm.  - Học sinh hoạt động cá nhân bài 1  - Hs lên bảng chữa  - Hs hoạt động cá nhân  - Đại diện học sinh lên bảng chữa  - GV cho học sinh nhận xét và chữa  - Hs hoạt động cặp đôi  - Hs hoạt động nhóm vào phiếu học tập  - Hai nhóm nhanh nhất trình bày kết quả trên bảng  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV động viên các nhóm làm nhanh và đúng | Bài 1:  a.    b. (x-1)2  Bài 2:  a. x ≠ -2 b. x≠±1  Bài 3:  a. x ≠ -2  b.  c. x+2 = 1 ⇒ x= 1-2=-1 (thỏa mãn)  Vậy x = -1 thì giá trị của phân thức =1  d. Phân thức =0 khi x+2 = 0 ⇒ x=2 ( ko thỏa mãn)  Vậy...........  Bài 4:  - VD: |
| **D.E. Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | |
| **Phương pháp**: Gợi mở,  **Kĩ thuật**: Động não,Giao nhiệm vụ.  **Năng lực**:Tự chủ tự học,tính toán,kiến thức liên môn.  **Phảm chất**: Chăm học ,chăm làm,trung thực,tự giác.  - Hs làm bài tập 1,2,3/77  - Tìm hiểu xem trên 1 cm2 bề mặt da của con người có bao nhiêu con vi khuẩn, bao nhiêu con vi khuẩn có hại |  |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiết 35 +36. Bài 10.**

**ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**I. Mục tiêu:**

**- Kiến thức**: Hệ thống hoá kiến thức cho HS để nắm vững các khái niệm: Phân thức đại số, hai phân thức bằng nhau, hai phân thức đối nhau, phân thức nghịch đảo, biểu thức hữu tỉ.

**- Kỹ năng**: Vận dụng các qui tắc của 4 phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia phân thức để giải các bài toán một cách hợp lý, đúng quy tắc phép tính ngắn gọn, dễ hiểu.

- **Thái độ:** Giáo dục tính cẩn thận, tư duy sáng tạo

- Định hướng phát triển năng lực và phẩm chất:

+ Năng lực: Phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giao tiếp, ...

+ Phẩm chất: Phát huy tính chủ động, tích cực, chấp hành kỉ luật

**II. Chuẩn bị**:

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, bảng phụ nhóm

2. Học sinh:

- Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học

**III. Tiến trình dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò, PP và KT dạy học được sử dụng*** | ***Nội dung chính*** |
| **A. Hoạt động khởi động** | |
| - Học sinh hoạt động nhóm dùng bản đồ tư duy hệ thống lại kiến thức đã học trong chương II  - Các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình trên bảng  - Đại diện một hai nhóm lên thuyết trình  - GV nhận xét, động viên các nhóm làm tốt (nội dung và hình thức) | |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| - Hình thành năng lực tính toán, giao tiếp, hợp tác  - PPDH theo nhóm  - Các nhóm hoạt động và báo cáo kết quả  - Nhóm khác nhận xét  - GV yêu cầu một số học sinh nêu cách làm  - Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính trên các phân thức, phân tích đa thức thành nhân tử, rút gọn phân thức  - KT động não  - Hs hoạt động cá nhân  - Chú ý: Sửa mẫu của câu b: x2+1 thành x2+x  - Gv gọi một vài học sinh lên bảng chữa  - Hs dưới lớp nhận xét  - GV chữa và chốt  - Rèn kĩ năng tính toán, phân tích, suy luận  - PPDH vấn đáp, gợi mở  (?) Giá trị biểu thức được xác định khi nào?  (?) Muốn cm giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến ta làm như thế nào?  - HS lên bảng thực hiện.  - Phát triển năng lự tính toán, suy luận  - Hs hoạt động nhóm làm vào phiếu học tập  Hai nhóm nhanh nhất trình bày kết quả trên bảng  - GV cho học sinh nhận xét và chữa | A. Bài tập trắc nghiệm:  1. D 2. B 3. B 4. B 5. D  B. Bài tập tự luận:  Bài 1:  a.  =  b.  =>  B =  c.  =  =  Bài 2:  a) Giá trị biểu thức được xác định  2x – 2  khi x  x2 – 1   (x – 1) (x+1)  khi x  2x + 2  Khi x  Vậy với x & x thì giá trị biểu thức được xác định  b)  = 4  Với mọi giá trị của biến thì giá trị của phân thức luôn = 4  Vậy Giá trị biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến  Bài 3:  (đk x  )  Giá trị phân thức bằng 0 khi x2 – 10x +25 =0  ( x – 5 )2 = 0  x = 5  (thỏa mãn)  Vậy x = 5 thì giá trị của phân thức trên bằng 0. |
| **D.E. Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | |
| - Gv sửa lại đề bái cho bài 1:  x2-10 sửa thành x2-10x  x2+10 sửa thành x2+10x  - GV gọi một vài học sinh chia sẻ cách làm  - Tìm phương án tối ưu  - Học sinh về nhà làm  - Thực hiện phép chia đa thức cho đa thức  - Phân thức có giá trị nguyên khi tử chia hết cho mẫu  - Trước khi tính giá trị phân thức nên rút gọn phân thức | Bài 1:  Điều kiện xác định: x 10      Tại x = 2016 thì giá trị biểu thức là    Bài 2:  Bài 3: |

***Nhận xét sau giờ dạy***

|  |
| --- |
|  |
|  |

Ngày soạn: .......................

Ngày dạy: .........................

**CHƯƠNG III: PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN**

**Tiết 37+38: §1. MỞ ĐẦU VỀ PHƯƠNG TRÌNH**

I. **Mục tiêu.**

1, Kiến thức

- Nhận biết được phương trình

- Hiểu được khái niệm nghiệm của phương trình

- Hiểu được khái niệm hai phương trình tương đương

2, Kỹ năng :

- Kiểm tra xem một số cho trước có là nghiệm của phương trình hay không?

- Kiểm tra xem hai phương trình đã cho có tương đương hay không?

3. Thái độ :

- Yêu thích môn học, cẩn thận chính xác***.***

4. Định hướng hình thành năng lực,phẩm chất

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **Chuẩn bị**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (A, B)

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

* Phương pháp: Gợi mở, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm
* Kĩ thuật: động não và động não không công khai, thảo luận viết, kĩ thuật 635,

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy và hoạt động học**

**1.Ổn định và kiểm tra sĩ số lớp**

8a............................ 8b.........................................

**2. Các hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** | **TÌNH HUỐNG VÀ CÁCH XỬ LÍ** |
| **A. Hoạt động khởi động** | | |
| GV: yêu cầu HS đọc mục tiêu bài học**PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, KT động não  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  ***1,2.* HS hoạt động cá nhân, nghiên cứu thông tin SHD/5, 6**  - HS: Thực hiện nhiệm vụ  GV ĐVĐ vào bài mới: Pt ẩn x là pt có dạng có dạng như thế nào? |  | HS thiếu SHD, quên SHD kì II, GV cần nhắc nhở để HS mang đầy đủ ở tiết sau, HD các HS thiếu sách học cặp đôi với bạn khác. Nếu HS khó khăn cần bổ sung thêm SHD. |
| **B: Hoạt động hình thành kiến thức** | | |
| **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, KT động não.  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  ***1a,b, hoạt động chung cả lớp***  1a. - GV: y/c HS đọc nội dung  - HS: Nhận nhiệm vụ  GV? Nêu dạng của phương trình ẩn x?  HS trả lời  1b. GV: yc HS đọc ví dụ  -HS: nhận nhiệm vụ  **1c. HS cá nhân báo cáo**  HS báo cáo, các HS khác chia sẻ  GV chốt, nhận xét đúng, sai | 1.Khái niệm pt một ẩn x: SHD/6  A(x) = B(x)  X: ẩn  A(x): vế trái  B(x): vế phải | HS tự học theo cá nhân sau đó GV chốt cả lớp hoặc đổi thành chốt theo nhóm nếu thấy tiến độ các nhóm không đồng đều. |
| **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học.  ***+. Thực hiện nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 2a***  HS: làm mục 2a  GV: Hướng dẫn hs thực hiện  +. ***Thảo luận, trao đổi, báo cáo***  - GV: Gọi 1 nhóm lên bảng trình bày, các nhóm khác chia sẻ, bổ sung  - GV chốt  **+ 2b. Giao nhiệm vụ hoạt động chung cả lớp**  -GV: yc HS đọc kĩ nội dung  - HS **cá nhân** trả lời câu hỏi, các HS khác chia sẻ, nhận xét  - GV chốt | 2.  a. x = 3   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Pt | Giá trị của x | Giá trị của VT | Giá trị của VP | | 3x –4 = 5 –6x | 0 | -4 | 5 | |  | 1 | -1 | -1 | |  | -2 | -10 | 17 | |  |  | -3 | 3 |   b, 2(x – 3) = 5x – 19  x = 0 không là nghiệm của pt trên vì -6 ≠ -19  x = 4 không là nghiệm của pt trên vì 2 ≠ 1 | GV cần quan sát, đánh giá độ tích cực của HS trong từng nhóm, quan tâm tới HS yếu chưa chăm học, y/c các nhóm trưởng kiểm soát việc tự học, tự đọc của các bạn Hs yếu.  Hỏi bất kì 1 HS để nhấn mạnh một số là nghiệm và một số không là nghiệm của phương trình khi nào? |
| **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  **3a. Giao nhiệm vụ hoạt động nhóm**  -HS làm 3a  - GV: gọi 1 nhóm lên báo cáo, các nhóm khác chia sẻ  - GV chốt  **3b. Giao nhiệm vụ hoạt động chung cả lớp**  -GV: yc HS đọc kĩ nội dung  **3c. Giao nhiệm vụ hoạt động cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo**  -HS nhận nhiệm vụ, làm 3c  - GV: Gọi 1 HS đại diện cặp đôi báo cáo, các HS khác chia sẻ. | 3a, -PT x – 10 = 2006 có nghiệm duy nhất x = 2016  - PT x2 + 1 = 0 vô nghiệm  c, -PT x + 5 = 0 có tập nghiệm là S = {-5}  -PT vô nghiệm có tập nghiệm S = | GV quan sát, nhận xét đúng sai và năng lực giao tiếp toán học của một số HS.  GV có thể để HS khác trong nhóm nhận xét đúng sai. |
| **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  **4a. Giao nhiệm vụ hoạt động cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo**  -HS nhận nhiệm vụ 4a.  - GV gọi 1 HS đại diện cho 1 cặp đôi báo cáo kết quả, các cặp đôi khác chia sẻ  - GV chốt  **4b. Hoạt động chung cả lớp**  -GV: yc HS đọc kĩ nội dung  GV? Khi nào 2 pt được gọi là tương đương với nhau?  HS trả lời  GV chốt | 4a.   |  |  | | --- | --- | | PT | Tập nghiệm | | x – 5 = 0 | S = {5} | | 5 – x = 0 | S = {5} | | GV có thể tổ chức lớp chơi trò chơi “Ai nhanh hơn” để các nhóm đều tìm được tập nghiệm của các pt khác nhau.  Có thể yc các nhóm lấy vd về hai phương trình tương đương, nhóm nào xong trước, có kết quả chính xác thì thắng. |
| **C. Hoạt động luyện tập** | | |
| **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, tích cực học  ***+. HS hoạt động cá nhân bài 1 câu c, bài 2, bài 3c, sau đó gọi HS lên bảng trình bầy***  Các HS khác nhận xét  GV chốt  ***+. HS hoạt động cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo bài 2***  Đại diện 1 cặp đôi đứng tại chỗ báo cáo, các cặp đôi khác chia sẻ  GV chốt | Bài 1/9  c, -3(x+3) + 6 = 4x – 2  x = -2 không là nghiệm của pt đã cho vì  -3.(-2+3) + 6 ≠ 4.(-2) – 2 (3 ≠ -10)  Bài 3/9  b, x – 3 = 0 và x2+ 1 = 0 không tương đương vì {3} ≠  Bài 2/9   1. Nối x= 1 (b) Nối x = 2 2. Nối x = 1 (d) Nối x = -2 | GV để HS hoạt động cá nhân, theo dõi kiểm tra đánh giá các HS đã làm xong để động viên kịp thời, chuyển phần hoặc cho thêm bài tập ở từng đối tượng cụ thể. |
| **D,E Hoạt động : vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | | |
| GV: cho HS về nhà làm bài 1a,b; 3a, sgk /9  GV hướng dẫn HS về nhà làm thêm bài 1, 2, 6 SBT / 5,6  Phần D,E Không bắt buộc nhưng khuyến khích các e về nhà làm  Chuẩn bị bài mới phần A, B(mục 1, 2) |  | GV kiểm tra vào đầu giờ học sau nội dung này. |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhận xét**:

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn:14/1/2018*

**Tuần 21+22:**  Ngày dạy: ....................  **Tiết 39+40+41 §2. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN (3 tiết)**

I. **Mục tiêu.**

1. **Kiến thức:**

- Hiểu thế nào là một pt bậc nhất một ẩn ax + b = 0 (x là ẩn, a, b là các số đã cho, a ≠ 0)

**2. Kỹ năng:**

- Nhận biết được 1 pt là pt bậc nhất 1 ẩn x

- Biết cách tìm nghiệm của pt bậc nhất một ẩn

**3. Thái độ:**

- Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.

- Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4. Định hướng hình thành năng lực, phẩm chất**

- Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

- Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **CHUẨN BỊ**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (A.B)

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

* Phương pháp: Gợi mở, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.
* Kĩ thuật: động não và động não không công khai, thảo luận viết, khăn trải bàn.

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

1. **Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (không kiểm tra)

**3. Tiến trình bài học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** | **Tình huống và cách xử lí** |
| **A. Hoạt đông khởi động**  **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tính toán, tư duy, tích cực học | | |
| HS **hoạt động nhóm,** kết quả ghi vào bảng nhóm  -Gv quan sát giúp đỡ các nhóm HS gặp khó khăn.  -Đại diện 1 nhóm HS báo cáo, các nhóm khác chia sẻ.  -GV chốt, ĐVĐ vào bài mới: hệ thức 12x + 24 = 168 có là pt một ẩn x hay không? Nhận xét gì về số mũ của x?  HS trả lời: Số mũ của x bằng 1  GV: Khi đó 12x + 24 = 168 được gọi là pt bậc nhất một ẩn x. Bài học ngày hôm nay các em sẽ tìm hiểu về dạng và cách giải pt bậc nhất 1 ẩn x. | 12x + 24 = 168 | Hs có thể viết , GV chấm nhận xét rồi HD viết về để HS dẽ nhận biết dạng chính tắc của phương trình bậc nhất một ẩn |
| **B.Hoạt động hình thành kiến thức**  **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tư duy, tích cực học | | |
| **1a. Hs hoạt động chung cả lớp**  - GV: yc HS đọc nội dung 1a  - HS Đọc  GV? Nêu dạng của pt bậc nhất 1 ẩn x?  HS trả lời: ax + b = 0 (a ≠ 0) | 1a. Khái niệm pt bậc nhất một ẩn:  ax + b = 0 (a ≠ 0)  1b. Chọn 1, 3, 4 | GV cần chú ý a ≠ 0 thì  không là phương trình bậc nhất một ẩn. |
| **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tư duy, tính toán, tích cực học  **2a. HS hoạt động cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo**  -Hs thực hiện, đại diện 2 cặp đôi lên bảng báo các, các cặp đôi khác chia sẻ  -Gv nhận xét đánh giá cá nhân, cặp đôi.  **2b. HS hoạt động chung cả lớp**  GV? Để biến đổi một pt bậc nhất ẩn x, ta có thể làm như thế nào?  HS trả lời  **2c. HS hoạt động nhóm** | 2a.   |  |  | | --- | --- | | x + 6 = 9  → x = 9 – 6  → x = 3 | 6 = x – 3  → 6 + 3 = x  → 9 = x |   2c. x + 6 = 0 ↔ x = 0 – 6 ↔ x = -6    5 = 8 – x ↔ x = 3 | Sau mỗi mục GV nên chấm nhận xét để Hs thêm tự tin, khẳng định mình qua từng phần nhỏ và động viên khuyến khích kịp thời các HS yếu. |
| **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tư duy, tính toán, tích cực học  **3a. HS hoạt động cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo**  -Gv mời 2 cặp đôi lên báo cáo, các cặp đôi khác chia sẻ  **3b. HS hoạt động chung cả lớp**  GV? Để biến đổi một pt bậc nhất ẩn x, ta có thể làm như thế nào?  HS trả lời  **3c. HS hoạt động nhóm**  -HS làm 3c, đại diện 1 nhóm chia sẻ. | 3a.   |  |  | | --- | --- | | 2x = 12 |  |   3c. -2x = 2 → x = -1  0,5x = 2,5 → x = 5 | Nếu HS làm việc ca nhân tốt, Gv chấm vài cặp đôi đạt yêu cầu thì cho chuyển phần, không cần HĐ cả lớp. |
| **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tư duy, tính toán, tích cực học  **4a. HS hoạt động chung cả lớp**  GV? Có mấy cách biến đổi một pt bậc nhất ẩn x?  HS trả lời: 2 cách  **4b. HS hoạt động nhóm**  -HS làm 4b đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác chia sẻ | 4b. -2x + 6 = -4  ↔ -2x = -10  ↔ x = 5 | GV đánh giá kiểm tra và xá nhận đúng, sai cho hai nhóm. Nếu nhóm nào làm tốt có thể cho chia sẻ. |
| **C.Hoạt động luyện tập**  **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, tích cực học | | |
| 1,2,3. **HS hoạt động cá nhân**, lên bảng báo cáo, các HS khác chia sẻ | Bài 1/13  Chọn a, c  Bài 2/13  a.x + 4 = 10 ↔ x = 6  b, -3x + 2 = -7 ↔ x = -3  c,  d, 0,5x + 4 = -1 ↔ x = -10  Bài 3/13  a,  b, 6 – 3y = -3 ↔ y = 3  c,  d, -2m + 6 = 0 ↔ m = 3 | Gv nên chấm một ssoos bài của HS. HS nào làm xong phải cho bài tập thêm. |
| **D,EHoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng** | |  |
| D.E không bắt buộc nhưng khuyến khích tất cả các HS cùng làm  GV yêu cầu HS về làm bài tập 14, 15, 16: SBT  GV yc HS chuẩn bị bài mới A.B (mục 1) | |  |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhân xét:**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. .............................................................................................................................................

Ngày soạn: 19/1/2018

**Tuần 22+23:** Ngày dạy : .......................

**TiÕt 42+13+44 §3. MỘ SỐ PHƯƠNG TRÌNH ĐƯA ĐƯỢC**

**VỀ DẠNG PHƯƠNG TRÌNH ax + b = 0 (3 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách biến đổi tương đương để đưa pt đã cho về dạng ax + b = 0

- Biết cách biến đổi tương đương để đưa pt đã cho về dạng ax + b = 0

**2. Kỹ năng:**

- Học sinh biết cách giải pt có 2 vế là 2 biểu thức hữu tỉ của ẩn và không chứa ẩn ở mẫu

- Vận dụng được cách tìm nghiệm của pt A.B = 0 (A, B là các đa thức chứa ẩn) bằng cách tìm nghiệm của các pt A = 0; B = 0

- Biết tìm ĐKXĐ của pt chứa ẩn ở mẫu và cách giải pt chứa ẩn ở mẫu

**3. Thái độ:**

- Yêu thích môn học

- Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.

- Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4. Định hướng hình thành năng lực**

- Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

- Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **CHUẨN BỊ**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (A.B)

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

* Phương pháp: Gợi mở, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.
* Kĩ thuật: động não và động não không công khai, thảo luận viết, khăn trải bàn.

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Kế hoạch bài học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** | **Tình huống và cách xử lí** |
| **A, Hoạt động khởi động**  **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, tích cực học | | |
| 1.a  Kết quả đã có ở phần kiểm tra bài cũ  GV chốt lại và chuyển muc b  - ĐVĐ: Nếu cả hai vế của pt đều chứa x (không chứa x ở mẫu) thì ta giải pt đó như thế nào? → 1b | 1a. x + 8 = 22 ↔ x =14. Vậy S = {14}  -5x = 7,5 ↔ x = -1,5. Vậy S = {-1,5}  ↔ x = 8. Vậy S = {8} | HS có thể quên không viết tập nghiệm, GV cần nhắc nhở bổ sung. |
| **B, Hoạt động hình thành kiến thức** | | |
| **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, tích cực học  **1b, HS hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  - HS thực hiện nhiệm vụ làm 1b  - GV yc 1 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác chia sẻ  - GV chốt  **1c, HS hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  - HS thực hiện nhiệm vụ làm 1b  - GV yc 1 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác chia sẻ  - GV chốt  GV? **Nêu các bước giải pt có hai vế là hai biểu thức hữu tỉ của ẩn và không chứa ẩn ở mẫu?** | 1b, (2x + 1) – 6 = 7 – 2x  ↔ 2x + 1 – 6 = 7 – 2x  ↔ 2x + 2x = 7 – 1 + 6  ↔ 4x = 12 ↔ x = 3  Vậy S = {3}  2(x-1) + 3 = (x + 4) – 1  ↔ 2x – 2 + 3 = x + 4 – 1  ↔ 2x - x = 4 – 1 + 2 – 3  ↔ x = 2  Vậy S = {2}  1c,    Vậy S = {1}      Vậy S = {5} | GV chú ý HS dùng phép biến đổi tương đương để giải phương trình.  GV chấm, nhậm xét khả năng tính toán, độ chính xác của từng câu cho các HS, nhiều nhất có thể.  HS trong nhóm phải từng cá nhân nêu được, nếu còn khó khăn thicf các bạn khá giúp đỡ |
| **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, tích cực học  **2a,b, HS hoạt động chung cả lớp**  - HS cá nhân trả lời câu hỏi, các HS khác chia sẻ  - HS nghiên cứu phần giải pt (1): SHD/15  (?) Nêu dạng và cách giải pt tích?  -HS nghiên cứu SHD/15, trả lời  **2c, HS hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  - GV yc 1 nhóm báo cáo hoặc chia sẻ | 2b. Pt tích:  A(x).B(x) = 0  2c.    Vậy pt đã cho có tập nghiệm: S = {2; 3}    Vậy pt đã cho có tập nghiệm: S = {2/5; 6} | GV chú ý cách viết dấu  là chỉ hoặc, tránh nhầm với |
| **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, tích cực học  **3a, HS hoạt động nhóm** làm 2 ý đầu, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  - HS cá nhân trả lời câu hỏi, các HS khác chia sẻ  - HS nghiên cứu thông tin SHD/16  (?) Nêu các bước giải pt chứa ẩn ở mẫu  → 3b  **3b, HS hoạt động chung cả lớp**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  -HS đọc SHD/17  - HS nghiên cứu VD: SHD/17  **3c. HS hoạt động nhóm**, kết quả ghi vào bảng nhóm | 3a. ĐKXĐ: x ≠ 0; x ≠ 2  vì:  3(x2 – 2x – 3) ≠ (x – 3).(x2 + x)  vì:  3(x2 – 4x + 3) ≠ (x – 3).(x2 - x)  vì:  (x2 – x).(x2 – 2x – 3) = (x2 + x).(x2 - 4x + 3)  3b. Các bước giải pt chứa ẩn ở mẫu: SHD/17  3c.    Vậy pt đã cho có tập nghiệm: S = {0}    Vậy pt đã cho có tập nghiệm: S = {13/3} | GV cần nhấm mạnh và chấm, nhận xét xem HS đã đặt ĐKXĐ và đã đối chiếu đk xác định chưa? |
| **C.Hoạt động luyện tập**  **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, tích cực học | | |
| - GV yc HS hoạt động cá nhân làm 1d, 2c, 3c, 5b  - HS thực hiện nhiệm vụ  - GV yc 4 HS lên bảng báo cáo kết quả, các HS khác chia sẻ  - GV chốt | bài 1/ 17  1d,    Vậy S =  Bài 2/18  2c,    Vậy S = {}  Bài 3/18  3c, S = {-3/2; 6}  Bài 5/18  5b, S = {-2} | GV có thể quan sát và chấm nhận xét mtj số cá nhân, quan tâm Hs yếu để học cùng các em.  Cần chấm chính xác đáp số và bổ sung các bước làm mà HS thiếu váo vở, vào bài của HS. |
| **D.E.Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng** | | |
| GV yêu cầu HS về nhà làm bài tập C(1a,b,c; 2a,b,d; 3abd; 4; 5ac), D.E (1,2) SGK.  -HS về nhà chuẩn bị bài mới A.B | |  |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh,nhận xét:**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày tháng năm***

Ngày soạn: ....................

Ngày dạy :.......................

**Tiết 45+46+47 §4. LUYỆN TẬP GIẢI PHƯƠNG TRÌNH**

**BẬC NHẤT MỘT ẨN (3 tiết)**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống được các kiến thức cơ bản về pt bậc nhất một ẩn, pt dạng tích, pt chứa ẩn ở mẫu

**2. Kỹ năng:**

- Luyện tập giải các bài tập về pt bậc nhất, pt dạng tích và pt chứa ẩn ở mẫu

**3. Thái độ:**

- Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.

- Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4. Định hướng hình thành năng lực, phẩm chất**

- Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

- Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **Chuẩn bị**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

-KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới, ...

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

* Phương pháp: Gợi mở, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.
* Kĩ thuật: động não và động não không công khai, thảo luận viết.

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức: 8ª.... 8b....**

**2. Tiến trình bài học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **NỘI DUNG** | | **Tình huống và cách xử lí** |
| **A. Hoạt động khởi động**  **\* MĐ:** Tạo tâm thế cho bài học. Ôn tập, huy động kiến thức cho bài học hôm nay.  **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, tích cực học | | | |
| 1. **Hoạt động chung cả lớp**  -GV chia các nhóm 1,2,4,5 mỗi nhóm làm 1 mệnh đề. Nhóm 3 làm trọng tài.  ? Với mỗi mệnh đề cần trả lời mệnh đề nào đúng, mệnh đề nào sai? Giải thích vì sao? Các nhóm báo cáo.  - Các HS ở phía dưới nghe, nhận xét, bổ xung. Nhóm 3 chấm điểm cho mỗi nhóm.  **2. GV y/c HS cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo**  **-** GV chấm 1 số cặp  **3.Hoạt động chung cả lớp**  **-**GV mời 8 HS lên bảng tham gia chơi trò chơi: Giao cho mỗi HS một lá phiếu (nội dung 8 lá phiếu tương ứng với A, ..., D, a, ..., d)  ? YC 2 HS tiến lại gần nhau thành 1 cặp sao cho mỗi pt tìm đúng ĐKXĐ  GV nhận xét tinh thần hợp tác trách nhiệm của các cá nhân tham gia trò chơi. | **1.**1.S (a ≠ 0)  2. Đ  3.S (x2 = 0 có nghiệm duy nhất x = 0 nhưng không phải là pt bậc nhất 1 ẩn)  4. Đ (quy tắc chuyển vế)  2. 1.C 2. C  3. A – b; B – d; C – a; D – c | | Với lớp 8b có 6 nhóm thì chia từng nhóm làm bài 1.  Các cặp đôi được chấm kiểm tra tiếp các cá nhân của nhóm.  Nếu không tổ chức được trò chơi thì GV có thể cho HS thi “Ai nhanh hơn” theo từng câu hỏi. |
| **C.Hoạt động luyện tập**  **\* MĐ:** Vận dụng các kiến thức đã biết để giải một số pt có thể đưa về dạng ax+ b = 0  **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, tích cực học. | | | |
| Bài 1,2 3.Hoạt động cá nhân  GV y/c HS làm và báo cáo theo từng bài.  GV chấm nhận xét cho các cá nhân đã hoàn thành, và khuyến khích HS làm tiếp bài 2 | Bài 1/T20  Chọn a, c, d  Bài 3/ t20  a.7 + 2x = 22 – 3x  ↔ 5x = 15 ↔ x = 3. Vậy S = {3}  c. x – 12 + 4x = 25 + 2x – 1  ↔ 3x =36 ↔ x = 12. Vậy S = {12}  e. 7 – (2x + 4) = -(x + 4)  ↔ 7 – 2x – 4 = -x – 4  ↔ x = 7. Vậy S = {7} | | Nếu HS lúng túng GV có thể gợi ý các em với các câu hỏi:  ? Để giải các pt này e dùng cách biến đổi tương đương nào?  HS: a, c: Quy tắc chuyển vế đổi dấu  e: Quy tắc dấu ngoặc + quy tắc chuyển vế |
| Bài 4.c,d. **Hoạt động nhóm, kết quả ghi lại ra bảng nhóm**  -Đại diện nhóm lên trình bày kết quả, các nhóm khác chia sẻ  --GV chốt  Bài 5/t20  GV y/c HS làm cá nhân và báo cáo theo từng bài.  GV chấm nhận xét cho các cá nhân đã hoàn thành, và khuyến khích HS làm tiếp bài 6.  Bài 5/t20  GV y/c HS làm cá nhân và báo cáo theo từng bài.  GV chấm nhận xét cho các cá nhân đã hoàn thành, và khuyến khích HS làm tiếp bài 7.  Bài 7b,c,d/21  **Hoạt động cá nhân b,c,d**, | Bài 4/T20  c. (4x + 2).(x2 + 1) = 0    Vậy S =  d. (2x + 7).(x – 5).(5x + 1) = 0    Vậy S =  Bài 5/ t20  a.2x(x – 3) + 5(x – 3) = 0  ↔ (x – 3).(2x + 5) = 0    Vậy S =  b. (x2 – 4) + (x – 2).(3 – 2x) = 0  ↔(x - 2).(-x + 5) = 0  ↔ .... vậy S = {2; 5}  c. x3 – 3x2 + 3x – 1 = 0  ↔ (x – 1)3 = 0 ↔ x = 1. Vậy S = {1}  d. x.(2x – 7) – 4x + 14 = 0  ↔ x.(2x – 7) -2.(2x – 7) = 0  ↔ (2x – 7).(x – 2) = 0  ↔ .... Vậy S =  e. (2x – 5)2  - (x + 2)2 = 0  ↔ (3x – 3).(x – 7) = 0  ↔ ... Vậy S = {1; 7}  f. x2 – x – (3x – 3) = 0  ↔ x.(x – 1) – 3.(x – 1) = 0  ↔ (x – 1).(x – 3) = 0  ↔ .... Vậy S = {1; 3}  Bài 6/20  c. . ĐKXĐ: x ≠ 3      Vậy S = {-2}  d. . ĐKXĐ: x ≠    Vậy S =  Bài 7/21  b, . ĐKXĐ: x ≠ -1  ↔ 5x + 2x + 2 = -12  ↔ x = -2 (tm). Vậy S = {-2}  c, . ĐKXĐ: x ≠ 0  ↔ x3 +x =x4 +1  ↔ (x – 1).(1 – x3) = 0  ↔ ... Vậy S = {1}  d, . ĐKXĐ: x≠ -1; x≠ 0  ↔ x2 + 3x + x2 +x – 2x – 2 = 2x2 + 2x  ↔ 0x = 2 (vô lý). Vậy S = | | GV? Thêm để KT HS: Để giải pt này e dùng phần kiến thức đã họ nào? Trình bày cách giải pt tích  GV HD HS bằng câu hỏi:  ? Để giải các pt này e dùng cách nào?  ? Nêu các cách ptđa thức thành nhân tử mà em biết?  Đây là bài tập khó, nếu HS yếu không làm được cần phân công các HS khá hỗ trợ, Gv quan sát và học nhóm với các HS yếu.  Có HS về nhà đã làm thì GV chấm, nhận xét, y/c làm lại các câu sai, cho thêm bài tập đề Hs làm. |
| **D.E: Vận dụng và tìm tòi mở rộng** | | | |
| Không bắt buộc nhưng khuyến khích tất cả các em cùng làm  -HS về nhà chuẩn bị bài mới A.B | |  |  |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh,nhận xét:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày tháng năm***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

Ngày soạn: ....................

Ngày dạy :.......................

**Tiết 48+49+50**

**§5. GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH (3 tiết)**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được các bước giải bài toán bằng cách lập pt

**2. Kỹ năng:**

- Giải được một số bài toán dạng đơn giản bằng cách lập pt

**3. Thái độ:**

- Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.

- Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4.Định hướng hình thành năng lực**

- Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

- Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **Chuẩn bị**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

-KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới, ...

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

* Phương pháp: Gợi mở, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.
* Kĩ thuật: động não và động não không công khai, thảo luận viết.

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức: 8ª.....8b......**

**2. Tiến trình bài học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **NỘI DUNG** | **Tình huống và cách xử lí.** |
| **A.B. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức**  **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề,vấn đáp, gợi mở, KT đặt câu hỏi, hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, giao tiếp, tích cực học | | |
| **a, Hoạt động nhóm**  -GV? Có mấy đối tượng tham gia vào bài toán?  HS: 2 đối tượng là Nam và An  ? Trong bài toán có mấy đại lượng? Các đại lượng này quan hệ với nhau theo công thức nào? Đại lượng nào đã biết, đại lượng nào chưa biết?  HS: 3 đại lượng: quãng đường đi được (đã biết 11,5 km), thời gian đi (đã biết 0,5 giờ), vận tốc (chưa biết)  Quãng đường = vận tốc . thời gian  Điền vào chỗ trống cho đúng:  Điền vào chỗ trống để hoàn thiện lời giải:  **b, Hoạt động chung cả lớp**  -GV yc HS nêu các bước giải bài toán bằng cách lập pt  - GV yc HS đọc VD  **c,** **Hoạt động nhóm**, kết quả ghi vào bảng nhóm  -HS thực hiện, | Tóm tắt:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | v (km/h) | t đi (h) | s đi được (km) | | Nam | x | 0,5 | 0,5.x | | An | x-1 | 0,5 | 0,5.(x – 1) |   Điền vào chỗ trống:  -Tổng quãng đường của Nam và An:  0,5.x + 0,5.(x – 1)  -Hai dịa điểm cách nhau 11,5 km nên ta có pt: 0,5.x + 0,5.(x – 1) = 11, 5  Giải:  Gọi x (km/h) là vận tốc của bạn nam (ĐK: x > 1)  Vận tốc của bạn An là: x – 1  Quãng đường bạn Nam đi được trong 0,5 giờ là: 0,5.x (km)  Quãng đường bạn An đi được trong 0,5 giờ là: 0,5.(x – 1) (km)  Theo bài ra hai bạn gặp nhau và hai địa điểm cách nhau 11,5 km nên ta có pt:  0,5.x + 0,5.(x – 1) = 11, 5  Giải pt ta được: x = 12 (tm)  Vận tốc của Nam là 12 (km/h); của An là 11 km/h  b. Các bước giải bài toán bằng cách lập pt  SHD/23  c, 1. Tóm tắt:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Số HS lớp 8A | Số HS giỏi lớp 8A | | Kỳ I | x |  | | Kỳ II | x |  |   Giải:  Gọi số HS lớp 8A là x (hs) (ĐK: x > 3)  Số HS giỏi học kỳ I của lớp 8A là:  (hs)  Học kỳ II có thêm 3 hs phấn đấu trở thành hs giỏi nên số Hs giỏi học kỳ II của lớp 8A là:  + 3  Học kỳ II số HS giỏi bằng 20% số HS cả lớp nên ta có pt:  + 3 =  ↔ 5x + 120 = 8x ↔ x = 40 (tm)  Vậy số HS lớp 8A là 40 hs | **GV hướng dẫn** HS chọn 1 đại lượng chưa biết làm ẩn (vận tốc của Nam là x), biểu diễn các đại lượng chưa biết khác theo ẩn. Từ đó hướng dẫn HS **tóm tắt** bài toán thông qua việc điền vào bảng.  GV cần học cùng ccas nhóm tích cực vì nội dung này khó với học sinh, các học sinh yếu có thể cho làm đồng thời bước 1 ở các bào tập. |
| **2.**GV hướng dẫn HS tóm tắt  ? Có mấy đối tượng, mấy đại lượng tham gia bài toán?  - Chọn nồng độ muối của d2 I làm ẩn  - Biểu diễn các đại lượng khác theo ẩn  ? Nêu công thức tính nồng độ % muối?  HS: C% =  ? Muốn tính nồng độ % muối ta phải biết mấy đại lượng?  HS: khối lượng muối và khối lượng d2  ? Tính khối lượng muối?    -GV yc **HS hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  - Đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác chai sẻ  - Gv chốt | 2.Tóm tắt:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Khối lượng  (g) | Nồng độ  muối (%) | | d2 muối I | 200 | x | | d2 muối II | 300 | x – 20 | | d2 muối mới | 500 | 33 |   Giải:  Gọi nồng độ muối trong d2 I là x (%). (ĐK: x . 20)  → Nồng độ muối trong d2 II là x - 20 (%)  Ta có: Khối lượng muối trong d2 I là  (g)  Khối lượng muối trong d2 II là:  (g)  → Khối lượng muối trong d2 mới là:  2x + 3x – 60 = 5x - 60 (g)  Khối lượng của d2 muối mới là: 200 + 300 = 500 (g)  Nồng độ muối trong d2 mới là:  Vì nồng độ muối trong d2 mới là 33% nên ta có pt:  chỗ này sai  Vậy nồng độ muối trong d2 I là 21 %; nồng độ muối trong d2 II là 1 %; | Bảng tóm tắt có thể làm trên bảng để cả lớp tham khảo |
| **C.Hoạt động luyện tập**  **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề,hoạt động nhóm, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, giao tiếp, tích cực học | | |
| Bài 1/25  - GV hướng dẫn HS tóm tắt  - YC HS **hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  Bài 2/25  **Hoạt động nhóm**, kết quả ghi vào bảng nhóm  -Đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác chia sẻ  Bài 3/25  - GV hướng dẫn HS tóm tắt  - YC HS **hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  - Đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác chia sẻ  Bài 4/ 25  - GV hướng dẫn HS tóm tắt  - YC HS **hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm  Bài 5/ 25  - GV hướng dẫn HS tóm tắt  - YC HS **hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại ra bảng nhóm | Bài 1/T25  Tóm tắt:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Chữ số hàng chục | Chữ số hàng đơn vị | | Số cần tìm | a = b + 5 | b | | Số mới | b | a = b + 5 |   Giải:  Gọi số có 2 chữ số cần tìm là  = a.10 + b  (ĐK: b )  Vì chữ số hàng đơn vị kém chữ số hàng chục là 5 đơn vị nên:  a = b + 5 →  = (b + 5).10 + b = 11b + 50  Khi viết theo thứ tự ngược lại thì ta được số mới có dạng:  = b.10 + a = b.10 + (b + 5) = 11b + 5  Do số cũ hơn hai lần số mới là 18 đơn vị nên ta có pt:  11b + 50 – 2.(11b + 5) = 18  ↔11b = 22 ↔ b = 2 (tm)  → a = 2 + 5 = 7 (tm)  Vậy số cần tìm là: 72  Bài 2/ t25  Tóm tắt:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Đáy lớn | Đáy bé | Đường cao | Diện tích | | Hình thang | a | a-10 | 8 | =(2a–10).4  = 8a - 40 |   Giải:  Gọi độ dài đáy lớn của hình thang là: a (cm).  ĐK: a > 10  → Độ dài đáy bé của hình thang là: a- 10 (cm)  Diện tích hình thang là:  = 8a – 40  Vì hình thang có diện tích là 160 cm2 nên ta có pt:  8a – 40 = 160 ↔ a = 25 (cm) (tm)  Vậy độ dài đáy lớn của hình thang là 25 (cm); đáy bé là 15 (cm)  Bài 3/25  Tóm tắt:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | s (km) | v (km/h) | t (h) | | Xuôi dòng  A → B | x | 33 |  | | Ngược dòng  B → A | x | 27 |  |   Giải: Đổi: 40 phút =  giờ  Gọi quãng đường AB là x (km). ĐK: x > 0  Vận tốc khi xuôi dòng là: 30 + 3 = 33 (km/h)  Vận tốc khi ngược dòng là: 30 – 3 = 27 (km/h)  Thời gian ca nô đi xuôi dòng là:  (h) ↔  Thời gian ca nô đi ngược dòng là:  (h)  Vì thời gian đi xuôi dòng ít hơn thời gian đi ngược dòng là 40 phút nên ta có pt:    Vậy quãng đường AB là 99 (km)  Bài 4/25  Tóm tắt:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | tháng 5 | tháng 6 | | tổ 1 | x | 1,1x | | tổ 2 | 760 - x | 1,15(760 – x) |   Giải: ....  ta có pt: 1,1x + 1,15(760 – x) = 854  ↔ 0,05x = 20  ↔ x = 400 (tm)  Vậy trong tháng 5, tổ 1 làm được 400 sp,  tổ 2 làm được 360 sp  Bài 5/25  Tóm tắt:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Vòi 1 | Vòi 2 | Cả hai vòi | | Số giờ |  | x |  | | Phần việc làm trong một giờ |  |  |  | | Phần việc đã làm |  |  |  | | Phương trình lập được | +  = | | |   **+) Giải:** Đổi 1 giờ 20 phút =  (giờ)  10 phút =  (giờ); 12 phút =  (giờ)  Gọi thời gian vòi thứ hai chảy một mình đầy bể là x (giờ) (x > 0)  → Trong 1 giờ vòi thứ hai chảy được  (bể)  Do cả hai vòi cùng chảy vào bể thì sau 1 giờ 20 phút thì đầy bể nên trong 1 giờ cả hai vòi chay được  (bể)  → Trong 1 giờ vòi thứ nhất chảy được:  (bể)  Do đó : Trong 10 phút vòi thứ nhất chảy được :  (bể)  Trong 12 phút vòi thứ hai chảy được :  (bể)  Theo bài ra ta có phương trình:  +  =    (thỏa mãn)  Trong 1 giờ vòi thứ nhất chảy được:  (bể)  Vậy thời gian vòi thứ nhất chảy một mình đầy bể là 2 giờ  Thời gian vòi thứ hai chảy một mình đầy bể là 4 giờ | Nếu nhiều nhóm tóm tắt kém nên cho tóm tắt chung lên bảng.  Bài tập này khó, có thể để chữa chung cả lớp. |
| **D.E: Vận dụng và tìm tòi mở rộng** | | |
| Không bắt buộc nhưng khuyến khích tất cả các HS cùng tham gia | | |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh, nhận xét:**

***Ngày tháng năm***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

Ngày soạn: ....................

**Tuần 27+28:** Ngày dạy :.......................

**Tiết 51+52+53: §6. ÔN TẬP CHƯƠNG III (3 tiết)**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống được các kiến thức cơ bản trong chương

**2. Kỹ năng:**

- Giải được một số bài toán dạng bài tập đơn giản của chương và vận dụng giải các bài tập trong thực tế đời sống

**3. Thái độ:**

- Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.

- Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4.-Định hướng hình thành năng lực**

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **ChuÈn bÞ**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (C1.2) ...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:** kết hợp trong quá trình ôn tập

**3. Tiến trình bài học:**

**A. Hoạt động khởi động:**

**PP và KT:** hoạt động nhóm, sơ đồ tư duy, KT phòng tranh

**Năng lực và phẩm chất:** tư duy, hợp tác, sáng tạo

GV: Em hãy nhanh chóng ghi lại những kiến thức đã được ở chương II theo nhóm dưới dạng sơ đồ tư duy

HS: Nhóm trưởng phân chia nhiệm vụ để nhóm mình hoạt động hiệu quả nhất.

GV nhanh, chính xác, chất lượng tốt hơn nhóm đó được khen.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |
| **PP và KT:** vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT động não  **Năng lực và phẩm chất:** tư duy, hợp tác, sáng tạo  **1,** **Hoạt động chung cả lớp, chơi trò chơi “hái hoa dân chủ”**  - GV yc HS lên hái hoa, tương ứng với mỗi bông hoa là 1 câu hỏi  - HS trả lời câu hỏi mà mình hái được, các HS còn lại nghe, chia sẻ  - Gv chốt  **2. Hoạt động cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo (ý 1, 2, 3, 4)**  - Đại diện cặp đôi đứng tại chỗ báo cáo, các cặp đôi khác chia sẻ  - GV chốt  (5), (6), HS **chơi trò chơi**  GV mời 9 HS lên bảng, giao cho mỗi em 1 phiếu học tập. Nội dung phiếu học tập tương ứng là A, ..., D, a, ..., e  ? YC 2 HS ghép lại thành 1 cặp sao cho  (5) phương trình tìm đúng nghiệm của mình  (6) phương trình tìm đúng ĐKXĐ  Cặp đôi nào đúng và nhanh nhất, cặp đôi đó được thưởng  **3.Bài tập tự luận**  **(1c)Hoạt động nhóm**, kết quả ghi lại vào bảng nhóm  -Đại diện nhóm lên báo cáo  - Gv chốt  (**2) Hoạt động nhóm**, đại diện nhóm báo cáo (mỗi nhóm làm 1 ý)  - Gv chốt | **1.Trả lời các câu hỏi sau:**  **2.Bài tập trắc nghiệm**  (1) chọn A, D  (2) chọn B  (3) a, S =  b, S = Ø  c, S = Ø d, S = R  (4) chọn D  (5) A nối d, e B nối a,  C nối c, f D nối b, d  (6) A ghép b B ghép d  C ghép a D ghép e  **3.Bài tập tự luận**  (1)c, 2(x + 1) + 3 = 2 – x  Với x = -1, VT = 3, Vp = 3  Vậy x = -1 là nghiệm của pt đã cho  (2) a, Không tương đương  b, Tương đương  c, Không tương đương  d, Tương đương  e, Tương đương |
| (3b,c), (4b,d), (5), (6), **Hoạt động cá nhân**  -HS lên bảng chữa bài, các HS khác chia sẻ  -Gv chốt  **(3)? Cách giải pt ax + b = 0?**  **(4) ? Cách giải pt có hai vế là 2 biểu thức hữu tỉ của ẩn và không chứa ẩn ở mẫu?**  **(5) Cách giải pt tích?**  **(6)? Cách giải pt chứa ẩn ở mẫu?**  GV? **Các bước giải bài toán bằng cách lập pt?**  HS trả lời  (7), (8), (9), (10), HS lên bảng làm, các HS khác chia sẻ  - GV chốt | (3)b, -3x +  = 0 ↔ x = . Vậy S =  c, x + 2 = 0 ↔ x = -4. Vậy S = {-4}  (4)b, 5 – (x – 6) = 4(3 – 2x)  ↔ 5 – x + 6 = 12 – 8x ↔ x = .  Vậy S =  d,    Vậy S = {0}  (5) a, (x - 3)(2x + 1)(4 - 5x) = 0  Vậy S = {3; }  b, 2x3 -5x2 + 3x = 0  ↔ x(x – 1)(2x - 3) = 0. Vậy S = {0; 1; }  c, (x – 3)2 = (2x + 1)2  ↔ (3x – 2)(x + 4) = 0. Vậy S = {-4; }  d, (3x – 1)(x2 + 2) = (3x – 1)(7x – 10)  ↔ (3x – 1)(x2 – 7x + 12) = 0  ↔ (3x – 1)(x - 3)(x – 4) = 0.  Vậy S = {3; 4; }  (6) a, . ĐKXĐ: x ≠ 1    Vậy S = Ø  b, .  ĐKXĐ: x ≠ 0; x ≠    Vậy S = {}  c, .  ĐKXĐ: t ≠ 2; t ≠ -3    Vậy S = {}  d,ĐK: x ≠      Vậy S = {-8; }  (7) Tóm tắt:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Tuổi Phương | Tuổi mẹ  Phương | | Năm nay | x | 3x | | 13 năm nữa | x + 13 | 3x + 13 |   Theo bài ra ta có pt:  3x + 13 = 2.(x + 13) (ĐK: x >1, x N)  ↔ x = 13 (tm)  Vậy năm nay Phương 13 tuổi  (8) Tóm tắt: Đổi 4 giờ 15 phút =  giờ   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | v | t | s | | xe 1 | x |  | x | | xe 2 | x - 8 |  | .(x – 8) |   Theo bài ra ta có pt:  .(x – 8) = . x (ĐK: x > 8)  ↔ x = 48 (tm)  Vậy vận tốc xe 1 là 48(km/h);  vận tốc xe 2 là 40(km/h)  (9) Tóm tắt:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Số tấm thảm len | Ngày làm việc | Năng suất(1 ngày dệt) | | Hợp đồng | x | 20 |  | | Thực tế | x + 24 | 18 |  |   Theo bài ra ta có pt:  = 1,2.  (ĐK: x > 0, x  N)  ↔ x = 300 (tm)  Vậy theo hợp đồng xí nghiệp phải dệt 300 tấm thảm len  (10) Tóm tắt:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | BM | AM | MN | | x | 8 - x | x |   Ta có: MN // BC → ∆AMN ∆ABC    Vậy BM =  (cm) |
| **D.E. Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | |
| không bắt buộc nhưng khuyến khích tất cả các HS cùng tham gia |  |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh,nhận xét:**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày tháng năm***

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

Ngày soạn: 10/3/2018

Ngày dạy: .........................

**Tuần 29**

**CHƯƠNG IV: BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN**

**TiÕt 56: §1. LIÊN HỆ GIỮA THỨ TỰ VÀ PHÉP CỘNG**

I. **Môc tiªu.**

**1, KiÕn thøc**

- Nhận biết được vế trái, vế phải và biết dùng dấu của bất đẳng thức.

- Biết tính chất liên hệ giữa thứ tự với phép cộng ở dạng bất đẳng thức; tính chất bắc cầu của thứ tự.

**2, Kü n¨ng :**

- Biết chứng minh bất đẳng thức nhờ việc so sánh giá trị các vế ở bất đẳng thức hoặc vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, tính chất bắc cầu.

**3, Th¸i ®é :**

- Yªu thÝch m«n häc, cÈn thËn chÝnh x¸c***.***

**4.Định hướng hình thành năng lực,phẩm chất**

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **ChuÈn bÞ**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (A, B)

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. æn ®Þnh líp**

**2. KiÓm tra bµi cò**: (kh«ng kiÓm tra)

**3. Tiến trình bài học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** | **Tình huống và cách xử lí** |
| **A : Hoạt động khởi động** | | |
| GV: yêu cầu HS đọc mục tiêu bài học**PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, KT động não  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, năng lực nghên cứu, sang tạo  **HS hoạt động cặp đôi thực hiện yêu cầu SHD/31**  - HS: Thực hiện nhiệm vụ | * HS1: Trên tập hợp số thực, khi so   sánh hai số a và b có thể xảy ra 3 trường hợp: a < b; a > b; a = b   * HS2 : Khi biểu diễn hai số thực a và b, trên trục số vẽ theo phương nằm ngang , điểm biểu diễn số a nằm bên trái điểm biểu diễn số b. | GV chấm một vài cặp đôi, khen động viên để tạo không khí cho lớp tích cực hơn. Chú ý quan tâm học sinh yếu |
| **B: Hoạt động hình thành kiến thức** | | |
| **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, KT động não  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  ***1a,b, hoạt động chung cả lớp***  1a. - GV:Cho HSđọc nội dung  - HS: Nhận nhiệm vụ  GV? -Trong trường hợp số a không nhỏ hơn số b thì ta thấy số a & b có quan hệ như thế nào?  - GV: Giới thiệu ký hiệu:  a  b & a b  + Số a không nhỏ hơn số b: a  b  + Số a không lớn hơn số b: a  b  1b. - GV: cho HS thảo luận nhóm làm 1b  -HS: nhận nhiệm vụ  + c là một số không âm: c 0  GV chốt, nhận xét đúng, sai | 1. **Nhắc lại thứ tự trên tập hợp số thực**   - Nếu số a không lớn hơn số b thì ta thấy số a & b có quan hệ là : a  b  - Nếu số a không nhỏ hơn số b thì ta thấy số a & b có quan hệ là : a > b hoặc a = b. Kí hiệu là: a  b  HS hoạt động nhóm 1b  1b) x2 0 x  - x2 0 x  c 0  y 3 | HS phải ghi đủ 4 trường hợp cùng trong vở để so sánh cách đọc và sự khác nhau của các trường hợp.  Chú ý : x2 0 x  - x2 0 x  Cần được nhấn mạnh - nội dung này đã học lớp 6. Có thể lấy Vd bằng số cụ thể để các em khắc sâu |
| **PP và KT:** Gợi mở và thuyết trình, KT phòng tranh  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  HS hoạt động cá nhân mục 2  - GV giới thiệu khái niệm BĐT.  \* Hệ thức có dạng: a > b hay a < b; a  b; a  b là bất đẳng thức.  a là vế trái; b là vế phải  - GV yêu cầu HS lấy ví dụ  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề; phương pháp luyện tập và thực hành.  -GV: yc HS hoạt động cặp đôi 3a.  - HS **hoạt động cặp đôi** trả lời câu hỏi, các cặp HS khác chia sẻ, nhận xét  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân 3b để nắm được mối liên hệ giữa thú tự và phép cộng  **3c. Giao nhiệm vụ hoạt động nhóm**  -HS làm 3c  - GV: gọi 1 nhóm lên báo cáo, các nhóm khác chia sẻ  - GV chốt | **2. Bất đẳng thức**  \* Hệ thức có dạng: a > b hay a < b; a  b; a  b là bất đẳng thức.  a là vế trái; b là vế phải  \* Ví dụ:  7 + ( -3) > -5  **3) Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng**  - Một cặp đứng tại chỗ báo cáo kết quả.  \* - 4 + 3 < 2 +3  \*- 4 + c < 2 +c  **HS hoạt động cá nhân** đọc 3b tự rút ra tính chất  \* Tính chất: ( sgk)  Với 3 số a , b, c ta có:  + Nếu a < b thì a + c < b + c  + Nếu a >b thì a + c >b + c  + Nếu a  b thì a + c  b + c  + Nếu a b thì a + c b + c  3c) 1 nhóm báo cáo kết quả:   * -13; 2 vế * 2; < | Bđt cũng có 4 trường hợp và cần viết cùng chỗ để so sánh cách viết, cách đọc.  HS yếu cần lấy thêm ví dụ số để các em dễ tư duy |
| **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân 4a để nắm được tính chất bắc cầu của thứ tự  - GV: yêu cầu HS làm 4b | **4. Tính chất bắc cầu của thứ tự**  Tính chất: + Với a, b, c là các số dương: Nếu  a < b, b < c thì a < c  + Tương tự các thứ tự khác cũng có tính chất tương tự |  |
| **C. Hoạt động luyện tập** | |  |
| **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, tích cực học  ***+. HS hoạt động cá nhân bài 1, bài 2 sau đó gọi HS lên bảng trình bầy***  Các HS khác nhận xét  GV chốt | Bài 1/34   1. < b) > c) = d) <   Bài 2/34  a) Ta có: VT = (-2) + 3 = 1; VP = 2  Vậy khẳng định (-2) + 3 ≥ 2 là sai  b) Ta có: VT = -6; VP = 2.(-3) = -6  Vậy khẳng định -6 ≤ 2.(-3) là đúng  c) Ta có: VT = 4 + (-8) = -4            VP = 15 + (-8) = 7  Vậy khẳng định 4 + (-8) < 15 + (-8) là đúng  d) Vì x2  > 0 => x2 + 1 ≥ 0 + 1 => x2 + 1 ≥ 1  Vậy khẳng định x2 + 1 ≥ 1 là đúng | GV cần chấm và cho thêm bài cho các HS khá giỏi. Nhấn mạnh > hoặc bằng chỉ cần 1 trong hai tH đúng bđt vẫn đúng. |
| **D,E Hoạt động : vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | |  |
| GV: cho HS về nhà làm bài 3, 4, 5 sgk /34  GV hướng dẫn HS về nhà làm thêm bài 1, 2, 4,5 SBT / 5,6  Phần D,E Không bắt buộc nhưng khuyến khích các e về nhà làm  Chuẩn bị bài mới phần A, B(mục 1, 2) | * HS nhận nhiệm vụ |  |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhận xét**:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn: 15/3/2018

Ngày dạy: .........................

**TiÕt 57: §2. LIÊN HỆ GIỮA THỨ TỰ VÀ PHÉP NHÂN**

I. **Môc tiªu.**

**1.Kiến thức :**

+ HS phát hiện và biết cách sử dụng liên hệ giữa thứ tự và phép nhhân

+ Hiểu được tính chất liên hệ giữa thứ tự đối với phép nhân

+ Biết chứng minh BĐT nhờ so sánh giá trị các vế ở BĐT hoặc vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân

+ Hiểu được tính chất bắc cầu của tính thứ tự

**2.Kỹ năng:** - Trình bày biến đổi.

**3.Thái độ: -** Tư duy logic.

**4.Định hướng hình thành năng lực,phẩm chất**

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **ChuÈn bÞ**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (A, B)

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. æn ®Þnh líp**

**2. KiÓm tra bµi cò**:

a- Nêu tính chất về liên hệ giữa thứ tự và phép cộng? Viết dạng tổng quát?

b- Điền dấu > hoặc < vào ô thích hợp

+ Từ -2 < 3 ta có: -2. 3 3.2

+ Từ -2 < 3 ta có: -2.509 3. 509

+ Từ -2 < 3 ta có: -2.106 3. 106

- GV: Từ bài tập của bạn ta thấy quan hệ giữa thứ tự và phép nhân như thế nào? bài mới sẽ nghiên cứu

**3. Tiến trình bài học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** | **Tình huống và cách xử lí.** |
| **A : Hoạt động khởi động** | | |
| Trò chơi: “ Tìm người nổi tiếng”  GV trình chiếu chân dung nhà bác học.  - Yêu cầu HS tìm ra tên nhà bác học với các gợi ý sau:  + Ông là nhà toán học người Pháp thế kỉ XVIII.  + Ông có rất nhiều công trình sáng toán học chỉ sau Euler.  + Có một BĐT mang tên ông ứng dụng rất nhiều trong CM BĐT; tìm giá trị Max Min của các biểu thức.  + BĐT này còn gọi là BĐT giữa trung bình cộng và trung bình nhân. | Đáp án:    **Augustin-Louis Cauchy (21/8/1789-23/5/1857)** là một [nhà toán học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_s%C3%A1ch_nh%C3%A0_to%C3%A1n_h%E1%BB%8Dc) [người Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Ph%C3%A1p). | Cần cho Hs đọc để ham đọc hơn, chú ý các hs yếu để thúc đẩy tích cực. |
| **B: Hoạt động hình thành kiến thức** | | |
| **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, KT động não  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  ***1a,b, hoạt động cá nhân***  - GV:Cho HS làm 1a  - HS: Nhận nhiệm vụ  1b. - GV: cho HS đọc kỹ nội dung 1b để nắm được tính chất liên hệ  -HS: nhận nhiệm vụ  HS hoạt động cá nhân 1c)  GV chốt lại | **1) Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân với số dương**    1a) -2.3 < 3.3  Dự đoán: -2.c < 3.c  **\* Tính chất**:  Với 3 số a, b, c,& c > 0 :  + Nếu a < b thì ac < bc  + Nếu a > b thì ac > bc  + Nếu a  b thì ac  bc  + Nếu a  b thì ac  bc  1c) (- 15,2).3,5 < (- 15,08).3,5  4,15. 2,2 > (-5,3).2,2 | Lấy Vd bằng số nhiều hơn để cho HS dễ hình dung. Có thể dùng thẻ học tập để huy động mọi hs đều làm việc. |
| **PP và KT:** Gợi mở và thuyết trình, dạy học hợp tác nhóm  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học  - GV: Cho HS thảo luận nhóm làm ra phiếu học tập  Điền dấu > hoặc < vào ô trống  + Từ -2 < 3 ta có: (-2) (-2) > 3 (-2)  + Từ -2 < 3 ta có: (-2) (-5) > 3(-5)  Dự đoán:  + Từ -2 < 3 ta có: - 2. c > 3.c ( c < 0)  - GV: Cho nhận xét và rút ra tính chất  - HS phát biểu: Khi nhân hai vé của bất đẳng thức với một số âm thì bất đẳng thức đổi chiều  GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi thực hiện 2c) rồi rút ra nhận xét: “ Khi chia cả hai vế của BĐT cho cùng một số âm ta được BĐT ngược chiều với BĐT đã cho | **2) Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân với số âm**    **\* Tính chất**:  Với 3 số a, b, c,& c < 0 :  + Nếu a < b thì ac > bc  + Nếu a > b thì ac < bc  + Nếu a  b thì ac  bc  + Nếu a  b thì ac  bc  2c) a < b | Lấy Vd bằng số nhiều hơn để cho HS dễ hình dung. Có thể dùng thẻ học tập để huy động mọi hs đều làm việc. |
| **C. Hoạt động luyện tập** | | |
| **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, tích cực học  ***+. HS hoạt động cá nhân bài 1, bài 2 sau đó gọi HS lên bảng trình bầy***  Các HS khác nhận xét  GV chốt | Bài 1/38  a) Đúng vì: - 6 < - 5 và 5 > 0 nên  (- 6). 5 < (- 5). 5  d) Đúng vì: x2  0  x nên  - 3 x2  0  Bài 2/38  a) Ta có: a < b nên 3a < 3b vì 3 > 0  b) Ta có: a < b nên a + a < a + b suy ra  2a < a+b  c)Ta có: a < b nên a + b < b + b suy ra  a + b > 2b  d)Ta có: a < b nên a.(-1) > b.(-1) suy ra  -a > -b | GV cần chấm nhận xét cho HS để Hs hứng thú, tích cực làm bài nhiều hơn. HS nào xong có thể cho thêm bài tập.  Chú ý:  0 < 0 sai nhưng 0 0 lại đúng. |
| **D,E Hoạt động : vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | | |
| GV: cho HS về nhà làm bài 3, 4, 5 sgk /38  GV hướng dẫn HS về nhà làm thêm bài 1, 2, 4,5 SBT / 5,6  Phần D,E Không bắt buộc nhưng khuyến khích các e về nhà làm  Chuẩn bị bài mới phần A, B(mục 1, 2) | * HS nhận nhiệm vụ | * Các nhóm trưởng kiểm tra vào tiết học sau. |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhận xét**:

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Duyệt 19/3/2018*** Ngày soạn: 22/3/2018

Ngày dạy: .........................

**Tuần 30**

**TiÕt 58: §3. LUYỆN TẬP**

I. **Môc tiªu.**

**1.Kiến thức :**

- HS phát hiện và biết cách sử dụng liên hệ giữa thứ tự và phép nhhân

+ Hiểu được tính chất liên hệ giữa thứ tự đối với phép nhân, phép cộng

+ Biết chứng minh BĐT nhờ so sánh giá trị các vế ở BĐT hoặc vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân, vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng

+ Hiểu được tính chất bắc cầu của tính thứ tự

**2.Kỹ năng:** - Trình bày biến đổi.

**3.Thái độ: -** Tư duy logic.

**4.Định hướng hình thành năng lực,phẩm chất**

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **ChuÈn bÞ**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (C)

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. æn ®Þnh líp**

**2. KiÓm tra bµi cò**: (kh«ng kiÓm tra)

**3. Tiến trình bài học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** | **Tình huống và cách xử lí** |
| **A : Hoạt động khởi động**  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, KT động não  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề | | |
| GV: yêu cầu HS đọc mục tiêu bài họcTrò chơi: “Ai nhanh hơn”  Luật chơi: trong 1 phút hãy viết các tính chất của bất đẳng thức.  - GV tổng hợp kết quả của các nhóm, tuyên dương HS viết được nhiều tính chất nhất. | HS chơi trò chơi | HS có thể ồn, Gv cần ra mệnh lệnh rõ ràng, kết thúc đúng thời gian. |
| **C: Hoạt động luyện tập**  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp hợp tác, phương pháp luyện tập và thực hành  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học | | |
| GV cho HS hoạt động cá nhân bài 1, bài 2 sau đó gọi HS lên chữa  GV cho HS hoạt động trao đổi nhóm bài 4a, 4c rồi yêu cầu 1 nhóm báo cáo kết quả  GV cho HS tiếp tục hoạt động nhóm làm bài 5c,d rồi 1 nhóm báo cáo kết quả | HS làm bài tập vào vở sau đó lên bảng chữa  ***Bài 1(SHD/ 39)***   1. (-5).4 > (-5).6 2. (-5).(-7) > (-7).3 3. 8 + 2016.13 < 8 + 2017.13   ***Bài 2(SHD/ 39)***  a) (-2).3 < - 4,5  b) Từ (-2).3 < - 4,5 ta có:  (-2).3. 10 < - 4,5. 10  Do 10 > 0 (-2).30 < - 45  ***Bài 4(SHD/ 39)***   1. Từ a < b ta có: - 5a > - 5b   do đó 3 – 5a > 3 – 5b (\*)  Từ 3 > 1 (\*\*)  từ (\*) và (\*\*)  ta có 3 – 5a > 1 – 5b   1. Từ a < b ta có -2a > -2b vì -2 < 0   Do đó 1 – 2a > 1 – 2b. Suy ra  vì  ***Bài 5(SHD/ 39)***  a) Từ a + 23 < b + 23 ta có  a + 23 - 23 < b + 23 - 23  a < b  d) Từ  ta có  vì 5 > 0. Do đó  -2a + 3 -2b + 3  -2a + 3 -3  -2b +3 - 3 -2a  -2b  -2a -2b  a  b | GV chấm nhận xét cho một số cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm  Chú ý tới học sinh yếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.  Thấy HS số đông gặp khó khăn có thể gọi hs làm tốt chia sẻ trên bảng nhưng cần chỉ rõ lí do cho từng nội dung biến đổi. |
| **D,E Hoạt động : vận dụng và tìm tòi, mở rộng** | | |
| GV: cho HS về nhà làm bài 1, 2, 3 shd /40  Chuẩn bị bài mới phần A, B(mục 1, 2) | * HS nhận nhiệm vụ | * Khuyến khích hs tự làm và báo cáo khi hoàn thành |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhận xét**:

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn: 22/3/2018

Ngày dạy: ...................

**Tuần**

**TiÕt 59: §4. BẤT PHƯƠNG TRÌNH MỘT ẨN**

I. **Môc tiªu.**

**1.Kiến thức :**

- HS hiểu khái niệm bất phương trình 1 ẩn số

+ Hiểu được và sử dụng qui tắc chuyển vế và qui tắc nhân

+ Biết biểu diễn nghiệm của bất phương trình trên trục số

+ Bước đầu hiểu bất phương trình tương đương.

**2.Kỹ năng:** - Trình bày biến đổi.

**3.Thái độ: -**Tư duy logic.

**4.Định hướng hình thành năng lực,phẩm chất**

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **ChuÈn bÞ**:

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (A, B)

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. æn ®Þnh líp: 8A:**

**8B:**

**2. Các hoạt động dạy học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** | **Tình huống và cách xử lí** |
| **A : Hoạt động khởi động(5’)**  **\* MĐ:** Tạo tâm thế cho bài học  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, KT động não  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, năng lực nghên cứu, sáng tạo | | |
| GV: yêu cầu HS đọc mục tiêu bài học  **1. HĐ1: Khởi động**  Trò chơi: “ Tìm người nổi tiếng”  GV trình chiếu chân dung nhà bác học.  - Yêu cầu HS tìm ra tên nhà bác học với các gợi ý sau:  + Ông là người đầu tiên dùng chữ để kí hiệu các ẩn, các hệ số.  + Ông là người phát hiện ra mối liên hệ giữa các nghiệm và các hệ số của phương trình.  + Ông là người nổi tiếng trong việc giải mật mã.  + Ông còn là luật sư, nhà chính trị gia nổi tiếng. | Đáp án:  Description: 12742430_624860641001688_3808136739287499057_n  **François Viète** (Vi-ét, [1540](https://vi.wikipedia.org/wiki/1540) – [13/ 2](https://vi.wikipedia.org/wiki/13_th%C3%A1ng_2)/[1603](https://vi.wikipedia.org/wiki/1603), phiên âm: Phrăng-xoa Vi-ét), là một nhà toán học, luật sư, chính trị gia người Pháp, về toán học ông hoạt động trong lĩnh lực đại số. Ông nổi tiếng với đề ra cách giải thống nhất các phương trình bậc 2, 3 và 4. Là người sáng tạo nên cách dùng cái chữ cái để thể hiện cho các ẩn số của một phương trình. Ông khám phá ra mối quan hệ giữa các [nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nghi%E1%BB%87m_s%E1%BB%91) của một [đa thức](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90a_th%E1%BB%A9c) với các hệ số của đa thức đó, ngày nay được gọi là [định lý Vi-ét.](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%8Bnh_l%C3%BD_Vi%C3%A8te) | Nếu lớp học không quá ham hiểu biết có thể giáo viên vẫn sử dụng phần khởi động như sách hướng dẫn. |
| **B: Hoạt động hình thành kiến thức(20’)**  **\* MĐ:** Tạo mẫu thuẫn vấn đề chưa giải quyết được để học sinh có nhu cầu học tiếp kiến thức  **PP và KT:** Phương pháp vấn đáp, gợi mở, thuyết trình. Dạy học hợp tác nhóm**Năng lực và phẩm chất**: - Năng lực nghiên cứu, Năng lực hợp tác, Năng lực sáng tạo, Năng lực khái quát hóa | | |
| ***GV cho HS hoạt động chung cả lớp bài toán trong SHD/42***  - HS: Nhận nhiệm vụ  - GV: Hãy chỉ ra vế trái , vế phải của bất phương trình?  - GV: Trong bài toán trên ta thấy khi thay x = 1, 2,3  vào BPT thì BPT vẫn đúng ta nói x = 1, 2, 3 là nghiệm của BPT. | **1) Mở đầu(5’)**  6000x + 4000  25000  HS : Vế phải: 2500  Vế trái: 6000x + 4000  Số quyển vở mà bạn Lan có thể mua được là: 1 hoặc 2 …hoặc 3 quyển vở vì:  6000.1 + 4000 < 25000 ; 6000.2 + 4000 < 25000; 6000.3 + 4000< 25000; | Nếu học sinh gặp khó khăn, giáo viên tiếp cận các nhóm và gợi ý bằng các câu hỏi:  ? Nếu gọi x là số quyển vở mà bạn Lan có thể mua được ta có hệ thức gì?  ? giới thiệu hệ thức trên là bất phương trình với ẩn là x  - GV cho HS hoạt động cá nhân đọc kỹ nội dung phần 1 trong SHD/42 |
| **HĐ thành phần 1(10’)**  **\* MĐ:** Hiểu, đọc và biểu diễn được tập nghiệm của một bất phương trình  **PP và KT:** Gợi mở và thuyết trình, Phương pháp luyện tập và thực hành.  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học | | |
| HS hoạt động cá nhân mục 2a  - GV : Thế nào là tập nghiệm của BPT ?.  Hãy viết tập nghiệm của BPT:  x < -2 ; x  -1 và biểu diễn tập nghiệm của mỗi bất phương trình trên trục số | **2) Tập nghiệm của bất phương trình**  HS trả lời  HS:  + Tập nghiệm của BPT x < -2 là: {x/x < -2}  + Tập nghiệm của BPT x  -1 là: {x/x  -1}  Biểu diễn trên trục số: | Cần viết 4 cách, 4 hình tương ứng và phần này dạy chậm để học sinh khá còn hướng dẫn học sinh yếu cẩn thận. |
| **HĐ thành phần 2(5’)**  **\* MĐ:** Hiểu về bất phương trình tương đương  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, Phương pháp luyện tập và thực hành  **Năng lực và phẩm chất:** tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học | | |
| - GV cho HS hoạt động cá nhân nghiên cứu phần 3 để tìm hiểu về hai bất phương trình tương đương  - Ví dụ: x > 3 3 < x | **3) Bất phương trình tương đương**    \* Hai BPT có cùng tập hợp nghiệm gọi là 2 BPT tương đương.  Ký hiệu: " " |  |
| **C. Hoạt động luyện tập(15’)**  **\* MĐ:** Củng cố kiến thức đã được học trong bài  **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, tích cực học | | |
| ***+. HS hoạt động cá nhân bài 1, bài 2 sau đó gọi HS lên bảng trình bầy***  Các HS khác nhận xét  GV chốt | Bài 1/44  HS đứng tại chỗ trả lời: c  Bài 2/44  2 HS lên bảng trình bày :  HS1 :   1. Tập nghiệm của BPT x < 4 là: {x/x <   4}     1. Tập nghiệm của BPT x  -3 là: {x/x - 3}   HS2:   1. Tập nghiệm của BPT x > -2 là: {x/x > -2}      1. Tập nghiệm của BPT x  1 là: {x/x  1} |  |
| **D Hoạt động : vận dụng (5’)**  **\* MĐ:** vận dụng kiến thức bất pt vào thực tế  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, Phương pháp luyện tập và thực hành  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học | | |
| - GV: Cho HS làm bài tập phần vận dụng  - GV: chốt lại  + BPT: vế trái, vế phải  + Tập hợp nghiệm của BPT, BPT tương đương  GV: cho HS về nhà làm bài 3, 4, 5 sgk /34  GV hướng dẫn HS về nhà làm thêm bài 1, 2, 4,5 SBT / 5,6  Phần D,E Không bắt buộc nhưng khuyến khích các e về nhà làm  Chuẩn bị bài mới phần A, B(mục 1, 2) | Thời gian đi của ô tô là : ( h )  Ô tô khởi hành lúc 7h phải đến B trước 9h nên ta có bất PT :  < 2 | HS nào đã làm được cần được chấm nhận xét hoặc có học sinh muốn hỏi gv cũng cần hướng dẫn để khuyến khích các em học tập tích cực hơn. |
| **E Hoạt động : Tìm tòi mở rộng** | | |
| Bài 31; 32; 33 (sbt)  Bài 4; 5 ( Phần luyện tập)  Phần E Không bắt buộc nhưng khuyến khích các e về nhà làm  Chuẩn bị bài mới phần A, B(mục 1, 2) |  | GV nên quan tâm động viên các học sinh tích cực học tập |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhận xét**:

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Duyệt 26/3/2018*

*PHT:* ***Nguyễn Thị Tám***

Ngày soạn: 25/3/2018 Ngày dạy: .........................

**Tuần 31,32**

**Tiết 60, 61, 62 : §5. BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN.**

**LUYỆN TẬP**

I. **Mục tiêu**

**1, Kiến thức**

- Nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn.

- Hiểu và áp dụng từng quy tắc biến đổi bất phương trình để giải bất phương trình; trình bày được lời giải bất phương trình bậc nhất một ẩn.

**2, Hĩ năng**

- Biết sử dụng quy tắc biến đổi bất phương trình để giải thích sự tương đương của bất phương trình.

- Biết cách giải một số bất phương trình và một số bài toán ứng dụng thực tế quy về bất phương trình bậc nhất một ẩn.

**3, Thái độ**

- Yêu thích môn học, sẵn sàng tiếp nhận nhiệm vụ học toán.

**4, Định hướng hình thành năng lực,phẩm chất**

- Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

- Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **Chuẩn bị**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc trước SHD

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Tổ chức:** 8A...............8B.................

**2. Các hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** | **Tình huống và cách xử lí** |
| **A : Hoạt động khởi động(10’)**  \* MĐ: Tạo hứng thú và mâu thuẫn nhằm lôi cuốn các em học sinh vào bài mới.  PP và KT: Nêu và giải quyết vấn đề, KT động não  Năng lực và phẩm chất: tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học | | |
| GV: yêu cầu HS đọc mục tiêu bài học  GV : Y/c HS hoạt động nhóm, nghiên cứu bài toán và chọn đáp án đúng.  - HS: Thực hiện nhiệm vụ  - GV quan sát và tư vấn các nhóm để hs nhớ nhiệt độ của băng so với số 0 như thế nào?  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Trong bài toán trên, bạn Nam đo nhiệt độ băng được kết quả âm, hay  (1)  BPT (1) là 1 ví dụ về BPT bậc nhất một ẩn. | Dự đoán độ F lớn hơn hay nhỏ hơn 32 | Có HS chọn đáp án B, có học sinh chọn đáp án C. GV có thể đặt ra tình huống hoặc gợi mở cho hs rõ vì khi bạn Nam đo độ C thấy kết quả âm nên C < 0, thì F < 32. Các em Hs có thể giải thích bằng cách sử dụng liên hệ giữa thứ tự và phép nhân. Nhưng cũng có thể để phần này đến 1b để các em kiểm tra lại lựa chọn của mình chính xác chưa? |
| **B: Hoạt động hình thành kiến thức(35’)**  **\* MĐ:** HS nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn, hiểu các quy tắc biến đổi để giải bpt; giải thích và biến đổi bpt tương đương; ứng dụng giải bpt vào bài toán quy về bpt bậc nhất một ẩn  **PP và KT:** Động não, động não không công khai, HĐ nhóm, khăn trải bàn....  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực tự học, tính toán, chăm chỉ, thẩm mỹ.... | | |
| **Hoạt động thành phần 1(8’)**  **\* MĐ:** HS nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn, chỉ được hệ số a, b của bất phương trình ở dạng chính tắc.  **PP và KT:** Động não, động não không công khai,  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, giao tiếp, tích cực tự học, tính toán, chăm chỉ, thẩm mỹ.... | | |
| - GV: y/c HS đọc nội dung a bằng HĐ cá nhân, làm b/47  - HS: Làm theo SHD  GV: Quan sát HĐ cá nhân của HS, nhận xét và kiểm tra HS giỏi tại sao a 0, hỏi HS yếu hệ số a, b của bpt. | 1. a) Khái niệm BPT bậc nhất một ẩn.   (SHD/ 47)  Dạng: ax + b > 0 ; ax + b < 0 ; ax + b 0 ;  ax + b 0 trong đó a, b R; a 0  b) - KT phần A  - (1) là bpt bậc nhất một ẩn  - HS lấy 3 VD | GV cần chú ý so sách xem phần A HS chọn đáp án đã đúng chưa, nếu chưa yc phải sửa lại.  GV cần y/c một số HS chỉ rõ hệ số a, b của bpt |
| **Hoạt động thành phần 2(5’)**  **\* MĐ:** HS biết chuyển một hạng tử từ vế này sang vế kia của bpt  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động cặp đôi.  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học | | |
| GV: Khi giải 1 phương trình bậc nhất ta đã dùng qui tắc chuyển vế và qui tắc nhân để biến đổi thành phương trình tương đương. Vậy khi giải BPT các qui tắc biến đổi BPT tương đương là gì?  GV: y/c hs thực hiện nhiệm vụ hoạt động cặp đôi mục 2a/47  HS: HĐ cặp đôi theo mục 2a/47  GV: Quan sát nhận xét HĐ của một số cặp đôi, kiểm tra học sinh yếu.  GV: y/c hs thực hiện nhiệm vụ hoạt động cặp đôi mục 2b/48  HS: HĐ cặp đôi theo mục 2b/48  GV: Quan sát nhận xét HĐ của một số cặp đôi, kiểm tra học sinh yếu hoặc kiểm tra trưởng nhóm để lan kiến thức chính xác. | 2. **Quy tắc chuyển vế**  a) Đọc  **Ví dụ 1:**  x - 5 < 18  x < 18 + 5  x < 23  Vậy tập nghiệm của BPT là: {x | x < 23 }  b) **Ví dụ 2:**  3x  2x + 5  3x - 2x 5  x  5  Vậy tập nghiệm của BPT là: {x | x 5 } | GV có thể hỏi để biết HS có nắm được quy tắc không:  ?8 có bị đổi dấu không?  ?hạng tử âm 5 ban đầu mang dấu gì? Sau chuyển vế đổi dấu ntn? |
| **Hoạt động thành phần 3(10’)**  **\* MĐ:** HS biết nhan hoặc chia hai vế của bpt với một số dương.  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học | | |
| GV: y/c hs thực hiện nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 3a/48  HS: HĐ nhóm theo mục 3a/48  GV: Quan sát nhận xét HĐ của một số nhóm, kiểm tra học sinh yếu hoặc ghi nhận xét một số học sinh.  GV: y/c hs thực hiện nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 3b/48  HS: HĐ nhóm từ cá nhân đến cặp đôi đến nhóm theo mục 3b/48  GV: Quan sát nhận xét HĐ của một số nhóm, kiểm tra học sinh yếu hoặc ghi nhận xét một số học sinh. | **3. Quy tắc nhân với một số**  **Ví dụ 3:**  Giải BPT sau: 0,5 x < 3  Ta có : 0,5 x < 3  0, 5 x.2 < 3.2 (Nhân cả 2 vế với 2)  x < 6  Vậy tập nghiệm của BPT là: {x|x<6}  **Ví dụ 4:**  3  . (- 4)  ( - 4). 3  x  - 12  Vậy tập nghiệm của BPT là: {x|x - 12} | HS có thể giải ví dụ 3,4 như sau:  + 0,5 x < 3  x < 3 : 0,5(chia hai vế cho 0,5 > 0)  x < 6  3    thì GV vẫn công nhận đúng nhưng có thể HS không giải thích 0,5 > 0 thì phải xoáy hỏi cho hs dành mạch kiến thức này. |
| **Hoạt động thành phần 4(12’)**  **\* MĐ:** HS biết nhân hoặc chia hai vế của bpt với một số âm.  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học. | | |
| GV: y/c hs thực hiện nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 4a/49  HS: HĐ nhóm theo mục 4b/49  GV: Quan sát nhận xét HĐ của một số nhóm, kiểm tra học sinh yếu hoặc ghi nhận xét một số học sinh.  GV: y/c hs thực hiện nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 4b/49  HS: HĐ nhóm từ cá nhân đến cặp đôi đến nhóm theo mục 4b/49  GV: Quan sát nhận xét HĐ của một số nhóm, kiểm tra học sinh yếu hoặc ghi nhận xét một số học sinh. | **Ví dụ 5:**  **2x -3 < 0**  2x < 3  2x : 2 < 3:2  x < 1,5  Vậy tập nghiệm của BPT là: {x| x < 1,5}  Biểu diện tập nghiệm trên trục số :    **Ví dụ 6: (SHD/49)**  SHD | HS có thể giải :  2x -3 < 0  2x < 3    HD HS nên chuyển vế để hệ số của x dương thì tránh được nhầm lẫn. |
| **Hoạt động thành phần 5(15’)**  **\* MĐ:** HS biết giải bpt có thể đưa về dạng bậc nhất một ẩn.  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học. | | |
| GV: y/c hs thực hiện nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 5a/49  HS: HĐ nhóm theo mục 5a/49  GV: Quan sát nhận xét HĐ của một số nhóm, kiểm tra học sinh yếu hoặc ghi nhận xét một số học sinh.  GV: y/c hs thực hiện nhiệm vụ hoạt động nhóm mục 5b/50  HS: HĐ nhóm từ cá nhân đến cặp đôi đến nhóm theo mục 5b/50  GV: Quan sát nhận xét HĐ của một số nhóm, kiểm tra học sinh yếu hoặc ghi nhận xét một số học sinh. | **5. Giải BPT đưa được về dạng ax + b > 0 ; ax + b < 0 ; ax + b  0 ; ax + b  0**  **Ví dụ 7:** Giải BPT  3x + 5 < 5x - 7  3x - 5 x < -7 - 5  - 2x < - 12  - 2x : (- 2) > - 12 : (-2)  x > 6  Vậy nghiệm của BPT là: x > 6  **Ví dụ 8 :** Giải BPT  0,2x - 0,2  0,4x - 2  2 - 0,2  0,4x - 0,2x  1,8 0,2x  c1,8:0,2 0,2x :0,2  c9 x  Vậy BPT có nghiệm là x 9 | GV cần chấm nhận xét được càng nhiều hs càng tốt. HS nào làm xong trước cho chuyển mục C. Chấm nhận xét cho các học sinh đó sau mỗi bài Hs muốn báo cáo. |
| **C. Hoạt động luyện tập(60’)**  **\* MĐ:** Áp dụng các nội dung kiến thức vừa lĩnh hội được để giải một số dạng bpt.  **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề, hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm.  **Năng lực và phẩm chất**: tính toán, tư duy, tự học, trách nhiệm, tích cực học. | | |
| GV: y/c Hs hoạt động cá nhân, nếu khó khăn có thể hỏi bạn bên cạnh hoặc nhờ giáo viên tư vấn.  +HS hoạt động cá nhân bài 1 câu a, bài 2, 3 sau đó gọi HS lên bảng trình bày.  ***+ HS hoạt động cặp đôi bài 6***  GV y/c HS chuyển ngôn ngữ bằng lời về dạng của bất phương trình cần giải.  ***+ HS hoạt động nhóm bài 7b,c***  GV cho các nhóm kiểm tra chéo, sau đó GV nhận xét KQ các nhóm.  **+ HS hoạt động cá nhân bài 9**  - GV: Yêu cầu HS chuyển thành bài toán giải BPT  ( Chọn x là số giấy bạc 5000đ)  - HS lên bảng giải  - Dưới lớp HS nhận xét | **Bài 1/50**  a, Sai vì bài dùng quy tắc chuyển vế. Trong bài phải dùng quy tắc nhân.  **Bài 2/50**  a, Tập nghiệm của BPT là: {x| x  12}  b, Tập nghiệm của BPT là: {x| x 8}  **Bài 3/51**  a, Cả 2 BPT có cùng tập nghiệm là:  {x| x **>** 4}  b, Cả 2 BPT có cùng tập nghiệm là:  {x| x **>** -2}  **Bài 4b/51**  3x+4 > 2x+3  3x – 2x > 3 – 4  x > -1  Vậy tập nghiệm của BPT là: {x| x > - 1}  Biểu diễn tập nghiệm trên trục số :    **Bài 5d /51**    Vậy tập nghiệm của BPT là: {x| x4 }  **Bài 6 /51**  a, 2x - 5  0  b, -3x -7x +5  **Bài 7 b,c /51**  b)  8-11x <13 . 4  -11x < 52 - 8  x > - 4  Vậy nghiệm của BPT là : x > - 4  c) ( x - 1) <  12. ( x - 1) < 12.  3( x - 1) < 2 ( x - 4)  3x - 3 < 2x - 8  3x - 2x < - 8 + 3  x < - 5  Vậy nghiệm của BPT là : x < - 5  **Bài 9/51**  Gọi x ( x  N\*) là số tờ giấy bạc loại 5000 đ  Số tờ giấy bạc loại 2000 đ là: 15 - x ( tờ)  Ta có BPT: 5000x + 2000(15 - x) c 70000  x c  Do ( x  N\*) nên x = 1, 2, 3, …,13  Vậy số tờ giấy bạc loại 5000 đ là 1, 2, 3, …,hoặc 13. Nhiều nhất là 13 tờ. | HS có thể làm hết một bài lại báo cáo, gv cần chấm, nhận xét và quan tâm cách trình bày của hs, nên để các dấu của bpt thẳng nhau cho đạt tính thẩm mỹ.  Phần giải pt về nhà làm. Nếu thấy nhiều Hs làm khó khăn bài này thì gọi đại diện 1 cặp đôi đứng tại chỗ báo cáo hoặc chia sẻ trên bảng, các cặp đôi khác có thể tham khảo.  HS nào chưa hoàn thành cần y/c về nhà làm tiếp nhưng đối tượng hs yếu chỉ nên y/c các bài nhẹ nhàng, quan trọng kiểm tra năng lực hợp tác tự giác của các em hs. |
| Nếu HS nào xong bài C nhanh, có thể cho bài tập thêm: | | |
| Giải các bất phương trình và biểu diễn nghiệm trên trục số:  a)  b) 2x - 3 <5  c)  d)  e) 3x – 2(x + 1) > 5x + 4(x – 6); l)  f) h)  g) (x +2)2 < 2x(x+2) + 4  m) (x+2)(x+4)> ( x -2)(x+8) + 26  i) ( x – 3)2 < x2 – 3 k) ( x – 3)( x + 3) < ( x + 2)2 + 3 | | |
| **D,E Hoạt động : Vận dụng và tìm tòi, mở rộng(5’)** | | |
| GV: y/c HS giải các bài tập, đọc SHD  GV nhận xét tính tích cực tự giác của học sinh. | HS có thể về nhà làm và báo cáo vào đầu giờ sau. | HS nên đọc, thảo luận, trao đổi. |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhận xét**:

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn: 2/4/2018*

Ngày dạy: ....................  **Tiết 63 §6. PHƯƠNG TRÌNH CHỨA DẤU GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI**

I. **Mục tiêu.**

1. **Kiến thức:**

HS hiểu kỹ định nghĩa giá trị tuyệt đối từ đó biết cách mở dấu giá trị tuyệt của biểu thức có chứa dấu giá trị tuyệt đối dạng  và 

1. **Kỹ năng**:

Biết rút gọn biểu thức chứa dấu giá trị tuyệt đối và giải một số phương trình có chứa dấu giá trị tuyệt đối dạng  = cx +d và = cx +d

1. **Thái độ**: Tư duy lô gíc - Phương pháp trình bày

**4. Định hướng hình thành năng lực, phẩm chất**

- Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

- Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **Chuẩn bị**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Hoàn thành bài tập tìm tòi mở rộng ơt tiets trước.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

1. **Ổn định tổ chức** 8ª...................8B..............
2. **2. Các hoạt động.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ GV và HS** | **Nội dung** | **Tình huống và cách xử lí** |
| **A. Hoạt đông khởi động**  **\* MĐ:** Tạo tâm thế cho bài học, xuất hiện tình huống đặt vấn đề hoặc sử dụng nội dung vào bài mới.  **PP và KT:** Hoạt động nhóm, pp trò chơi.  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tính toán, tư duy, hợp tác, tích cực học. | | |
| HS hoạt động nhóm bằng thẻ học tập**,** gắn thẻ học tập trên bảng nhóm. 3 phts sau báo cáo kết quả.  Trong trò chơi vừa làm các em thấy    Vậy nếu trong dấu GTTĐ là biểu thức chứa biến ta có cách bỏ dấu của nó như thế nào? Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em sẽ giải đáp được câu hỏi đó. | Kết quả:  1c; 2a; 3d; 4b | Sau khi chơi xong trò chơi HS phải xuất hiện kiến thức:  - Bỏ dấu GTTĐ của một số có hai trường hợp tùy theo GTTĐ đó là dương hay âm. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động thành phần 1(10’)**  **\* MĐ:** Ôn tập lại kiến thức về GTTĐ  **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, ghi nhớ tích cực, động não, tư duy, tích cực học | | |
| Gv y/c HS HĐ cá nhân 1a,b/53,54  - **HS:** nhắc lại định nghĩa  | a| = a nếu a  0  | a| = - a nếu a < 0  - GV y/cHS lấy ví dụ    GTTĐ của một biểu thức tùy theo giá trị của biểu thức đó là dương hay âm.  - GV: yc HS hoàn thành nội dung VD 2 rồi báo cáo.  Gv: quan sát và trợ giúp nhóm khó khăn. | **1) Nhắc lại về giá trị tuyệt đối**  | a| = a nếu a  0  | a| = - a nếu a < 0  **\* Ví dụ 1:** Bỏ dấu GTTĐ và rút gọn biểu thức  b) A = | x - 3 | + x - 2 khi x  3 .  Khi x  3, ta có x- 3  0 nên | x - 3 | = x - 3  Vậy A = x - 3 + x - 2  A = 2x – 5  **\* Ví dụ 2:** Bỏ dấu GTTĐ và rút gọn biểu thức  B = 4x + 5 + | -2x | khi x  0.  Ta có x  0  => - 2x  0 => |-2x | = -( - 2x) = 2x  Nên B = 4x + 5 + 2x = 6x + 5 | Có thể y/c 1 HS nhắc lại định nghĩa về giá trị tuyệt đối.  HS viết theo SHD ví dụ 1, ví dụ 2.  GV cần chấm nhận xét ví dụ 2 của các em được càng nhiều càng tốt. |
| **Hoạt động thành phần 2(20’)**  **\* MĐ:** HS biết giải phương trình chứa dấu GTTĐ.  **PP và KT:** Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, động não, động não không công khai.  **Năng lực và phẩm chất**: quan sát, tính toán, tư duy, hợp tác, giao tiếp, tích cực học. | | |
| VD3: HS hoạt động cá nhân đọc và làm ví dụ.  GV chấm, nhận xét cho hs đã hoàn thành, giao thêm nhiệm vụ cho HS khá, giỏi.  VD4. HS hoạt động nhóm hoàn thiện lời giải  GV quan sát hỗ trợ nhóm khó khăn  HS trình bày lời giải của mình vào vở, giáo viên chấm nhận xét và sửa sai cho học sinh.  Nếu học sinh hoàn thành chuyển C) | **2)\* Ví dụ 3:**  Giải phương trình: | 3x | = x + 4  + Nếu x  0 ta có:  | 3x | = x + 4  3x = x + 4  2x = 4x =2 (thỏa mãn điều kiện)  + Nếu x < 0  | 3x | = x + 4 - 3x = x + 4  (thỏa mãn)  Kết luận : S = {-1; 2}  **\* Ví dụ 4:**  Giải phương trình: | x - 3 | = 9- 2x  + Nếu x  3 ta có: | x - 3 | = 9-2x  x – 3 = 9- 2x  x+ 2x = 9+3  3x = 12  x = 4 (thỏa mãn điều kiện)  + Nếu x < 3 ta có : | x - 3 | = 9-2x  3 - x = 9- 2x  2x- x = 9 – 3  x = 6 ( không thỏa mãn điều kiện)  Vậy tập nghiệm của phương trình là S = {4} | **\* N**ếux  0  thì 3x  0  Nên 3x mang dấu dương khi bỏ dấu GTTĐ.  \* Nếu x < 0  Thì 3x < 0  Nên 3x mang dấu âm khi bỏ dấu GTTĐ.  Tương tự ví dụ 3, Hs tự điền vào chỗ trống, nhưng cần chú ý học sinh bỏ dấu ngoặc đã đúng chưa. Để tránh nhầm lấn GV y/c Hs bỏ dấu GTTĐ thành dấu ngoặc tròn rồi bỏ dấu ngoặc tròn như đã học ở lớp 6.  Nếu x < 3 ta có : | x - 3 | = 9-2x  - (x-3) = 9- 2x  - x + 3 = 9- 2x  2x- x = 9 – 3 |
| **C. Hoạt động luyện tập**  **\* MĐ:** Áp dụng các kiến thức đã được học để giải phương trình chứa dấu GTTĐ.  \* **PP và KT:** phát hiện và giải quyết vấn đề , hđ cá nhân.  **Năng lực và phẩm chất**: tư duy, tính toán, thẩm mĩ, cẩn thận, logic, tích cực học. | | |
| HS hoạt động cá nhân 1,2/55  GV: Chấm nhận xét cho các HS đã hoàn thành, giao nhiệm vụ HS hoàn thành kiểm tra các thành viên khác trong nhóm.  Bài 3/56  GV có thể tổ chức cho HS học theo nhóm ở bài này nhằm làm không khí lớp sôi nổi. nhóm nào biết sử dụng thẻ học tập sẽ nhanh hơn.  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm  ( mỗi nhóm 1,2,3,4 làm 1 ý, nhóm 5 GV giao thêm câu  a) |x + 2018| = 3x - 2).  b) |x + 4| = 2x - 5;  c) | x + 3 |= 3x - 1; | **Bài 1 /55**  a, A = 3x + 2 + |5x|  + Khi x 0, ta có 5x0 nên |5x|= 5x  Vậy A = 3x + 2 + 5x = 8x + 2  + Khi x < 0, ta có 5x < 0 nên |5x|= - 5x  Vậy A = 3x + 2 - 5x = -2x + 2  c, C = |x-4| - 2x +12 khi x > 5  Khi x> 5 , ta có x- 4> 0 nên |x-4| = x – 4  Vậy C = x - 4 – 2x +12 = -x +8  **Bài 3/56**  a) |x - 7| = 2x + 3 (1)   * x ≥ 7 ta có (1)  x - 7 = 2x + 3   x = -10  (không thoả mãn điều kiện x ≥ 7)   * x < 7 ta có (1)  - x + 7 = 2x + 3   3x = 4  x =  (thoả mãn điều kiện x < 7)  Vậy phương trình có nghiệm x = | Khi tìm ra x, Hs hay quên đối chiếu với khoảng đang xét, GV cần sửa và nhấn mạnh.  GV cần để ý, HS có thể bỏ dấu ngoặc nhầm hoặc chưa đối chiếu x với khoảng đang xét.  HS nào xong sớm có thể cho thêm bài:  Giải các phương trình sau:  a) = x + 8  b) = 4x + 18  c) = 3x  d) = 2x - 10 |
| **D,E. Hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng** | | |
| D.E không bắt buộc nhưng khuyến khích tất cả các HS cùng làm  GV yêu cầu HS về làm bài tập còn lại trong SHD  GV yc HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương. | | |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh và nhân xét:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Duyệt

Ngày soạn: 7/4/2018

Ngày dạy :.......................

**Tiết 64; 65 §7. ÔN TẬP CHƯƠNG IV**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống được các kiến thức cơ bản trong chương: Bất đẳng thức, bất phương trình một ẩn, bpt bậc nhất một ẩn, phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối.

**2. Kỹ năng:**

- Giải được một số bất phương trình bậc nhất và phương trình dạng  = cx +d và = cx +d

- Giải được một số bài toán thực tiễn .

**3. Thái độ:**

- Chú ý nghe giảng và làm theo các yêu cầu của giáo viên.

- Tích cực trong học tập, có ý thức trong nhóm.

**4.-Định hướng hình thành năng lực**

-Phẩm chất, sống yêu thương, sống tự chủ, sống có trách nhiệm

-Năng lực, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác,tính toán

II. **Chuẩn bị**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- KHDH, SHD, ....

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Chuẩn bị bài mới (C1.2) ...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Các hoạt động**

**A. Hoạt động khởi động:**

**PP và KT:** hoạt động cá nhân, sơ đồ tư duy, KT động não.

**Năng lực và phẩm chất:** tư duy, hợp tác, sáng tạo.

GV: yêu cầu hs nghiên cứu kĩ nội dung kiến thức của chương thông qua sơ đồ tư duy.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **NỘI DUNG CHÍNH** | | |
| **A. Hoạt động khởi động(5’):**  **\* MĐ:** Tạo tâm thế cho bài học, huy động các kiến thức đã học để học bài mới  **PP và KT:** hoạt động cá nhân, sơ đồ tư duy, KT động não.  **Năng lực và phẩm chất:** tư duy, hợp tác, sáng tạo. | | | |
| +) GV y/c hs viết các dạng bất phương trình bậc nhất một ẩn đã học và lấy ví dụ tương ứng  +) HS hoạt động nhóm tạo ra sp  +) GV đánh giá tinh thần hợp tác tích cực và khen các nhóm có HĐ nhóm tốt. | - Thẻ học tập cho kết quả ở các nhóm  - Nhóm nào tốt nên gắn lên bảng để làm mẫu. | | Nhóm chưa biết phân công nhiệm vụ sẽ làm chậm, kết quả không phải của mọi cá nhân trong nhóm cần phê bình rút kinh nghiệm. | |
| **C. Hoạt động luyện tập(80’)**  **\*MĐ:** Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập liên quan hoặc giải quyết một số vấn đề thực tế.  **PP và KT:** nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, KT động não  **Năng lực và phẩm chất:** tư duy, hợp tác, sáng tạo | | | |
| **1,** **Hoạt động chung cả lớp, chơi trò chơi “ai nhanh hơn”**  - GV yc HS trả lời 2 câu hỏi trắc nghiệm(dùng mặt mếu, mặt cười làm tín hiệu)  - HS trả lời nhanh và chính xác nhất sẽ chiến thắng và được tuyên dương.  **2.a,c. Hoạt động cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo**  +) HS làm bài vào vở  +) GV chấm nhận xét cho một số cặp đôi đã hoàn thành  +) GV y/c các cặp đôi đã được GV chấm kiểm tra các cặp đôi còn lại trong nhóm.  **3. Hoạt động nhóm**  - GV phân nhóm hoạt động: Mỗi nhóm làm 1 ý.  Nhóm 1 : c, nhóm 2 e  Nhóm 3: d, nhóm 4 f  Nhóm 5 làm a cùng cô giáo là một nhóm kiểm tra đáp án của các câu còn lại.  +) HS làm bài theo SHD nhưng câu nào được phân công thì làm trước, câu nào không phân công làm sau hoặc về nhà làm bù nếu không kịp.  +) GV quan sát hoạt động của các nhóm, tư vấn nhận xét khi cần thiết, chấm động viên các cá nhân đã xong, cho học sinh chuyển bài hay hỗ chợ các cá nhân yếu khi cần thiết. | **1.Chọn đáp án đúng:**  a.C  b. A  **2. Giải các bất phương trình và biểu diễn tập nghiệm trên trục số.**  a, x-1 < 3  x < 3+1  x < 4  Vậy S = {x|x<4}  Biểu diễn tập nghiệm trên trục số :    c, 0,2x > 0,6  0,2x :0,2 >0,6:0,2  x > 3  Vậy S = {x|x >3}  Biểu diễn tập nghiệm trên trục số :    **3. Giải các bất phương trình.**  c)    Vậy nghiệm của bpt là  d)    Vậy nghiệm của bpt là  e,    Vậy nghiệm của bpt là x > 2  f, | Cần phân nhóm là đội, một nhóm làm trọng tài.  Kết quả cần được công nhận ngoài nhanh phải chính xác, trên tinh thần hợp tác để xây dưng.  Kiểm tra vở của Hs sau HĐ này.  Chú ý nếu học sinh biểu diễn nhầm cần được tư vấn chỉ rõ để chọn khoảng và gạch khoảng chính xác hơn  Một số hs khi làm không có vạch số 0, về bản chất không sai nhưng cần có để hiểu chính xác khoảng đó có chứa hay không chứa các số âm hay các số dương.  HS học khá, làm đủ các ý, gv cần chấm, nhận xét để khuyến khích các em làm tốt, làm nhiều hơn.  Lớp 8B có 6 nhóm nên phân mỗi nhóm 1 ý, GV cần chấm nhận xét cho ít nhất 1 cá nhân trong nhóm để các Hs khác đối chiếu kết quả. | |
| **4. HĐ cả lớp**  Gv ? Cách tìm x ntn?  **HS:**  Đưa về dạng giải bất phương trình một ẩn.  GV yêu cầu hs hoạt động cặp đôi  +) Các cặp đôi làm việc theo y/c  +) GV quan sát, chấm nhận xét và đánh giá năng lực tự học của 1 số học sinh.   1. **Hoạt động nhóm**   GV phân nhóm hoạt động  Mỗi nhóm làm 2 ý  Các nhóm thảo luận , trao đổi , báo cáo.  GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn cho Hs khi cần thiết  GV chấm nhận xét đánh giá tinh thần tự học, tự giải quyết vấn đề và tinh thần hợp tác của các cá nhân trong nhóm.  **6. HS hoạt động nhóm**  - GV: Yêu cầu HS chuyển thành bài toán giải BPT  - Gv quan sát hỗ trợ các nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày  -Nhóm khác nhận xét và bổ sung  -Gv chốt | 1. **Tìm x**   a, 5 -2x > 0    b. x+3 < 4x -5  x > 8/3  c.     1. **Giải phương trình**   a, |5x| = 3x +8 (1)  + Với x 0 , ta có (1) 5x = 3x +8  x = 4 ( thỏa mãn điều kiện)  + Với x < 0 , ta có (1) - 5x = 3x +8  x = -1 ( thỏa mãn điều kiện)  Vậy S = {-1 ; 4}  b, |-2x| = x - 9 (1)  + Với x 0 , ta có (1)2x = x- 9  x= -9 ( không thỏa mãn điều kiện)  + Với x < 0 , ta có (1) - 2x = x-9  x = 3 ( không thỏa mãn điều kiện)  Vậy pt vô nghiệm.  c, |x - 6| = 2x (1)  + Với x 6 , ta có (1) x – 6 = 2x  x = - 6 ( không thỏa mãn điều kiện)  + Với x < 6 , ta có (1) 6 - x = 2x  x = 2 ( thỏa mãn điều kiện)  Vậy pt có nghiệm x = 2  d, |x +2| = 2x -10 (1)  + Với x -2 , có (1) x +2 = 2x -10  x = 12 ( thỏa mãn điều kiện)  + Với x < -2 ,có (1) -2 - x = 2x -10  x = 8/3 ( không thỏa mãn điều kiện)  Vậy pt có nghiệm x = 12  **6.**  Gọi x là độ dài đoạn đường ô tô đi với vận tộc 40km/h ( 0< x < 100)  Thời gian ô tô đi đường đó là (h)  Thời gian ô tô đi đoạn đường còn lại là (h)  Theo bài ra ta có:  Vậy độ dài đoạn đường ô tô đi với vận tốc 40km/h là không vượt quá 50km. | HS đa số quên đổi chiều bất phương trình khi hệ số của x âm nên lúc chấm nhận xét GV cần sủa và chỉ ra lỗi sai cho các em cẩn thận chính xác.  HS quên không chia hai trường hợp tương đối sẽ nhiều.  HS quên không đối chiếu với khoảng giá trị đang xét GV cần chỉ chấm và nhận xét cụ thể.  Nếu thấy nhiều cá nhân bài này chưa làm có thể gọi HS khá làm tốt để chia sẻ  Nếu cả lớp chưa có HS làm được có thể chữa chung cả lớp.  Nếu HS đã làm ht bài có thể cho thêm bài tập cm bđt: | |
| **D.E. Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng(5’)** | | | |
| Gv yêu cầu Hs về nhà hoàn thành các bài tập còn lại.  D,E .Không bắt buộc nhưng khuyến khích tất cả các HS cùng tham gia | | | |

**Rút kinh nghiệm, điều chỉnh,nhận xét:**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Duyệt ...........